

QUYỂN 3

(Quyển Năm-Uẩn)

(KHANDHA-VAGGA)

Về Bản Dịch

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pali-Anh của nhà sư Tỳ-kheo Bò-đề (đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có những chỗ tham chiếu với các phiên bản của PTS và nhà sư Ajahn Sujato.

- Bộ kinh này có 5 quyển lớn (Vagga); mỗi quyển lớn được đặt tên theo tên của chương đầu tiên của nó. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *liên-kết* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên-kết Ca-Điếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các nhóm kinh (vagga). Bản dịch Việt này đánh số chương trùng với số liên-kết (**SN**) luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các chú giải, trích dẫn, diễn dịch... trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bò-Đề (hoặc có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận khác (như Spk, Spk-Pt...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu các kinh và luận giảng được TKBĐ dẫn ra trong các chú giải để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu theo cách đánh số trong các bản dịch Pali-Anh của thầy ấy; ví dụ: **MN I 487–488**: bộ kinh **MN**, phần I, nằm ở trang 487-488 (thực ra đó là kinh **MN 72**, nhưng TKBĐ dẫn chiếu nhanh tới số trang mà lời kinh đó đang nằm). Nếu thuộc các bản dịch khác thì cũng được nêu rõ.

- Cuối mỗi chú thích ở cuối sách đều có ghi một số trong ngoặc đơn, ví dụ: (8), (240)..., đó là số của các chú thích trong phiên bản Pali-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn tra cứu những chú thích đó so với chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (pháp, các pháp), nhận-thức (tưởng), năng-lực tâm-linh (thần thông)....

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: phiên bản tiếng Miến Điện của SN

Ee: phiên bản theo ký tự La-tinh của SN

Se: phiên bản tiếng Sinhala (Tích-lan) của SN

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ SN (phiên bản Miến Điện)

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ SN (phiên bản Sinhala).

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: Tiểu Chú Giải bộ SN (phiên bản Miến Điện)

SS = Sinhala-script: Tiểu Chú Giải bộ SN (phiên bản Sinhala)

[▶] Lưu Ý: trong bản dịch này, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỉ khi chỗ nào là **Spk (Be)** và **Spk (Se)** thì sẽ được ghi rõ luôn.

CDB = Connected Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **SN** bởi Tỳ kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pali-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It

Ja: = Jātaka: tập Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN)

Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN)

Nidd I = Mahā-niddeśa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo)
(thuộc KN)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn

Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận)
(thuộc Abhi)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN

Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN)

Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ DN

Sv-pt = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th

Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998)

Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud

Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: Luật Tạng, Rõ Luật

Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH

BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch SN tiếng Anh (của Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pali-Anh của DN bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pali-Anh của MN bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli.

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] của nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

V. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán tạng (của Enomoto)

DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh
(của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

VI. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo

BPS = Buddhist Publication Society (Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan)

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ananda

MỤC LỤC

QUYỂN 3. (Quyển Năm-Uẩn)	iii
Về Bản Dịch.....	v
BẢNG VIẾT TẮT.....	vii
Chương 22. Liên Kết NĂM-UẨN	1
PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’	3
NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (Nakulapitā-vagga)	3
1 (1) <i>Gia Chủ Nakulapitā</i>	3
2 (2) <i>Ở Devadaha</i>	9
3 (3) <i>Gia Chủ Hāliddakāni (1)</i>	15
4 (4) <i>Gia Chủ Hāliddakāni (2)</i>	20
5 (5) <i>Sự Định Tâm</i>	22
6 (6) <i>Sự Ẩn Dật</i> (sự tách ly, sự ẩn cư, sự ẩn tu).....	24
7 (7) <i>Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (1)</i>	25
8 (8) <i>Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (2)</i>	28
9 (9) <i>Vô-Thường Trong Ba Thời</i>	30
10 (10) <i>Khổ Trong Ba Thời</i>	31
11 (11) <i>Vô-Ngã Trong Ba Thời</i>	32
NHÓM 2. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (Anicca-vagga)	33

12	(1) Vô-Thường	33
13	(2) Khổ	34
14	(3) Vô-Ngã	34
15	(4) Thứ Gì Vô-Thường.....	35
16	(5) Thứ Gì Khổ	35
17	(6) Thứ Gì Vô-Ngã	36
18	(7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân	37
19	(8) Khổ Là Có Nguyên Nhân	38
20	(9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân	38
21	(10) Ānanda	39
NHÓM 3. NHÓM ‘GÁNH NẶNG’ (Bhāra-vagga)		41
22	(1) Gánh Nặng	41
23	(2) Hiểu Hoàn-Toàn.....	43
24	(3) Biết Trực-Tiếp.....	43
25	(4) Tham Muốn và Nhục Dục	44
26	(5) Sự Thỏa Thích... (1)	45
27	(6) Sự Thỏa Thích... (2)	46
28	(7) Sự Thỏa Thích... (3) (nếu không có).....	48
29	(8) Khoái Lạc (sự khoái thích).....	49
30	(9) Sự Khởi Sinh (của sự khổ).....	50
31	(10) Gốc Rễ của Sự Thống Khổ	51
32	(11) Sự Mong Manh.....	51

NHÓM 4. NHÓM ‘KHÔNG PHẢI LÀ CỬA-TA’ (Natumhāka-vagga)53

33	(1) <i>Không Phải Là Cửa-Ta (1)</i>	53
34	(2) <i>Không Phải Là Cửa-Ta (2)</i>	54
35	(3) <i>Một Tỳ Kheo Nọ (1)</i>	54
36	(4) <i>Một Tỳ Kheo Nọ (2)</i>	57
37	(5) <i>Ānanda (1)</i>	59
38	(6) <i>Ānanda (2)</i>	60
39	(7) <i>Đúng Theo Giáo Pháp (1)</i>	62
40	(8) <i>Đúng Theo Giáo Pháp (2)</i>	62
41	(9) <i>Theo Đúng Giáo Pháp (3)</i>	63
42	(10) <i>Theo Đúng Giáo Pháp (4)</i>	63

NHÓM 5. NHÓM ‘CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’ (Attadīpa-vagga)64

43	(1) <i>Lấy Chính Mình Là Hòn Đảo</i>	64
44	(2) <i>Cách Nhìn Nhận</i>	66
45	(3) <i>Vô-Thường (1)</i>	67
46	(4) <i>Vô-Thường (2)</i>	69
47	(5) <i>Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ</i>	70
48	(6) <i>Các Uẩn</i>	72
49	(7) <i>Sọna (1)</i>	73
50	(8) <i>Sọna (2)</i>	76
51	(9) <i>Tiêu Diệt Khoái Lạc (1)</i>	77

52	(10) <i>Tiêu Diệt Khoái Lạc (2)</i>	78
PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’		79
NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (Upaya-vagga)		79
53	(1) <i>Sự Dính Lúu</i>	79
54	(2) <i>Mầm Giống</i> (chúng tử)	81
55	(3) <i>Lời Cảm Hứng Nói Ra</i> (tự thuyết)	83
56	(4) <i>Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn</i>	89
57	(5) <i>Bảy Trường Hợp</i>	94
58	(6) <i>Bậc Toàn Giác</i>	101
59	(7) <i>Đặc Tính Vô-Ngã</i> (vô ngã tướng).....	103
60	(8) <i>Mahāli</i>	105
61	(9) <i>Bốc Cháy</i>	108
62	(10) <i>Những Đường Chữ Nghĩa</i>	109
NHÓM 2. NHÓM ‘A-LA-HÁN’ (Arahanta-vagga)		112
63	(1) <i>Khi Dính Chấp</i>	112
64	(2) <i>Khi Suy Tưởng</i>	114
65	(3) <i>Khi Tìm Cầu Khoái Lạc (Sự Vui Thú)</i>	116
66	(4) <i>Vô-Thường</i>	117
67	(5) <i>Khổ</i>	119
68	(6) <i>Vô-Ngã</i>	119
69	(7) <i>Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’</i>	119

70	(8) <i>Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi</i>	120
71	(9) <i>Rādha</i>	120
72	(10) <i>Surādha</i>	121

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAİ NUỐT’ (Khajjanīya-vagga)124

73	(1) <i>Sự Thỏa Thích</i>	124
74	(2) <i>Nguồn Gốc</i> ... (1)	124
75	(3) <i>Nguồn Gốc</i> ... (2)	125
76	(4) <i>Những A-la-hán</i> (1).....	126
77	(5) <i>Những A-la-hán</i> (2).....	128
78	(6) <i>Sư Tử</i>	129
79	(7) <i>Đang Bị Nhai Nuốt</i>	131
80	(8) <i>Người Khát Thực</i> (xin ăn)	138
81	(9) <i>Pārileyya</i>	143
82	(10) <i>Đêm Rằm</i>	149

NHÓM 4. NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’ (Thera-vagga).....159

83	(1) <i>Ngài Ānanda</i>	159
84	(2) <i>Ngài Tissa</i>	161
85	(3) <i>Ngài Yamaka</i>	165
86	(4) <i>Ngài Anurādha</i>	175
87	(5) <i>Ngài Vakkali</i>	178
88	(6) <i>Ngài Assaji</i>	185

89	(7) <i>Ngài Khemaka</i>	188
90	(8) <i>Ngài Channa</i>	194
91	(9) <i>Ngài Rāhula (1)</i>	197
92	(10) <i>Ngài Rāhula (2)</i>	198
NHÓM 5. NHÓM ‘HOA’ (Puppha-vagga)		200
93	(1) <i>Dòng Sông</i>	200
94	(2) <i>Hoa</i>	201
95	(3) <i>Bọt Nước</i>	204
96	(4) <i>Phân Bò</i>	209
97	(5) <i>Móng Tay</i>	212
98	(6) <i>Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)</i>	214
99	(7) <i>Dây Xích (1)</i>	215
100	(8) <i>Dây Xích (2)</i>	217
101	(9) <i>Cán Rìu (hay Con Thuyền)</i>	219
102	(10) <i>Nhận Thức về Sự Vô-Thường</i>	224
PHẦN III. ‘NĂM MƯƠI KINH CUỐI’		229
NHÓM 1. NHÓM ‘CÁC PHẦN’ (Anta-vagga)		229
103	(1) <i>Các Phần</i> (nghĩa gốc: đầu cuối, biên [antā]).....	229
104	(2) <i>Khổ</i>	230
105	(3) <i>Danh Tính</i>	231
106	(4) <i>Được Hiểu Hoàn-Toàn</i>	232

107	(5) <i>Các Tu Sĩ (Sa-môn) (1)</i>	232
108	(6) <i>Các Tu Sĩ (Sa-môn) (2)</i>	233
109	(7) <i>Người Nhập-Lưu (Dự Lưu, Tu-đà-hoàn)</i>	234
110	(8) <i>A-la-hán</i>	235
111	(9) <i>Đẹp Bỏ Tham Muốn (1)</i>	236
112	(10) <i>Đẹp Bỏ Tham Muốn (2)</i>	236
NHÓM 2. NHÓM ‘NGƯỜI THUYẾT PHÁP’ (Dhammakathika-		
vagga)		238
113	(1) <i>Vô Minh</i>	238
114	(2) <i>Sự Hiểu Biết Đích Thực (Hữu-Minh)</i>	239
115	(3) <i>Người Thuyết Pháp (1)</i>	239
116	(4) <i>Người Thuyết Pháp (2)</i>	241
117	(5) <i>Sự Ràng Buộc</i>	241
118	(6) <i>Chát Ván (1)</i>	243
119	(7) <i>Chát Ván (2)</i>	244
120	(8) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	245
121	(9) <i>Những Thứ Có Thể Bị Dính-Chấp Vào Đó</i>	245
122	(10) <i>Có Đức Hạnh (Giới Hạnh)</i>	246
123	(11) <i>Đã Được Chỉ Dạy</i>	249
124	(12) <i>Kappa (1)</i>	249
125	(13) <i>Kappa (2)</i>	250
NHÓM 3. NHÓM ‘VÔ MINH’ (Avijjā-vagga)		251

126	(1) <i>Thuộc Tính Khởi Sinh (1)</i>	251
127	(2) <i>Thuộc Tính Khởi Sinh (2)</i>	253
128	(3) <i>Thuộc Tính Khởi Sinh (3)</i>	253
129	(4) <i>Sự Thỏa Thích... (1)</i>	254
130	(5) <i>Sự Thỏa Thích... (2)</i>	254
131	(6) <i>Sự Khởi Sinh... (1) (Nguồn Gốc)</i>	255
132	(7) <i>Sự Khởi Sinh... (2)</i>	256
133	(8) <i>Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (1)</i>	256
134	(9) <i>Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2)</i>	257
135	(10) <i>Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3)</i>	257
NHÓM 4. NHÓM 'THAN CHÁY ĐỎ' (Kukkuḷa-vagga)		259
136	(1) <i>Than Cháy Đỏ</i>	259
137	(2) <i>Vô-Thường (1)</i>	259
138	(3) <i>Vô-Thường (2)</i>	260
139	(4) <i>Vô-Thường (3)</i>	260
140	(5) <i>Khổ (1)</i>	261
141	(6) <i>Khổ (2)</i>	261
142	(7) <i>Khổ (3)</i>	261
143	(8) <i>Vô-Ngã (1)</i>	261
144	(9) <i>Vô-Ngã (2)</i>	262
145	(10) <i>Vô-Ngã (3)</i>	262
146	(11) <i>Thảm Nhuận Trong Sự Ghê-Sợ</i>	262
147	(12) <i>Quán Xét Sự Vô-Thường</i>	263

148	(13) Quán Xét Sự Khổ	264
149	(14) Quán Xét Sự Vô-Ngã	264
NHÓM 5. NHÓM ‘CÁCH NHÌN’ (Diṭṭhi-vagga)		265
150	(1) Ở Bên Trong	265
151	(2) Đây Là “Của-Ta”	266
152	(3) Cái ‘Ta’ (Ngã)	268
153	(4) Nếu Điều Đó Không Là Vây Đối Với Ta	269
154	(5) Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến)	270
155	(6) Cách Nhìn Danh Tính (thân kiến).....	272
156	(7) Cách Nhìn Cái ‘Ta’ (ngã kiến)	272
157	(8) Sự Cố Chấp.....	273
159	(10) Ānanda.....	273
Chương 23. Liên Kết RĀDHA		277
NHÓM 1. NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ NHẤT’ (Paṭṭhama-Māra-		
vagga).....		279
1	(1) Ma-Vương (Māra).....	279
2	(2) Một Chúng Sinh	281
3	(3) Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu	282
4	(4) Nên Được Hiểu Hoàn Toàn - (SN 23:04)	283
5	(5) Tu Sĩ (Sa-môn) (1) - (SN 23:05)	283
6	(6) Tu Sĩ (Sa-môn) (2) - (SN 23:06)	283

7	(7) <i>Bậc Nhập-Lưu</i> - (SN 23:07).....	283
8	(8) <i>Bậc A-la-hán</i> - (SN 23:08)	283
9	(9) <i>Tham-Dục (1)</i> - (SN 23:09).....	283
10	(10) <i>Tham-Dục (2)</i> - (SN 23:10).....	283
11	(1) <i>Ma Vương</i>	284
12	(2) <i>Sẽ Bị Ma Vương</i>	284
13	(3) <i>Vô-Thường</i>	285
14	(4) <i>Thuộc Bản Chất Vô-Thường</i>	286
15	(5) <i>Khổ</i>	286
16	(6) <i>Thuộc Bản Chất Khổ</i>	287
17	(7) <i>Vô-Ngã</i>	288
18	(8) <i>Thuộc Bản Chất Vô-Ngã</i>	288
19	(9) <i>Sẽ Bị Hoại Diệt</i>	289
20	(10) <i>Sẽ Bị Biến Mất</i>	290
21	(11) <i>Sẽ Có Khởi Sinh</i>	290
22	(12) <i>Sẽ Bị Chấm Dứt</i>	291
NHÓM 3. NHÓM ‘YÊU CẦU’ (Āyācana-vagga)		292
23	(1) <i>Ma Vương</i>	292
24	(2) <i>Sẽ Bị Ma Vương</i> - (SN 23:24).....	293
25	(3) <i>Vô-Thường</i> - (SN 23:25)	293
26	(4) <i>Thuộc Bản Chất Vô-Thường</i> - (SN 23:26)	293
27	(5) <i>Khổ</i> - (SN 23:27).....	293
28	(6) <i>Thuộc Bản Chất Khổ</i> - (SN 23:28).....	293

29	(7) Vô-Ngã - (SN 23:29).....	293
30	(8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã - (SN 23:30).....	293
31	(9) Sẽ Bị Hoại Diệt - (SN 23:31).....	293
32	(10) Sẽ Bị Biến Mất - (SN 23:32).....	293
33	(11) Sẽ Có Khởi Sinh - (SN 23:33).....	293
34	(12) Sẽ Bị Châm Dứt - (SN 23:34).....	293

NHÓM 4. NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’ (Upanisinna-vagga) ...295

35	(1) Ma Vương (Māra)	295
36	(2) Bị Ma Vương - (SN 23:36).....	295
37	(3) Vô-Thường - (SN 23:37).....	295
38	(4) Thuộc Bản Chất Vô-Thường - (SN 23:38).....	295
39	(5) Khổ - (SN 23:39).....	296
40	(6) Thuộc Bản Chất Khổ - (SN 23:40).....	296
41	(7) Vô-Ngã - (SN 23:41).....	296
42	(8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã - (SN 23:42).....	296
43	(9) Sẽ Bị Hoại Diệt - (SN 23:43).....	296
44	(10) Sẽ Bị Biến Mất - (SN 23:44).....	296
45	(11) Sẽ Có Khởi Sinh - (SN 23:45).....	296
46	(12) Sẽ Bị Châm Dứt - (SN 23:46).....	296

Chương 24. Liên Kết CÁCH-NHÌN297

NHÓM 1. NHÓM ‘NHẬP-LƯU’ (Sotāpatti-vagga).....299

1	(1) <i>Gió...</i>	299
2	(2) <i>Đây Là ‘Của-Ta’</i>	301
3	(3) <i>Đây Là Cái ‘Ta’</i> (ngã, bản ngã)	302
4	(4) <i>Điều Đó Đã Không Là Vậy Đối Với Ta</i>	303
5	(5) <i>Không Có</i>	304
6	(6) <i>Hành Động</i> (nghiệp)	306
7	(7) <i>Nguyên Nhân</i> (nhân)	307
8	(8) <i>Cách Nhìn Lớn Lao</i> (đại tà kiến)	309
9	(9) <i>Thế Giới Là Bất Diệt</i>	311
10	(10) <i>Thế Giới Là Không Bất Diệt</i>	312
11	(11) <i>Thế Giới Là Hữu Hạn</i>	313
12	(12) <i>Thế Giới Là Vô Hạn</i>	313
13	(13) <i>Linh Hồn và Thân Thể Là Một</i>	314
14	(14) <i>Linh Hồn và Thân Thể Là Khác Nhau</i>	314
15	(15) <i>Như Lai Còn Hiện Hữu</i>	315
16	(16) <i>Như Lai Không Còn Hiện Hữu</i>	316
17	(17) <i>Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu</i>	316
18	(18) <i>Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu</i>	317

NHÓM 2. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG HAI’ (Dutiya-Gamana-vagga).....320

19	(1) <i>Gió...</i>	320
20	(2) <i>Đây Là ‘Của Ta’ — cho tới kinh 36 (18)</i>	321

37	(19) Một Cái ‘Ta’ Gồm Có Thân-Sắc	321
38	(20) Cái ‘Ta’ Là Vô Sắc	322
39	(21) Cái ‘Ta’ Vừa Có Thân-Sắc Vừa Không Có Thân-Sắc 322	
40	(22) Cái ‘Ta’ Không Có Thân-Sắc Cũng Không Phải Không Có Thân-Sắc	323
41	(23) Chỉ Có Sướng.....	323
42	(24) Chỉ Có Khổ.....	324
43	(25) Có Khổ và Sướng	324
44	(26) Không Sướng, Không Khổ	325
NHÓM 3. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BA’ (Tatiya-Gamana-		
vagga).....		326
45	(1) Gió... ..	326
46	(2) Đây Là “Của-Ta” – 70 (26)	328
NHÓM 4. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BỐN’ (Catuttha-Gamana-		
vagga).....		329
71	(1) Gió... ..	329
72	(2) Đây là ‘Của-Ta’ – 96 (26)	331
Chương 25. Liên Kết NHẬP-VÀO		333
1	Mắt... ..	335
2	Những Hình-Sắc... ..	336

3	<i>Thức</i>	337
4	<i>Tiếp-Xúc</i>	337
5	<i>Cảm-Giác</i>	338
6	<i>Nhận-Thức</i>	339
7	<i>Sự Cố-Ý</i> (hành, ý hành)	339
8	<i>Dục-Vọng</i>	340
9	<i>Các Yếu-Tố</i> (giới)	340
10	<i>Năm-Uẩn</i>	341
 Chương 26. Liên Kết SINH		343
1	<i>Mắt</i>	345
2	<i>Những Hình-Sắc</i>	346
3	<i>Thức</i>	346
4	<i>Tiếp-Xúc</i>	347
5	<i>Cảm-Giác</i>	347
6	<i>Nhận-Thức</i>	348
7	<i>Sự Cố-Ý</i> (hành, ý hành)	348
8	<i>Dục-Vọng</i>	349
9	<i>Các Yếu-Tố</i> (giới)	349
10	<i>Năm-Uẩn</i>	350
 Chương 27. Liên Kết Ô-NHIỄM		351
1	<i>Mắt</i>	353
2	<i>Những Hình-Sắc</i>	353

3	<i>Thức</i>	354
4	<i>Tiếp-Xúc</i>	354
5	<i>Cảm-Giác</i>	355
6	<i>Nhận-Thức</i>	355
7	<i>Sự Cố-Ý</i> (hành, ý hành)	356
8	<i>Dục-Vọng</i>	356
9	<i>Các Yếu-Tố</i>	357
10	<i>Năm-Uẩn</i>	357
 Chương 28. Liên Kết XÁ-LỢI-PHÁT		359
1	<i>Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ...</i> (Nhất thiên)	361
2	<i>Không Còn Ý-Nghĩ (tâm)...</i> (Nhị thiên)	362
3	<i>Sự Hoan-Hỷ (hỷ)...</i> (Tam thiên)	363
4	<i>Sự Buông-Xả (xả)...</i> (Tứ thiên)	364
5	<i>Cảnh Xứ Vô-Biên Cửa Không-Gian</i> (không vô biên xứ) ...	365
6	<i>Cảnh Xứ Vô-Biên Cửa Thức</i> (thức vô biên xứ)	365
7	<i>Cảnh Xứ Trống-Không</i> (vô sở hữu xứ)	366
8	<i>Cảnh Xứ Không Có Nhận-Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận-Thức</i> (phi tướng phi phi tướng xứ)	367
9	<i>Chứng Đắc Sự Chấm-Dứt</i> (chấm dứt cảm-giác & nhận-thức: diệt thọ tướng)	367
10	<i>Nữ Du Sĩ Sucimukhī</i>	368
 Chương 29. Liên Kết RỒNG NAGA		371

<i>1</i>	<i>Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)</i>	373
<i>2</i>	<i>Tốt Hơn</i>	373
<i>3</i>	<i>Uposatha (Bố-tát) (1)</i>	374
<i>4</i>	<i>Uposatha (Bố-tát) (2) – (SN 29:04)</i>	374
<i>5</i>	<i>Uposatha (Bố-tát) (3) – (SN 29:05)</i>	375
<i>6</i>	<i>Uposatha (Bố-tát) (4) – (SN 29:06)</i>	375
<i>7</i>	<i>Người Đó Đã Nghe (1)</i>	375
<i>8</i>	<i>Người Đó Đã Nghe (2) – (SN 29:08)</i>	376
<i>9</i>	<i>Người Đó Đã Nghe (3) – (SN 29:09)</i>	376
<i>10</i>	<i>Người Đó Đã Nghe (4) – (SN 29:10)</i>	376
<i>11 – 20</i>	<i>Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...)</i>	376
<i>21 – 50</i>	<i>Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)</i>	377
Chương 30. Liên Kết CHIM-THẦN		379
<i>1</i>	<i>Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)</i>	381
<i>2</i>	<i>Chúng Gặp Rồng Naga</i>	381
<i>3</i>	<i>Lấn Lộn Thiện-Ác (1)</i>	382
<i>4 – 6</i>	<i>Lấn Lộn Thiện-Ác (2), (3), (4)</i>	383
<i>7 – 16</i>	<i>Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...)</i>	383
<i>17 – 46</i>	<i>Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)</i>	384
Chương 31. Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ		385
<i>1</i>	<i>Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)</i>	387

2	<i>Hành Vi Thiện</i>	387
3	<i>Ngươi Bồ Thí (1)</i>	388
4 – 12	<i>Ngươi Bồ Thí (2)...(10)</i>	389
13 – 22	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (1) (mà tái sinh...)</i>	389
23 – 112	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (2) (mà tái sinh...)</i>	391
Chương 32. Liên Kết THIÊN THẦN MÂY		393
1	<i>Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)</i>	395
2	<i>Hành Vi Thiện</i>	395
3 – 12	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (1) (mà tái sinh...)</i>	395
13 – 52	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (2) (mà tái sinh...)</i>	396
53	<i>Các Thiên Thần Mây-Mát</i>	396
54	<i>Các Thiên Thần Mây-Ám</i>	397
55	<i>Các Thiên Thần Mây-Bão</i>	397
56	<i>Các Thiên Thần Mây-Gió</i>	398
57	<i>Các Thiên Thần Mây-Mưa</i>	399
Chương 33. Liên Kết VACCHAGOTTA		401
1	<i>Do Không Hiểu-Biết (1)</i>	403
2	<i>Do Không Hiểu-Biết (2)</i>	404
3	<i>Do Không Hiểu-Biết (3)</i>	404
4	<i>Do Không Hiểu-Biết (4)</i>	405
5	<i>Do Không Hiểu-Biết (5)</i>	405

6 – 10	<i>Do Không Nhìn-Thấy (năm uẩn)</i>	405
11 – 15	<i>Do Không Đột-Phá Vào (năm uẩn)</i>	406
16 – 20	<i>Do Không Nắm-Rõ (năm uẩn)</i>	406
21 – 25	<i>Do Không Thâm-Nhập Vào</i>	406
26 – 30	<i>Do Không Nhận-Thấy Được</i>	406
31 – 35	<i>Do Không Phân-Biệt Ra [đôi xử]</i>	406
36 – 40	<i>Do Không Phân-Biệt [sự khác nhau]</i>	406
41 – 45	<i>Do Không Soi-Xét</i>	407
46 – 50	<i>Do Không Soi-Xét Kỹ Càng</i>	407
51 – 55	<i>Do Không Trực-Tiếp Nhận-Biết</i>	407
Chương 34. Liên Kết THIÊN-ĐỊNH		409
1	<i>Chứng-Đặc tương quan với Thiên-Định</i>	411
2	<i>Duy-Trì tương quan với Thiên-Định</i>	412
3	<i>Thoát-Ra tương quan với Thiên-Định</i>	413
4	<i>Mềm-Dẻo tương quan với Thiên-Định</i>	413
5	<i>Đôi-Tượng tương quan với Thiên-Định</i>	414
6	<i>Phạm-Vi tương quan với Thiên-Định</i>	414
7	<i>Quyết-Tâm tương quan với Thiên-Định</i>	414
8	<i>Chu-Đáo tương quan với Thiên-Định</i>	414
9	<i>Kiên-Trì tương quan với Thiên-Định</i>	415
10	<i>Thích-Hợp tương quan với Thiên-Định</i>	415
11	<i>Duy-Trì tương quan với Chứng-Đặc</i>	415

12	<i>Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc</i>	416
13	<i>Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc</i>	416
14	<i>Đôi-Tượng tương quan với Chứng-Đắc</i>	417
15	<i>Phạm-Vi tương quan với Chứng-Đắc</i>	417
16	<i>Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc</i>	417
17	<i>Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc</i>	417
18	<i>Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc</i>	418
19	<i>Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc</i>	418
20	<i>Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì</i>	418
21 – 27	<i>Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì</i>	419
28	<i>Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra</i>	420
29 – 34	<i>Đôi-Tượng tương quan với Thoát-Ra</i>	420
35	<i>Đôi-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo</i>	420
36 – 40	<i>Phạm-Vi tương quan với Mềm-Dẻo</i>	421
41	<i>Phạm-Vi tương quan với Đôi-Tượng</i>	421
42 – 45	<i>Quyết-Tâm tương quan với Đôi-Tượng</i>	422
46	<i>Quyết-Tâm tương quan với Phạm-Vi</i>	422
47 – 49	<i>Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi</i>	423
50	<i>Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm</i>	423
51 – 52	<i>Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi</i>	424
53	<i>Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo</i>	425
54	<i>Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo</i>	425
55	<i>Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì</i>	426

CHÚ THÍCH429

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 22

Liên Kết NĂM-UẨN

(22 Khandha—samyutta)

(22 Tương Ứng Uẩn)

PHẦN I

‘NĂM MƯỜI KINH GỐC’

NHÓM 1

NHÓM ‘NAKULAPITĀ’

(Nakulapitā-vagga)

1 (1) *Gia Chủ Nakulapitā*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga ở vùng Suṃsumāragira, ở khu Vườn Nai, trong Khu Rừng Bhesakaḷā. Rồi gia chủ tên Nakulapitā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:¹

“Thưa Thế Tôn, con nay đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã tiến xa trong tuổi đời, bước vào giai đoạn cuối, khổ đau trong thân, thường bệnh yếu. Con hiếm khi có dịp gặp được đức Thế Tôn và các Tỷ kheo đáng kính. Vậy thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn đề xướng (giáo huấn) cho con, mong đức Thế Tôn chỉ

dạy con, vì điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con.”

“Đúng vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Thân này của ông bị đau đốn, bị sụt cân, khó nhọc. Nếu có ai vác thân này đi xung quanh và nói nó khỏe mạnh được phút chốc nào, thì điều đó khác gì sự ngu xuẩn? Do vậy, này gia chủ, ông nên tu tập bản thân như vậy: ‘Dù ta bị khổ đau trong thân, tâm ta không bị khổ đau.’ Ông nên tu tập bản thân như vậy.”

Rồi gia chủ Nakulapitā, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi về); sau đó ông đến gặp Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi kính chào thầy Xá-lợi-phất, ông ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với ông:

“Này gia chủ, các giác quan của ông tĩnh lặng, da mặt ông trong và sáng. Hôm nay ông đã được đích thân nghe đức Thế Tôn nói chuyện Giáo Pháp phải không?”

“Tại sao không, thưa thầy? Con mới vừa được đức Thế Tôn ‘xức dầu’ bằng loại thuốc trường sanh là bài Pháp thoại.”

“Loại Pháp thoại nào là thuốc trường sanh mà đức Thế Tôn đã xức cho ông, này gia chủ?”

“Ồ đây, thưa thầy, con đã đến gặp đức Thế Tôn

[*Gia chủ Nakulapitā đã lặp lại cuộc nói chuyện của ông và Phật như trên, và nói tiếp:*]

“Thưa thầy, chính thứ thuốc trường sanh là bài Pháp thoại đó đức Thế Tôn đã xức cho con.”

“Nhưng, này gia chủ, tại sao câu hỏi này không nảy sinh thêm với gia chủ, rằng: theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân và bị khổ đau trong tâm, và theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân nhưng không bị khổ đau trong tâm?”

“Thưa thầy, thì chúng con đi đường xa đến đây là để học hiểu ý nghĩa của điều đó từ Ngài Xá-lợi-phát. Cho nên sẽ tốt lành nếu được thầy Xá-lợi-phát làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói”

“Dạ, thưa thầy”, gia chủ Nakulapitā đáp lại. Thầy Xá-lợi-phát đã nói điều này:

(i) “Này gia chủ, theo cách nào một người *bị khổ đau trong thân và trong tâm*? Ở đây, này gia chủ, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *cứ* coi thân-sắc (*sắc*) là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong cái ‘ta’,

hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là thân-sắc, thân-sắc là ‘của ta’.’² Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm đó, thân-sắc người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì [khi] (nhìn thấy) thân-sắc thay đổi và biến đổi, nên [thì] khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác (*thọ*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’ hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm đó, cảm-giác của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi nhận-thức (*trưởng*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm đó, nhận-thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi những sự tạo-tác cố-ý (*hành*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố-ý, hoặc nghĩ những sự

tạo-tác cố-ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố-ý. Người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố-ý, những sự tạo-tác cố-ý là ‘của ta.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm đó, những sự tạo-tác cố-ý của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì những sự tạo-tác cố-ý luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi thức (*thức*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan niệm đó, thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân và khổ đau trong tâm.

(ii) “Và, này gia chủ, theo cách nào thì một người *bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm?* Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở

trong thân-sắc. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là thân-sắc, thân-sắc là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm đó, thân-sắc của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi (nhìn thấy) thân-sắc luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm đó, cảm-giác của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

Người đó *không* coi nhận-thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm đó, nhận-thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

Người đó *không* coi những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố-ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác

cố-ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố-ý. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố-ý, những sự tạo-tác cố-ý là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm đó, những sự tạo-tác cố-ý của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi những sự tạo-tác cố-ý luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

Người đó *không* coi thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan niệm đó, thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm.

Đây là điều thầy Xá-lợi-phất đã nói. Gia chủ Nakulapitā thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:01)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Devadaha; (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Rồi một số Tỳ kheo đang hướng đi miền tây đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, chúng con muốn đến tinh lý phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó.” ([cho ba tháng an cư mùa mưa])

“Các thầy đã xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi này chưa?”

“Chưa, thưa Thế Tôn.”

“Vậy hãy tới xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi, này các Tỳ kheo. Xá-lợi-phất là trí khôn, thầy ấy là người trợ giúp các huynh đệ trong đời sống thánh thiện.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Bấy giờ, vào lúc đó thầy Xá-lợi-phất đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, trong chỗ bụi cây ba đậu ([được người dân uốn mọc thành vòm che mát như một cái lều]). Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và cúi chào đức Thế Tôn. Rồi, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi ra); rồi họ đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Họ chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, chúng tôi muốn đi về tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó. Chúng tôi mới xin phép Sư Thầy (tức Phật) rồi.”

“Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỷ kheo vừa xuất ngoại qua đó (xuất ngoại: từ xứ này qua xứ khác, vương quốc này qua vương quốc khác)— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sư thầy của quý vị nói gì, sư thầy dạy những gì?’ Tôi hy vọng các quý thầy đã học hiểu thấu đáo những giáo lý, đã nắm bắt chúng thấu đáo, đã chú tâm chúng thấu đáo, đã quán chiếu (suy xét) chúng thấu đáo, và đã thâm nhập chúng thấu đáo bằng trí tuệ, nhờ đó khi trả lời quý thầy sẽ nói ra điều đã được nói bởi đức Thế Tôn và không trình bày sai lời của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều sự thật (mà đức Thế Tôn đã nói); nhờ đó quý thầy sẽ giảng bày đúng theo Giáo Pháp, và để sau đó không tạo ra cơ sở có lý nào để (người nghe) phê bình.”³

“Này đạo hữu, chúng tôi đã đi đường xa tới đây là để học hiểu ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“VẬY HÃY LẮNG NGHE VÀ CHÚ TÂM KỸ CÀNG, NÀY CÁC ĐẠO HỮU, TA SẼ NÓI.”

“Vâng, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

- “Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Su thầy của quý vị nói gì, su thầy dạy những gì?’ Khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, Su Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục.’

- “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Su thầy của các bạn chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cái gì?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, su thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức.’ (năm uẩn)

- “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại gì mà su thầy của các bạn chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này

các bạn, người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyện ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng đối với thân sắc, thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại này, sư thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức.’

- “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi nhìn thấy lợi-ích gì mà sư thầy của các bạn chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng đối với thân-sắc, thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nếu người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng đối với cảm-giác

... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy lợi-ích này, sự thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức.’

- “Này các đạo hữu, nếu người ta chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái (tâm) *bất thiện* mà có thể được sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt (khổ não), và nếu, khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (được tái sinh trong) một nơi đến tốt lành, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái bất thiện thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt, và bởi vì người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) một nơi đến thấp xấu khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy.

- “Này các bạn, nếu người ta chứng nhập và an trú giữa những trạng thái (tâm) *thiện lành* mà bị sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt, và nếu, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) một nơi đến thấp xấu, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự có-được (sở hữu, tích tạo) những trạng thái thiện lành để làm gì.

Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và an trú trong những trạng thái thiện lành thì được sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt, và bởi vì người đó có thể trông đợi (được tái sinh) trong một nơi đến tốt lành khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự có-được những trạng thái thiện lành.”

Đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:02)

3 (3) *Gia Chủ Hāliddakāni (1)*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa những người xứ Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara. Rồi gia chủ tên Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, đức Thế Tôn đã nói điều này trong tập “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*” của chương *Aṭṭhakavagga* (Chương Tám)

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,

Bỏ hết những khoái lạc giác quan, không cầu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

Thưa thầy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn; ý nghĩa của nó nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

- “Này gia chủ, yếu-tố thân-sắc là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘nhục-dục đối với yếu-tố thân-sắc’ thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*.⁴ Yếu-tố cảm-giác là nhà của thức ... Yếu-tố nhận-thức là nhà của thức ... Yếu-tố những sự tạo-tác cố-ý là nhà của thức;⁵ người có thức bị gông cùm bởi ‘nhục-dục đối với yếu-tố thân-sắc’ thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*. Chính theo cách như vậy là người đi lang thang trong nhà.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *một người đi lang thang không-nhà*? Tham muốn, nhục dục, khoái lạc, và dục vọng, sự dính líu và dính chấp, những quan điểm này nọ, những cố chấp, và những khuynh hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố thân-sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ nên chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Tham muốn, nhục dục, khoái lạc, và dục vọng, sự dính líu và dính chấp, những quan điểm này nọ, những cố chấp, và những khuynh hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố cảm-giác ... yếu-tố nhận-thức ... yếu-tố những sự tạo-tác cố-ý ... yếu-tố thức;⁶ những thứ này

đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ nên chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Chính theo cách như vậy là người đi lang thang không nhà.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang trong một nơi trú-xứ*? Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu (hình tướng) những hình-sắc, nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một nơi trú-xứ*. Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm thanh ... dấu hiệu những mùi hương ... dấu hiệu những mùi vị ... dấu hiệu những đối tượng chạm xúc ... dấu hiệu những hiện tượng thuộc tâm, nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một nơi trú-xứ*.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang không trú-xứ*? Sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những hình sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ, cho nên chúng không thể còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Sự phát rộng và sự trói buộc trong trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm thanh ... mùi hương ... mùi vị ... các đối tượng chạm xúc ... những hiện tượng thuộc tâm: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc

chết cây cọ, đã bị xóa sổ, cho nên chúng không thể còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Chính theo cách như vậy là người đi lang thang không trú-xứ.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là người có *thân tình* (với người khác) *ở trong làng*? Ở đây, này gia chủ, có người tu sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ. ⁷ Chính theo cách như vậy là người có thân tình trong làng.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không thân tình* (với ai) *trong làng*? Ở đây, này gia chủ, một Tỷ kheo không sống có liên hệ với những người tại gia. Người đó không vui chung với họ hay sầu chung với họ, người đó không vui khi họ vui hay buồn khi họ buồn, và người đó không dính líu bản thân vào những chuyện riêng và bổn phận của họ. Chính theo cách như vậy là người không thân tình trong làng.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người chưa hết những khoái lạc giác quan*? Ở đây, này gia chủ, có người tu không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng đối với những khoái lạc giác quan. Theo cách như vậy là người chưa hết khoái lạc giác quan.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đã bỏ hết những khoái lạc giác quan*? Ở đây, này gia chủ, có người tu đã không còn nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng đối với những khoái lạc giác quan. Theo cách như vậy là người đã bỏ hết khoái lạc giác quan.

- “Và, này gia chủ, làm thế nào là *người nuôi dưỡng những cầu vọng*? Ở đây, có người cứ nghĩ: ‘Cầu cho ta có được thân-sắc như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được cảm-giác như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được nhận-thức như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được những sự tạo-tác cố-ý như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được thức như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là người nuôi dưỡng những cầu vọng.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không có những cầu vọng*? Ở đây, này gia chủ, người không nghĩ: ‘Cầu cho ta có được thân-sắc như vậy như vậy trong tương lai!... Cầu cho ta có thức như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là người không có cầu vọng.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người dính vào kiểu nói chuyện như vậy:⁸ ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau;

điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn nghĩ lâu mới ra đã bị bác bỏ. Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự gỡ rối cho mình, nếu bạn có thể.’ Chính theo cách như vậy là người dính vào sự tranh cãi với người khác.

- “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không dính vào tranh cãi với người ta?* Ở đây, này gia chủ, có người không dính vào kiểu nói chuyện như vậy: [*y hết như đoạn trên*]. Chính theo cách như vậy là người không dính vào sự tranh cãi với người khác.

“Như vậy đó, này gia chủ, khi đức Thế Tôn nói điều này trong tập “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*’ của chương *Aṭṭhakavagga* (Chương Tám):

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không nơi trú ngụ,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai;
Bỏ hết những khoái lạc giác quan, không câu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

, thì ý nghĩa của điều này, đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy”

(SN 22:03)

4 (4) *Gia Chủ Hāliddakāni* (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa những người xứ Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara. Rồi gia chủ Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong tập ‘*Những Câu Hỏi của Vua Trời Đế-thích (Sakka)*’: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tột cùng, sự an-toàn tột cùng thoát khỏi mọi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử), đời-sống thánh-thiện tột cùng, mục-tiêu tột cùng, và họ là bậc nhất trong các thiên thần và loài người.’ Thưa thầy, ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

- “Này gia chủ, thông qua sự phá bỏ, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham muốn, nhục dục, khoái lạc, dục vọng, sự dính líu và dính chấp, những quan điểm này nọ, những sự cố chấp, và những khuynh hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố *thân-sắc*, thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách khéo léo.

“Thông qua sự phá bỏ, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham muốn, nhục dục, khoái lạc, dục vọng, sự dính líu và dính chấp, những quan điểm này nọ, những sự cố chấp, và những khuynh hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố *cảm-giác* ... yếu-tố *nhận-thức* ... yếu-tố *những sự tạo-tác cố-ý* ... yếu-tố *thức*, thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách khéo léo.

“Như vậy đó, này gia chủ, khi điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong tập ‘*Những Câu Hỏi của Vua Trời Đế-thích*’: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tốt cùng, sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi mọi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử), đời-sống thánh-thiện tốt cùng, mục-tiêu tốt cùng, và họ là bậc nhất trong các thiên thần và loài người.’, thì ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết như vậy”

(SN 22:04)

5 (5) *Sự Định Tâm*

Tôi nghe như vậy. Ở Sāvattihī Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập (phát triển) sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của thân-sắc; nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác; nguồn gốc và sự phai biến của nhận-thức; nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý; nguồn gốc và sự phai biến của thức.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của thân-sắc? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của nhận-thức?

Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố-ý? Cái gì là nguồn gốc của thức?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người tìm kiếm khoái lạc, người đón tiếp, người ôm giữ. Và người tìm kiếm khoái lạc trong cái gì, người đón tiếp cái gì, người ôm giữ cái gì? (Đó là) người tìm kiếm khoái lạc trong thân-sắc, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái lạc khởi sinh. Khoái lạc trong thân-sắc là sự dính-chấp. Do có sự dính-chấp là điều kiện (duyên) nên có [sinh ra] sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện nên có sự-sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Người tìm kiếm khoái lạc trong cảm-giác ... trong nhận-thức ... trong những sự tạo-tác cố-ý ... trong thức, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái lạc khởi sinh.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, đây là nguồn gốc của thân-sắc; đây là nguồn gốc của cảm-giác; đây là nguồn gốc của nhận-thức; đây là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố-ý; đây là nguồn gốc của thức.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai biến của thân-sắc? Cái gì là sự phai biến của cảm-giác? Cái gì là sự phai biến của nhận-thức? Cái gì là sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý? Cái gì là sự phai biến của thức?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người không tìm kiếm khoái lạc, người không đón tiếp, người không ôm giữ. Và người không tìm kiếm khoái lạc trong cái gì, người không đón tiếp cái gì, người không ôm giữ cái gì? (Đó là) người không tìm kiếm khoái lạc trong thân-sắc, không đón tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái lạc không khởi sinh. Khoái lạc trong thân-sắc chấm dứt. Do có sự chấm dứt khoái lạc nên chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi dính-chấp sự hiện-hữu thì sự-sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (đâu còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Người không tìm kiếm khoái lạc trong cảm-giác... trong nhận-thức ... trong những sự tạo-tác cố-ý ... trong thức, không đón tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái lạc chấm dứt.... Đó là *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phai biến của thân-sắc; đây là sự phai biến của cảm-giác; đây là sự phai biến của nhận-thức; đây là sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý; đây là sự phai biến của thức.”

(SN 22:05)

6 (6) *Sự Ẩn Dật* (sự tách ly, sự ẩn cư, sự ẩn tu)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) ở nơi ẩn dật (sống tách ly để thiền tập). Một Tỳ kheo sống ẩn dật sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của thân-sắc; nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác; nguồn gốc và sự phai biến của nhận-thức; nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý; nguồn gốc và sự phai biến của thức.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của thân-sắc?...”
[Tiếp tục phần còn lại giống hết lời trong kinh kể trên.]

(SN 22:06)

7 (7) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu lo [và khích động] do có sự dính-chấp, và sự không âu lo [và không khích động] nhờ sự không-còn dính-chấp.⁹ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(i) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có *sự âu lo do có sự dính-chấp?* Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Mà thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thức của người đó bị bận tâm [chiếm ngự] bởi sự thay đổi của thân-sắc. Sự âu lo và một mớ những trạng thái tâm bị sinh ra từ sự ‘bận tâm với sự thay đổi của thân-sắc’ vẫn cứ ám muội trong tâm trí người đó. Bởi vì tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và vì có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu lo và khích động.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó bị bận tâm với sự thay đổi của thức. Sự âu lo và một mớ những trạng thái tâm bị sinh ra từ

sự ‘bận tâm với sự thay đổi của thức’ vẫn cứ ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và vì có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu lo và kích động.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy nên có sự âu lo [và kích động] do có sự dính-chấp.

(ii) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *không có sự không âu lo do không-còn dính-chấp*? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc*. Thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thức của người đó *không* bị bận tâm bởi sự thay đổi của thân-sắc. *Không có sự âu lo và không có một mớ trạng thái tâm bị sinh ra từ sự ‘bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thân-sắc’ ám muội tâm trí người đó*. Bởi vì tâm người đó *không* bị ám muội, nên người đó *không* sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và nhờ sự *không-còn dính-chấp* nên người đó không bị âu lo và kích động.

“Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở

trong thức. Thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó *không* bị bận tâm với sự thay đổi của thức. *Không có* sự âu lo và *không có* một mớ những trạng thái tâm được sinh ra từ sự bận tâm với sự thay đổi của thức ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó *không* bị ám muội, nên người đó *không* sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và nhờ sự *không-còn* dính-chấp nên người đó *không* bị âu lo và khích động.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy nên *không* có sự âu lo nhờ sự *không-còn* dính-chấp.

(SN 22:07)

8 (8) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu lo [và khích động] do có sự dính-chấp, và sự không âu lo [và khích động] nhờ sự không-còn dính-chấp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng...

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự âu lo [và khích động] do có sự dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phạm phu không được chỉ dạy *cứ* coi thân-sắc như vậy: ‘Đây là ‘của ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Mà thân-sắc của

người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác như vậy: ... nhận-thức như vậy: ... những sự tạo-tác cố-ý như vậy: ... thức như vậy: ‘Đây là ‘của ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên có sự âu lo [và khích động] do có sự dính-chấp đó.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *không* có sự âu lo [và khích động] do không-còn dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy *không* coi thân-sắc như vậy: ‘Đây là ‘của ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thì *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *không* coi cảm-giác như vậy: ... nhận-thức như vậy: ... những sự tạo-tác cố-ý như vậy: ... thức như vậy: ‘Đây là ‘của ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì *không*

khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên không có sự âu lo [và khích động] nhờ sự không-còn sự dính-chấp.”

(SN 22:08)

9 (9) Vô-Thường Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với thân-sắc của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái lạc trong thân-sắc của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (kinh tởm, quay lưng) đối với thân-sắc của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự

ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:09)

10 (10) *Khổ Trong Ba Thời*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với thân-sắc của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái lạc trong thân-sắc của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (kinh tởm, quay lưng) đối với thân-sắc của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác cố-ý là khổ ... Thức là khổ ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:10)

11 (11) Vô-Ngã Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã (không phải là ‘ta’, không phải là ‘của-ta’, không phải là một thực thể nào cả), cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với thân-sắc của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái lạc trong thân-sắc của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (kinh tởm, quay lưng) đối với thân-sắc của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Cảm-giác là vô ngã ... Nhận-thức là vô ngã ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã ... Thức là vô ngã ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:11)

NHÓM 2

NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’

(Anicca-vagga)

12 (I) Vô-Thường

Tôi nghe như vậy. Ở Sāvathī Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố-ý là vô thường, thức là vô thường. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ (kinh tởm, quay lưng) đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:12)

13 (2) *Khổ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ, cảm-giác là khổ, nhận-thức là khổ, những sự tạo-tác cố-ý là khổ, thức là khổ. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:13)

14 (3) *Vô-Ngã*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã, thức là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:14)

15 (4) Thứ Gì Vô-Thường

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’

“Cảm-giác là vô thường Nhận-thức là vô thường Những sự tạo-tác cố-ý Nhận-thức là vô thường Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’

Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:15)

16 (5) Thứ Gì Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác cố-ý là khổ ... Thức là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.

Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:16)

17 (6) Thứ Gì Vô-Ngã

Ở Sāvattthī

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’

“Cảm-giác là vô ngã Nhận-thức vô ngã Những sự tạo-tác cố-ý vô ngã Thức vô ngã Thứ gì vô ngã nên được nhìn

thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’

Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:17)

18 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Nguyên nhân và điều kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh thân-sắc cũng là vô thường. Khi thân-sắc bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Cảm-giác là vô thường Nhận-thức là vô thường Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường Thức là vô thường. Nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức cũng là vô thường. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:18)

19 (8) *Khổ Là Có Nguyên Nhân*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ. Nguyên nhân và điều kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh thân-sắc cũng là khổ. Khi thân-sắc bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng?”

“Cảm-giác là khổ Nhận-thức là khổ Những sự tạo-tác cố-ý là khổ Thức là khổ Nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức cũng là khổ. Khi thức bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:19)

20 (9) *Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã. Nguyên nhân và điều kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh thân-sắc cũng là vô ngã. Khi thân-sắc bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã?”

“Cảm-giác là vô ngã Nhận-thức là vô ngã Những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã Thức là vô ngã Nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức cũng là vô ngã. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy Người đó hiểu rằng: ‘.... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:20)

21 (10) *Ānanda*

Ở Sāvathī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chấm dứt, sự chấm dứt.’ Do chấm dứt những thứ gì mà nói tới sự chấm dứt?”

“Này Ānanda, thân-sắc là vô thường, là có điều kiện (hữu vi), là khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi), là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm dứt của nó, nên nói tới sự chấm dứt.

“Cảm-giác là vô thường Nhận-thức là vô thường Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường Thức là vô thường, là khởi sinh tùy thuộc, là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm dứt của nó, nên nói tới sự chấm dứt.

“Này Ānanda, chính do có sự chấm dứt của những thứ đó, nên nói tới sự chấm dứt.”

(SN 22:21)

NHÓM 3

NHÓM ‘GÁNH NẶNG’

(Bhāra-vagga)

22 (1) *Gánh Nặng*

Ở Sāvattthī Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về gánh nặng, người mang gánh nặng, sự mang gánh nặng, và sự đặt xuống gánh nặng. Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gánh nặng? Nên nói nó là: năm uẩn (tập hợp, đồng) bị dính-chấp. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính chấp (*sắc uẩn*), uẩn cảm-giác bị dính chấp (*thọ uẩn*), uẩn nhận-thức bị dính chấp (*tưởng uẩn*), uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp (*hành uẩn*), uẩn thức bị dính chấp (*thức uẩn*). Đây được gọi là gánh nặng.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người mang gánh nặng? Nên nói đó là: một cá nhân, là người [vị] có họ tên như vậy như vậy; ([Đó không phải là năm uẩn, nhưng cũng không khác năm uẩn]). Đây được gọi là người mang gánh nặng.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mang gánh nặng? Đó là dục-vọng này dẫn tới sự tái hiện-hữu (tái sinh), có đi kèm với sự khoái thích (khoái lạc) và nhục dục, tìm kiếm sự khoái thích chỗ này chỗ nọ; đó là: dục vọng khoái lạc giác quan, dục vọng muốn được hiện hữu, và dục vọng muốn (vì) bị hủy diệt. Đây được gọi là sự mang gánh nặng.”¹⁰

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đặt xuống gánh nặng? Đó là sự phai biến sạch-sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm dứt của dục-vọng đó, là sự buông bỏ và sự từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không-còn lệ thuộc nó. Đây được gọi là sự đặt xuống gánh nặng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành,¹¹ vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Năm uẩn đích thực là gánh nặng,
Kẻ mang năm uẩn là con người.
Sự mang gánh nặng là khổ đau trong thế giới,
Đặt xuống gánh nặng là chân hạnh phúc.

Sau khi đã đặt xuống gánh nặng,
Không mang thêm gánh nặng nào nữa,
Sau khi đã bứng nhổ dục-vọng tận gốc rễ,
Người được tự do khỏi cơn đói thèm,
Đã giải xong cơn khát.”¹²

(SN 22:22)

23 (2) *Hiểu Hoàn-Toàn*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ nên được hiểu hoàn-toàn (đầy đủ, trọn vẹn, toàn diện) và cả sự hiểu hoàn-toàn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ nên được hiểu hoàn-toàn? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là thứ nên được hiểu hoàn toàn; cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là thứ nên được hiểu hoàn toàn. Đó là những thứ nên được hiểu hoàn toàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hiểu hoàn-toàn? (đó là) Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si. Đây được gọi là sự hiểu hoàn toàn.”

(SN 22:22)

24 (3) *Biết Trực-Tiếp*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp (tự chứng) biết và không hoàn-toàn hiểu về thân-sắc, không trở nên chán-bỏ đối với

nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và không hoàn-toàn hiểu về cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu về thân-sắc, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau. Bằng cách trực-tiếp biết và hiểu hoàn-toàn về cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau.”

(SN 22:24)

25 (4) *Tham Muốn và Nhục Dục*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc. Như vậy thân-sắc đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.

“Hãy dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức.

Như vậy thì thức đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.”

(SN 22:25)

26 (5) Sự Thỏa Thích... (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự giải-thoát đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức?’¹³

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự khoái lạc và thích thú khởi sinh tùy thuộc vào thân-sắc: đây là sự thỏa-thích trong thân-sắc. Mà thân-sắc đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thân-sắc. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muôn và nhục-dục đối với thân-sắc: đây chính là sự giải-thoát khỏi thân-sắc.

‘Sự khoái lạc và thích thú khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác ... tùy thuộc vào nhận-thức ... tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố-ý

... tùy thuộc vào thức: đây là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là chính sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thức: đây chính là sự giải-thoát khỏi thức.’

“Đã từ rất lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm-uẩn bị dính chấp, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Sự hiểu-biết và tâm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

(SN 22:26)

27 (6) *Sự Thỏa Thích... (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong thân-sắc. Mọi sự thỏa-thích trong thân-sắc— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong thân-sắc với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong thân-sắc. Mọi sự nguy-hại trong thân-sắc— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong thân-sắc với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự giải-thoát khỏi thân-sắc. Mọi sự giải thoát khỏi thân-sắc— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự giải-thoát khỏi thân-sắc với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong ... sự nguy-hại trong ... sự giải-thoát khỏi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức. Mọi sự giải thoát khỏi thức— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự giải-thoát khỏi thức với xa tới mức nào.

“Đã từ rất lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp hiểu biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp hiểu biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã thức tỉnh tới sự

giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Sự hiểu-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

(SN 22:27)

28 (7) *Sự Thỏa Thích... (3)* (nếu không có)

Ở Sāvathī.

- “Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong thân-sắc, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong thân-sắc, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong thân-sắc, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong thân-sắc, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự giải-thoát khỏi thân-sắc, thì chúng sinh sẽ không giải-thoát khỏi nó; nhưng vì có sự giải-thoát khỏi nó, nên chúng sinh (có thể) giải-thoát khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong thức,

nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự giải-thoát khỏi thức, nên chúng sinh (có thể) giải-thoát khỏi nó.

- “Này các Tỳ kheo, đã từ rất lâu chúng sinh đã không trực-tiếp hiểu biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp, đúng như chúng thực là, nên họ đã chưa giải thoát khỏi thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người; họ chưa thoát ly được khỏi nó, chưa giải thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không-còn những rào-cản ([tức: sự hiện-hữu (tái sinh) là do còn những rào-cản, gồm: rào cản là những ô-nhiễm và rào cản là vòng luân-hồi]). Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả điều này, đúng như nó thực là, thì họ đã giải thoát khỏi thế giới này ... có các thiên thần và loài người; họ đã được thoát ly được khỏi nó, giải thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm không-còn những rào-cản.”

(SN 22:28)

29 (8) *Khoái Lạc* (sự khoái thích)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái lạc trong thân-sắc là tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong

sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái lạc trong cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thực là tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

- “Ai không tìm kiếm khoái lạc trong thân-sắc trong thức là không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 22:29)

30 (9) *Sự Khởi Sinh* (của sự khổ)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của thân-sắc là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thực là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lắng lặn, và sự phai biến của thân-sắc thực là sự chấm dứt của khổ đau, sự lắng lặn của căn bệnh, sự phai biến của sự già-chết.”

(SN 22:30)

31 (10) *Gốc Rễ của Sự Thống Khổ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự thống khổ ([đồng nghĩa: sự khổ, sự khổ đau]) và gốc rễ của sự thống khổ. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thống khổ? Thân-sắc là sự thống khổ; cảm-giác là sự thống khổ; nhận-thức là sự thống khổ; những sự tạo-tác cố-ý là sự thống khổ; thức là sự thống khổ. Đây được gọi là sự thống khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gốc rễ của sự thống khổ? Chính là dục-vọng này dẫn tới tái sinh, đi kèm với khoái lạc và nhục dục, tìm kiếm khoái lạc chỗ này chỗ nọ; đó là: dục vọng khoái lạc giác quan, dục vọng muốn được hiện hữu, dục vọng muốn (vì) bị hủy diệt. Đây là gốc rễ của sự thống khổ.”

(SN 22:31)

32 (11) *Sự Mong Manh*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ mong manh ([sẽ bị tan rã; thuộc tính vô thường]) và những thứ không mong manh. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ mong manh, và cái gì là thứ không mong manh? Thân-sắc là thứ mong manh; sự chấm dứt, sự lẳng lặn, sự biến mất của nó là thứ không mong manh. Cảm-giác là thứ mong manh ... Nhận-thức là thứ mong manh ... Những sự tạo-tác cố-ý là thứ mong manh ... Thức là thứ mong manh ...; sự chấm dứt, sự lẳng lặn, sự biến mất của nó là thứ không mong manh.”

(SN 22:32)

NHÓM 4

NHÓM ‘KHÔNG PHẢI LÀ CỦA-TA’

(Natumhāka-vagga)

33 (1) *Không Phải Là Của-Ta (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là của-ta [của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới sự phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là của-ta? Thân-sắc không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới sự phúc lợi và hạnh phúc của các thầy. Cảm-giác không phải là của-ta ... Nhận-thức không phải là của-ta ... Những sự tạo-tác cố-ý không phải là của-ta ... Thức không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới sự phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó có đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn chúng ta đi, hoặc đang đốt hết chúng ta, hoặc đang xử lý chúng ta theo ý họ?’”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là chúng ta hay thuộc về chúng ta.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thân-sắc không phải là của-ta ... thức không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới sự phúc lợi và hạnh phúc của các thầy.”

(SN 22:33)

34 (2) Không Phải Là Của-Ta (2)

[Giống hết bài kinh **SN 22:33** kể trên, chỉ khác kinh này không có phần ví dụ.]

(SN 22:34)

35 (3) Một Tỳ Kheo Nọ (1)

Ở Sāvattihī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để cho, sau khi nghe được từ đức Thế

Tôn, con có thể sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên:¹⁴ đối với thứ gì, thì người đó *được tính theo* (được coi như) thứ đó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được tính theo thứ đó.

“Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn?”

(i) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *thân-sắc*, thì người đó được tính theo nó (được coi, được cho là hướng chấp theo nó). Nếu ai có khuynh hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác*, thì người đó được tính theo nó. Nếu ai có khuynh hướng tiềm ẩn đối với *nhận-thức*, thì người đó được tính theo nó. Nếu ai có khuynh hướng tiềm ẩn đối với *những sự tạo-tác cố-ý*, thì người đó được tính theo nó. Nếu ai có một khuynh hướng tiềm ẩn đối với *thức*, thì người đó được tính theo nó.

(ii) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc, thì người đó không được tính theo nó. Nếu ai không có một khuynh hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức, thì người đó không được tính theo nó.

“Chính theo cách như vậy, thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc ... [*Phật lặp lại giống hệt như hai đoạn (i) và (ii) ở trên*] ... thì người đó không được tính theo nó. Chính theo cách đó ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào, giữ hướng đức Thế Tôn bên phải mình, và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã sống (tu) một mình, thu mình (lui về, ẩn dật, không giao tiếp), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nhờ sự tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:35)

36 (4) Một Tỳ Kheo Nọ (2)

Ở Sāvattthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, dễ cho, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thứ gì, thì người đó *được đo lường theo* thứ đó; nếu ai được đo lường theo thứ gì, thì người đó được tính theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo thứ gì, thì người đó không được tính theo nó.”

“Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn?”

(i) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được tính theo nó. Nếu ai có một khuynh hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ...

đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được tính theo nó.

(ii) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được tính theo nó. Nếu ai không có một khuynh hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được tính theo nó.

“Chính theo cách như vậy, thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc ... [*Phật lặp lại giống hệt như hai đoạn (i) và (ii) ở trên*] ... thì người đó không được tính theo nó. Chính theo cách đó ý nghĩa của điều được ta nói ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:36)

37 (5) Ānanda (1)

Ở Sāvathī. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn.... Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên:

“Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được thấy rõ, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy rõ, một sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang tồn tại (đang trụ, đang có mặt) được thấy rõ?’¹⁵— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?’¹⁶

“Thưa Thế Tôn, nếu người ta hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Này các bạn, đó là *thân-sắc*, sự khởi-sinh của nó được thấy rõ, sự biến-mất của nó được thấy rõ, một sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại được thấy rõ. Đó là *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi-sinh của nó được thấy rõ, sự biến-mất của nó được thấy rõ, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại được thấy rõ.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Tốt, tốt, này Ānanda! Đó là *thân-sắc*, sự khởi-sinh của nó được thấy rõ, sự biến-mất của nó được thấy rõ, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại được thấy rõ. Đó là *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi-sinh của nó được thấy rõ, sự biến-mất của nó được thấy rõ, sự biến-đổi của nó khi đang tồn

tại được thấy rõ. Nay Ānanda, đó là những thứ mà sự khởi-sinh của nó được thấy rõ, sự biến-mất của nó được thấy rõ, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại được thấy rõ. Khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 22:37)

38 (6) *Ānanda* (2)

Ở Sāvathī. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn.... Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên:

“Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy:—

‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng được thấy rõ, sự biến-mất của chúng được thấy rõ, sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang tồn tại được thấy rõ?’

‘Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng sẽ được thấy rõ, sự biến-mất của chúng sẽ được thấy rõ, sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại sẽ được thấy rõ?’

‘Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng đã được thấy rõ, sự biến-mất của chúng đã được thấy rõ, sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại đã được thấy rõ?’

— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Thưa Thê Tôn, nếu người ta hỏi con điều này, con sẽ trả lời như vậy: ‘Này bạn hữu, đó là *thân-sắc*, mọi *thê-sắc* đã qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi khi đang tồn tại *đã* được thấy rõ. Mọi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, đã qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi khi đang tồn tại *đã* được thấy rõ. Đó là những thứ mà đối với chúng sự khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi khi đang tồn tại *đã* được thấy rõ.

‘Mọi *thê-sắc chưa* được sinh ra và *chưa* xuất hiện, (thì) sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại *sẽ* được thấy rõ. Mọi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức *chưa* được sinh ra và *chưa* xuất hiện, (thì) sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại *sẽ* được thấy rõ. Đó là những thứ mà đối với chúng sự khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi khi đang tồn tại *sẽ* được thấy rõ.

‘Mọi *thê-sắc đã* được sinh ra và *đã* xuất hiện, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại được thấy rõ. Mọi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức *đã* được sinh ra và *đã* xuất hiện, sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi khi đang tồn tại được thấy rõ.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo theo cách như vậy.”

“Tốt, tốt, này Ānanda. [*Phật lặp lại toàn bộ câu trả lời như trên của thầy Ānanda*]. Này Ānanda, khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 22:38)

39 (7) *Đúng Theo Giáo Pháp (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo Giáo Pháp, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó *nên sống thắm nhuần* (miên man, miên mật) *trong sự ghê-sợ đối với thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức*. Người đó *sống thắm nhuần trong sự ghê-sợ đối với thân-sắc ... thức, hoàn-toàn hiểu thân-sắc ... thức*. Ai hoàn-toàn hiểu thân-sắc ... thức thì được thoát khỏi chúng. Người đó thoát khỏi sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 22:39)

40 (8) *Đúng Theo Giáo Pháp (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo Giáo Pháp, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó *nên sống suy xét* (quán niệm, thiền quán) *tính vô-thường trong thân-sắc ... thức*. Người đó *sống suy xét tính vô-thường trong thân-sắc ... thức*, hoàn-toàn hiểu thân-sắc thì được thoát khỏi chúng ... (*như trên*) ... thoát khỏi sự khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 22:40)

41 (9) Theo Đúng Giáo Pháp (3)

... : người đó *nên sống suy xét* (quán niệm, thiền quán) *sự khổ-đau trong thân-sắc ... thức*. Người đó *sống suy xét sự khổ-đau trong thân-sắc ... thức*, hoàn-toàn hiểu thân-sắc thì được thoát khỏi chúng ... (*như trên*) ... thoát khỏi sự khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 22:41)

42 (10) Theo Đúng Giáo Pháp (4)

... : người đó *nên sống suy xét* (quán niệm, thiền quán) *tính vô-ngã trong thân-sắc ... thức*. Người đó *sống suy xét tính vô-ngã trong thân-sắc ... thức*, hoàn-toàn hiểu thân-sắc thì được thoát khỏi chúng ... (*như trên*) ... thoát khỏi sự khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 22:42)

NHÓM 5

NHÓM ‘CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’

(Attadīpa-vagga)

43 *(1) Lây Chính Mình Là Hòn Đảo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác. Khi các thầy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác, thì căn-bản của nó nên được điều tra (một cách kỹ càng) như vậy: ‘Từ cái gì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra?’

- “Và, này các Tỳ kheo, từ cái gì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra?’ Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, không phải là người nhìn thấy những bậc

thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *cứ* coi thân-sắc là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Mà thân-sắc đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi [vì] thân-sắc thay đổi và biến đổi, thì [nên] khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là ‘ta’ ... thức là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi ai đã hiểu được tính vô-thường của thân-sắc, sự thay đổi của nó, sự phai biến, và sự chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Trong quá khứ cũng như bây giờ, tất cả mọi thể-sắc (vật chất, hình sắc, thân...) đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động ([âu lo, bận tâm]). Do không-còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục [hết thềm khát, tắt lửa dục] về phương diện đó.¹⁷

“Khi ai đã hiểu được tính vô-thường của cảm-giác ... của nhận-thức ... của những sự tạo-tác cố-ý ... của thức, sự thay đổi của nó, sự phai biến và chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, tất cả mọi cảm-giác thức đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động. Do không-còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỷ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục về phương diện đó.”

(SN 22:43)

44 (2) *Cách Nhìn Nhận*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về cái cách dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính (cái ‘ta’) và cách dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính. Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là cách dẫn tới sự phát-sinh danh-tính? Ở đây, này các Tỷ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ hoặc

nghĩ cái ‘ta’ là ở trong thức. Nay các Tỳ kheo, điều này được gọi là cách dẫn tới sự phát-sinh danh-tính. Khi nói ‘cách dẫn tới sự phát-sinh danh tính’ thì nó có nghĩa: đó là một cách nhìn-nhận mọi thứ (những hiện tượng, mọi sự, mọi pháp...) làm dẫn đến sự phát-sinh khổ đau.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính? Ở đây, người đệ tử thánh thiện ... *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cảm-giác là cái ‘ta’ ... hay nhận-thức là cái ‘ta’ ... hay những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... hay thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là cách dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính. Khi nói ‘cách dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính’ thì nó có nghĩa: đó là một cách nhìn-nhận các thứ (những hiện tượng, mọi sự, mọi pháp...) làm/giúp dẫn đến sự chấm-dứt khổ đau.”

(SN 22:44)

45 (3) Vô-Thường (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’ Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực

là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.¹⁸

“Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’ Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

“Này các Tỳ kheo, nếu tâm một người đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố thân-sắc, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp. Nếu tâm đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố cảm-giác ... đối với yếu tố nhận-thức ... đối với yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

“Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định (an ổn); nhờ nó được ổn định, nên nó biết hài lòng; nhờ nó biết hài lòng, nên người đó không bị kích động (âu lo, bận tâm). Nhờ nó không-bị kích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”¹⁹

(SN 22:45)

46 (4) Vô-Thường (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường ... Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘ta’, đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải ‘bản thân’ ta.’

“Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì người đó không-còn chấp giữ những quan điểm này nọ (tà kiến) liên quan quá khứ. Khi một người không-còn chấp giữ những quan điểm này nọ liên quan quá khứ, thì người đó không-còn chấp giữ những quan điểm này nọ liên quan tới tương lai. Khi một người không-còn chấp giữ những quan điểm này nọ liên quan tới tương lai, thì người đó không-còn sự chấp giữ dai dẳng (cố chấp, bảo thủ, tà kiến nặng đô khó bỏ) nào nữa. Khi người đó không còn sự chấp giữ dai dẳng nào nữa, thì tâm trở nên chán-bỏ đối với thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, và nó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

“Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định (an ổn); nhờ nó được ổn định, nên nó biết hài lòng; nhờ nó biết hài lòng, nên người đó không bị kích động (âu lo, bận tâm). Nhờ nó không-bị kích

động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:46)

47 (5) Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (nhìn-nhận) [bất cứ thứ gì là] cái ‘ta’ theo những cách khác nhau, thì tất cả họ đều coi năm-uẩn bị dính chấp, hay một uẩn nào trong đó, là cái ‘ta’. Năm đó là gì?

- “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, người không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những, không phải là người nhìn thấy những bậc thiện nhân, không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của bậc thượng nhân, *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong ‘ta’ hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’ hay ‘ta’ ở trong thức.

“Như vậy, cách nhìn-nhận các thứ như vậy và [quan niệm] cái ‘ta là’ (tự ngã) chưa biến mất khỏi/trong (tâm) người đó. Khi cái ‘ta là’ chưa biến mất, thì đó mới tạo ra gốc-gác của năm giác quan—của giác quan mắt, giác quan tai, giác quan mũi, giác quan lưỡi, giác quan thân.²⁰ Nay các Tỳ kheo, có tâm, có các hiện tượng thuộc tâm (pháp), có yếu tố vô-minh. Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì cái sự ‘ta là’ xảy ra với người đó; cái sự ‘ta là này là nọ’ xảy ra với người đó, và sự ‘ta sẽ gồm có thân-sắc’ và sự ‘ta sẽ không có thân-sắc (vô sắc)’ và sự ‘ta sẽ là có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức cũng không phải không-có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)’— những sự đó xảy ra với người đó.

- “Năm giác-quan vẫn có ngay đây, nay các Tỳ kheo, nhưng đối với chúng, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy dẹp bỏ sự vô-minh và phát khởi sự hiểu-biết đích thực (minh, hữu minh, chân trí). Với sự phai biến vô-minh và khởi sinh sự hiểu-biết đích thực, thì cái sự ‘ta là’ không xảy ra với người đó; cái sự ‘ta là này là nọ’ không xảy ra với người đó; và sự ‘ta sẽ gồm có thân-sắc’ và sự ‘ta sẽ không có thân-sắc (vô sắc)’ và sự ‘ta sẽ là có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức cũng không phải không-có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)’— những sự đó không xảy ra với người đó.”

(SN 22:47)

48 (6) Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về năm-uẩn và năm-uẩn bị dính chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn? Mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là tập hợp/uẩn thể-sắc (sắc uẩn). Mọi cảm-giác ... được gọi là tập hợp cảm-giác (thọ uẩn). Mọi nhận-thức ... được gọi là tập hợp nhận-thức (tưởng uẩn). Mọi sự-tạo tác cố-ý ... được gọi là tập hợp những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn). Mọi thức ... được gọi là tập hợp thức (thức uẩn). Này các Tỳ kheo, đó được gọi là năm tập hợp/năm uẩn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn bị dính chấp? Mọi loại thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần, nó bị ô nhiễm, (ta, tâm) có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là tập hợp sắc bị dính chấp (sắc uẩn bị dính chấp). Mọi cảm-giác dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là tập hợp cảm-giác bị dính chấp (thọ uẩn bị dính chấp). Mọi nhận-thức dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là tập hợp nhận-thức bị dính chấp (tưởng uẩn bị dính chấp). Mọi những sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có

thể bị dính chấp theo: đây được gọi là tập hợp những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp (hành uẩn bị dính chấp). Mọi thức dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là tập hợp thức bị dính chấp (thức uẩn bị dính chấp). Nay các Tỳ kheo, đó được gọi là năm uẩn bị dính chấp.”

(SN 22:48)

49 (7) Soṇa (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn.... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

- “Này Soṇa, khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở thân-sắc—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi chính mình là này nọ như: ‘Ta tốt hơn’ (người khác), hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’ ([đây là ba dạng của sự ‘tự-ta’ (tự ngã)]), như vậy họ đâu là ai khác hơn một người không nhìn thấy mọi sự thể đúng như chúng thực là?

“Khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố-ý ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay

đổi—*cứ* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ đâu là ai khác hơn một người không nhìn thấy mọi sự thể đúng như chúng thực là?

- “Khi bắt kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở thân-sắc—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ là ai khác hơn một người *nhìn thấy* mọi sự thể đúng như chúng thực là?

“Khi bắt kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố-ý ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ là ai khác hơn một người *nhìn thấy* mọi sự thể đúng như chúng thực là?

- “Này Soṇa, anh nghĩ thân-sắc là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường

hằng?” – “Vô thường, thừa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không?” – “Không, thừa Thế Tôn.”

- “Do vậy, này Soṇa, mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thể-sắc đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’

“Mọi cảm-giác ... mọi nhận-thức ... mọi sự tạo tác cố ý ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thức đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’

- “Này Soṇa, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã

tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 22:49)

50 (8) Soṇa (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

- “Này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; ai không hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

- “Nhưng, này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; ai hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những

sự tạo-tác cố-ý ... thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:50)

51 (9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy thân-sắc vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng-đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ sự tiêu diệt khoái-lạc [sự thích thú, vui thú] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Nhờ sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.

“Một Tỳ kheo nhìn thấy cảm-giác vô thường ... nhận-thức vô thường ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường ... thức vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn của

người đó Nhờ sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 22:51)

52 (10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới thân-sắc. Hãy nhận thấy tính vô thường của thân-sắc đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú tâm một cách kỹ càng tới thân-sắc và nhận thấy tính vô thường của thân-sắc đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc. Nhờ sự tiêu diệt khoái-lạc nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Nhờ sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú tâm kỹ càng tới cảm-giác ... tới nhận-thức ... tới những sự tạo-tác cố-ý ... tới thức Nhờ sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 22:52)

PHẦN II

‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’

NHÓM 1

NHÓM ‘NAKULAPITĀ’

(Upaya-vagga)

53 (1) Sự Dính Lúu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người còn dính lúu ([còn dính năm-uẩn bằng dục vọng, ngã chấp, và kiến chấp này nọ]) thì không được giải thoát; người không còn dính lúu thì được giải thoát. Này các Tỳ kheo, thức, khi đang tồn tại (đang có mặt, đang trụ) có thể tồn tại dính lúu với *thân-sắc*, được dựa trên thân-sắc, được thiết lập trên thân-sắc, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang tồn tại có thể tồn tại [dính lúu với *cảm-giác* ... dính lúu với *nhận-thức* ...] dính lúu với *những sự tạo-tác cố-ý*; được dựa trên những sự tạo-tác cố-ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố-ý, được rưới

thêm ít nhiều khoái lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.²¹

“Này các Tỳ kheo, cho dù ai nói rằng: ‘Ngoài thân-sắc, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố-ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó— thì điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố thân-sắc, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của thức.²² Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác ... yếu tố nhận-thức ... yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của thức.

“Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không phát sinh này nọ, thì nó được giải-thoát.²³ Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định (an ổn); nhờ nó được ổn định, nên nó biết hài lòng; nhờ nó biết hài lòng, nên người đó không bị khích động (âu lo, bận tâm). Nhờ nó không-bị khích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:53)

54 (2) Mầm Giống (chủng tử)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm loại mầm-giống. Năm đó là gì? Giống rễ, giống cành, giống ghép, giống chiết, và giống mầm là thứ năm.²⁴ Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó *không* có đất hay nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), nhưng *không* được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), và ở đó có đất

và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, bốn trạm-dừng của thức nên được nhìn thấy như yếu-tổ đất. Còn sự khoái lạc và nhục dục nên được nhìn thấy như yếu-tổ nước. Thức cùng với những dưỡng chất của nó nên được nhìn thấy giống như năm loại mầm giống đó.²⁵

“Này các Tỳ kheo, thức, khi đang tồn tại (có mặt, đang trụ) có thể tồn tại dính líu với thân-sắc; được dựa trên thân-sắc, được thiết lập trên thân-sắc, được rưới thêm ít nhiều khoái lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang tồn tại, có thể tồn tại dính líu với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý; được dựa trên những sự tạo-tác cố-ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố-ý, được rưới thêm ít nhiều khoái lạc, thì có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.

“Này các Tỳ kheo, cho dù ai nói rằng: ‘Ngoài thân-sắc, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố-ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó— thì điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố thân-sắc, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của

thức.²⁶ Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác ... yếu tố nhận-thức ... yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của thức.

“Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không phát sinh này nọ, thì nó được giải-thoát. ([Spk: thức không phát sinh là thức không-còn tạo ra những sự tạo-tác cố-ý. Nó ‘được giải thoát’ vì nó không tạo ra sự tái sinh]). Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định (an ổn); nhờ nó được ổn định, nên nó biết hài lòng; nhờ nó biết hài lòng, nên người đó không bị khích động (âu lo, bận tâm). Nhờ nó không-bị khích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:54)

55 (3) *Lời Cảm Hứng Nói Ra* (tự thuyết)

Ở Sāvathī. Lúc đó đức Thế Tôn đã tự mình nói ra điều này: “Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (không nên là của ta), [và] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’: một Tỳ kheo thiết lập (chủ tâm, quyết tâm, giải quyết) như vậy

thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm nhẹ hơn (*tức năm gông-cùm đầu trong mười gông-cùm*).”²⁷

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một Tỳ kheo có thể thiết lập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm nhẹ hơn?”

+ “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay ‘ta’ ở trong thức’.

- “Người đó không hiểu được thân-sắc *vô thường* là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

- “Người đó không hiểu được thân-sắc *khổ đau* là ‘thân-sắc khổ đau ... cảm-giác khổ đau là ‘cảm-giác khổ đau’ ... nhận-thức khổ đau là ‘nhận-thức khổ đau’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ đau là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ đau’ ... thức khổ đau là ‘thức khổ đau’, đúng như nó thực là.

- “Người đó không hiểu được thân-sắc *vô ngã* là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những

sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

- “Người đó không hiểu được thân-sắc là có điều kiện (hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều kiện ... cảm-giác có điều kiện là ‘cảm-giác có điều kiện’ ... nhận-thức có điều kiện là ‘nhận-thức có điều kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện’ ... thức có điều kiện là ‘thức có điều kiện’, đúng như nó thực là.

- “Người đó không hiểu được thân-sắc là sẽ bị hủy diệt là ‘thân-sắc sẽ bị hủy diệt’ ([tức tận diệt, chấm dứt hoàn toàn năm uẩn ... để chứng vô dư y Niết-bàn]) ... cảm-giác là sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ ... nhận-thức là sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ ... những sự tạo-tác cố-ý là sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác cố-ý sẽ bị hủy diệt’ ... thức là sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là.

+ “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân ... thì không coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay ‘ta’ ở trong thức.

- “Người đó hiểu được thân-sắc vô thường là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

- “Người đó hiểu được thân-sắc *khổ đau* là ‘thân-sắc khổ đau ... cảm-giác khổ đau là ‘cảm-giác khổ đau’ ... nhận-thức khổ đau là ‘nhận-thức khổ đau’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ đau là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ đau’ ... thức khổ đau là ‘thức khổ đau’, đúng như nó thực là.

- “Người đó hiểu được thân-sắc *vô ngã* là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

- “Người đó hiểu được thân-sắc *là có điều kiện* (hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều kiện ... cảm-giác có điều kiện là ‘cảm-giác có điều kiện’ ... nhận-thức có điều kiện là ‘nhận-thức có điều kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện’ ... thức có điều kiện là ‘thức có điều kiện’, đúng như nó thực là.

- “Người đó hiểu được thân-sắc *là sẽ bị hủy diệt* là ‘thân-sắc sẽ bị hủy diệt’ ... cảm-giác sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ ... nhận-thức sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ ... những sự tạo-tác cố-ý sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác cố-ý sẽ bị hủy diệt’ ... thức sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là.

- “Với sự hủy diệt ([tức: chấm dứt hoàn toàn]) của thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, vị Tỳ kheo đó, sau khi thiết lập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm nhẹ hơn.”

“Thưa Thế Tôn, khi thiết lập (chủ tâm, quyết tâm, giải quyết) như vậy, thì một Tỳ kheo có thể cắt bỏ được năm gông-cùm nhẹ hơn. Nhưng, theo cách nào người tu thấy, theo cách nào người tu biết, để có thể xảy ra sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm?” ([tức: chúng luôn thánh quả A-la-hán vô nhiễm])?²⁸

- “Ở đây, này Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy bị sợ-hãi với một vấn đề không có lý làm sợ-hãi. Vì điều đó làm sợ-hãi người phạm phu không được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’. Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì *không* bị sợ-hãi với một vấn đề không có lý làm sợ hãi. Vì nó *không* làm sợ-hãi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, [và] điều đó sẽ không xảy ra; nó không xảy ra với ta’.

- “Này các Tỳ kheo, thức, khi đang tồn tại (có mặt, đang trụ) có thể tồn tại dính líu với thân-sắc ... dính líu với cảm-giác ... dính líu với nhận-thức ... dính líu với những sự tạo-tác cố-ý ... dính líu với thức; được dựa trên những sự tạo-tác cố-ý, được thiết lập trên

những sự tạo-tác cố-ý, khi được rưới thêm ít nhiều khoái lạc, thì nó có thể tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.

“Này các Tỳ kheo, cho dù ai nói rằng: ‘Ngoài thân-sắc, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố-ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó— thì điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố thân-sắc, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở ([hay đối tượng]) bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của thức²⁹. Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác ... yếu tố nhận-thức ... yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của thức.

“Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không phát sinh này nọ, thì nó được giải-thoát.³⁰ Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định (an ổn); nhờ nó được ổn định, nên nó biết hài lòng; nhờ nó biết hài lòng, nên người đó không bị khích động (âu lo, bận tâm). Nhờ nó không-bị khích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

“Này Tỳ kheo, theo cách như vậy một người tu biết, theo cách như vậy người tu thấy, thì có thể xảy ra sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm.” ([tức: chứng thành bậc A-la-hán vô nhiễm])

(SN 22:55)

56 (4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn (tập hợp, đồng, khối) bị dấn chấp. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dấn chấp, uẩn cảm-giác bị dấn chấp, uẩn nhận-thức bị dấn chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dấn chấp, uẩn thức bị dấn chấp.

“Chừng nào ta chưa trực-tiếp biết rõ năm uẩn bị dấn chấp theo bốn giai đoạn,³¹ đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết rõ tất cả điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có ... các thiên thần và loài người.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có bốn giai đoạn đó? Ta trực-tiếp biết thân-sắc (sắc), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Ta trực tiếp biết cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác cố-ý (hành) ... thức (thức), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó.

(i) “Và này các Tỳ kheo, cái gì là *thân-sắc*? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó. Đây được gọi là sắc. Khi có khởi sinh ‘dưỡng chất’ là khởi sinh thân-sắc. Khi chấm dứt ‘dưỡng chất’ là chấm dứt thân-sắc. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thân-sắc; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

- “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thân-sắc, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với

thân-sắc, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không-còn dính chấp, họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những người khéo được giải thoát là những người toàn-vẹn (hoàn thiện, hoàn thành). Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ (tức, họ không còn tái sinh, không còn hiện thị trong thế gian nữa).

(ii) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Cảm giác có sáu dạng như vậy: (a) cảm giác có từ mắt tiếp xúc, (b) cảm giác có từ tai tiếp xúc, (c) cảm giác có từ mũi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ thân chạm xúc, (e) cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp xúc’ thì khởi sinh cảm-giác. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ thì chấm dứt cảm-giác. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn và định tâm đúng đắn.

- “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp-biết như vậy về *cảm-giác*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác ... và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó

... Đối với những người toàn- vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(iii) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Nhận thức có sáu dạng như vậy: (a) nhận thức về hình sắc, (b) nhận thức về âm thanh, (c) nhận thức về mùi hương, (d) nhận thức về mùi vị, (d) nhận thức về những đối tượng chạm xúc, (e) nhận thức về những hiện tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp xúc’ là có khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ là chấm dứt nhận-thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn ... và định tâm đúng đắn.

- “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức ... và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó ... Đối với những người toàn- vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(iv) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*? Sự cố-ý (hành) có sáu dạng: (a) sự cố-ý đối với hình sắc, (b) sự cố-ý đối với âm thanh, (c) sự cố-ý đối với mùi hương, (d) ý hành đối với mùi vị, (e) sự cố-ý đối với những đối tượng chạm xúc, (f) sự cố-ý đối với những hiện tượng thuộc tâm (các pháp). Những sự này được gọi là những sự tạo-tác cố-ý. Khi có ‘tiếp xúc’ là có khởi sinh những sự tạo-tác cố-ý. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ là chấm dứt ‘những sự tạo-tác cố-ý’. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn ... và định tâm đúng đắn.

- “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố-ý ... và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(v) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Thức có sáu dạng như vậy: (a) thức mắt, (b) thức tai, (c) thức mũi, (d) thức lưỡi, (e) thức thân, (f) thức tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần ‘danh-

sắc’ là có khởi sinh thức. Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ là chấm dứt thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn ... và định tâm đúng đắn.

- “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức ... và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó ... Đối với những người toàn- vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(SN 22:56)

57 (5) Bảy Trường Hợp

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy (07) trường hợp và là người điều tra tìm hiểu theo ba (03) cách, thì được gọi, trong Giáo Pháp và Giới Luật này, là một người

toàn-vẹn (toàn thiện), người đã sống đời sống thánh thiện một cách trọn vẹn, là loại người tối thượng (cao nhất)”.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy trường hợp? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc.

“Người đó hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải thoát đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... thức.

(i) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thân-sắc*? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó: đây được gọi là thân-sắc. Khi khởi sinh ‘duỡng chất’ thì có khởi sinh thân-sắc. Khi chấm dứt ‘duỡng chất’ là chấm dứt thân-sắc. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt thân-sắc; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn định tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào thân-sắc: đây chính là sự thỏa-thích trong thân-sắc. Mà thân-sắc đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thân-sắc. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với thân-sắc: đây chính là sự giải-thoát khỏi thân-sắc.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải thoát đối với [trong trường hợp] *thân-sắc*, đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải thoát đối với [trong trường hợp] *thân-sắc*, thông qua sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó (nên) được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những ai được giải thoát một cách thiện khéo là những người toàn- vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn- vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh nữa).

(ii) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Có sáu dạng cảm-giác: cảm giác có từ mắt tiếp xúc ... [*tương tự đoạn này trong bài kinh kể trên*] ... cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh cảm-giác. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt cảm-giác. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn

tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn định tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Mà cảm-giác đó là vô thường, khô, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với cảm-giác: đây chính là sự giải-thoát khỏi cảm-giác.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *cảm-giác* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *cảm-giác* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(iii) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Có sáu dạng nhận-thức: nhận thức về thân-sắc ... nhận thức về các hiện tượng thuộc tâm (các pháp). Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt nhận-thức. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn định tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào nhận-thức: đây chính là sự thỏa-thích trong nhận-thức. Mà nhận-thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong nhận-thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với nhận-thức: đây chính là sự giải-thoát khỏi nhận-thức.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *nhận-thức* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] nhận-thức ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *nhận-thức* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] nhận-thức ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(iv) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*? Sự cố-ý có sáu dạng: sự cố-ý đối với thân-sắc ... sự cố-ý đối với những hiện tượng thuộc tâm. Đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh những sự tạo-tác cố-ý. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn định tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố-ý: đây chính là sự thỏa-thích trong những sự tạo-tác

cố-ý. Mà những sự tạo-tác cố-ý đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong những sự tạo-tác cố-ý. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với những sự tạo-tác cố-ý: đây chính là sự giải-thoát khỏi những sự tạo-tác cố-ý.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác cố-ý ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác cố-ý ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(v) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Có sáu dạng thức: thức mắt ... thức-tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần ‘danh-sắc’ thì khởi sinh thức. Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ là chấm dứt thức. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn định tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào thức: đây chính là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thức. Sự

loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với thức: đây chính là sự giải-thoát khỏi thức.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *thức* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] thức ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết rõ như vậy về *thức* ... sự giải thoát đối với [trong trường hợp] thức ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy (07) trường hợp.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người điều tra tìm hiểu ba cách? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều tra tìm hiểu (i) theo cách các yếu-tố [như toàn chương **SN 14**], (ii) theo cách sáu giác-quan [như toàn chương **SN 35**], và (iii) theo cách của sự khởi-sinh tùy-thuộc (lý duyên khởi) [như toàn chương **SN 12**]. Theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là người điều tra tìm hiểu ba cách.³²

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy trường hợp và là người điều tra tìm hiểu ba cách, thì được gọi, trong Giáo Pháp và Giới Luật này, là một người toàn-vẹn (toàn

thiện), người đã sống đời sống thánh thiện một cách trọn vẹn, là loại người tối thượng.”

(SN 22:57)

58 (6) *Bậc Toàn Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, Như Lai [Tathāgata], bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác [bậc Giác Ngộ Toàn Thiện], được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với thân-sắc, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với thân-sắc, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là người được giải thoát nhờ trí-tuệ.³³

“Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là người được giải thoát nhờ trí-tuệ.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, cái gì sự khác biệt, cái gì là sự khác nhau giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ Thế Tôn, được hướng dẫn bởi Thế Tôn, được nhờ dựa theo Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều đó. Sau khi lắng nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, này các Tỳ kheo, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là người phát-khởi con-đường (đạo) chưa được khởi sinh trước đó, là người tạo-ra con-đường chưa được tạo ra trước đó, là người tuyên-bố con-đường chưa được tuyên bố trước đó. Bậc ấy là người hiểu-biết con-đường, là người khám-phá ra con-đường, là người thiện-khéo trong con-đường. Và những người đệ tử của bậc ấy giờ đang đi theo con-đường đó và sau đó sẽ có-được [sở hữu] con-đường đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ.”

(SN 22:58)

59 (7) Đặc Tính Vô-Ngã (vô ngã tướng)³⁴

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn nói với nhóm năm Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”—“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vậy:

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc không phải là ‘ta’ (không phải là cái ‘ta’, không phải là ngã). Bởi nếu thân-sắc là ta, này các Tỳ kheo, thì thân-sắc này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thân-sắc của ta phải như vậy; thân-sắc của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thân-sắc không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thân-sắc của ta phải như vậy; thân-sắc của ta không được như vậy.’

“Cảm-giác không phải là ‘ta’ ... Nhận-thức không phải là ‘ta’ ... Những sự tạo-tác cố-ý không phải là ‘ta’ ... Thức không phải là ‘ta’. Bởi nếu thức là ‘ta’, này các Tỳ kheo, thì thức này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thức của ta phải như vậy; thức của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thức không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thức của ta phải như vậy; thức của ta không được như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Mà thứ gì vô

thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường? ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường? ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường? ... Thức là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

“Do vậy, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả thân-sắc nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta’.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả cảm-giác ... thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hân hoan và hài lòng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói, tâm của năm vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.

(SN 22:59)

60 (8) *Mahāli*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Hội Trường Mái Nhọn. Rồi ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, (giáo sĩ) Pūraṇa Kassapa nói như vậy: ‘Không có nguyên nhân hay điều kiện (nhân duyên) nào tạo ra sự

ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không vì nhân hay duyên nào cả. Không có nguyên nhân hay điều kiện nào làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được trong sạch không vì nhân hay duyên nào cả.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”³⁵

“Này Mahāli, có nguyên nhân và điều kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm là (do) có nhân và duyên (tạo ra). Có nguyên nhân và điều kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được trong sạch là (do) có nhân và duyên (làm nên).”

- “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là có nguyên nhân và điều kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh bị ô nhiễm vì có nguyên nhân và điều kiện?”

“Này Mahāli, nếu thân-sắc này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đắm mê với nó. Nhưng bởi vì thân-sắc là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đắm mê với nó.³⁶ Do bị đắm mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô nhiễm. Này Mahāli, đây là một nguyên nhân và điều kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô nhiễm vì có nguyên nhân và điều kiện.

“Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn khổ ... Nếu nhận-thức này ... những sự tạo-tác cố-ý này ... thức này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đăm mê với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đăm mê với nó. Do bị đăm mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô nhiễm. Này Mahāli, đây cũng là một nguyên nhân và điều kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô nhiễm vì có nguyên nhân và điều kiện.

- “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và điều kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh được thanh lọc nhờ có nguyên nhân và điều kiện?”

“Này Mahāli, nếu thân-sắc này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì thân-sắc là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh lọc (trong sạch). Này Mahāli, đây là một nguyên nhân và điều kiện làm nên sự

trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh lọc nhờ có nguyên nhân và điều kiện.

“Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn sướng ... Nếu nhận-thức này ... Nếu những sự tạo-tác cố-ý này ... Nếu thức này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh lọc (trong sạch). Này Mahāli, đây cũng là một nguyên nhân và điều kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh lọc nhờ có nguyên nhân và điều kiện.”

(SN 22:60)

61 (9) Bốc Cháy

Ở Sāvattihī.³⁷

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc đang bốc cháy, cảm-giác đang bốc cháy, nhận-thức đang bốc cháy, những sự tạo-tác cố-ý đang bốc cháy, thức đang bốc cháy. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này

các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’”.

(SN 22:61)

62 (10) Những Đường Chữ Nghĩa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, này có ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả,³⁸ nó không bị pha tạp, đã chưa từng bị pha tạp, đang không bị pha tạp, và sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Ba đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc đã biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “đã” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘sẽ’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố-ý ... Mọi thức *đã* biến qua, *đã* chấm dứt, *đã* thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đã*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘sẽ’.

“Này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc *đã chưa* được sinh ra, chưa hiện thành (chưa thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*sẽ*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘đã’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi những sự tạo-tác cố-ý ... *đã chưa* được sinh ra, chưa hiện thành (chưa thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*sẽ*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘đã’.

“Này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc *đã được* sinh ra, *đã* hiện thành (thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đang*” (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đã’ hay chữ ‘sẽ’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi những sự tạo-tác cố-ý ... *đã được* sinh ra, *đã* hiện thành (thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đang*” dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đã’ hay chữ ‘sẽ’.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả, chúng không bị pha tạp, chưa từng bị

pha tạp, đang không bị pha tạp, sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Này các Tỳ kheo, ngay cả Vassa và Bañña ở xứ Ukkalā, là những người chủ trương không có nhân-duyên tác động (phi nhân quả), không có nghiệp tác động (phi nghiệp quả), và chủ trương tư tưởng ‘mọi thứ đều tự hủy diệt’, nhưng họ cũng không nghĩ ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả này nên bị khinh miệt hay chỉ trích. Vì lý do gì? Vì họ sợ bị chê trách, bị công kích, và bị lên án.”

(SN 22:62)

NHÓM 2

NHÓM ‘A-LA-HÁN’

(Arahanta-vagga)

63 (1) *Khi Dính Chấp*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, khi dính-chấp, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp, người ta tự do khỏi Ác Ma đó.”³⁹

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa Thế Tôn!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi dính-chấp theo *thân-sắc*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi dính-chấp theo *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi dính-chấp theo *thân-sắc*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lặp lại giống hệt như trên*] ... bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nhờ sự tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì

mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:63)

64 (2) *Khi Suy Tưởng*

Ở Sāvathī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn” (*giống tương tự kinh trên*)

“Này Tỳ kheo, khi suy-tưởng, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi suy tưởng *thân-sắc*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi suy tưởng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không bị suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi suy tưởng *thân-sắc*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lặp lại giống hệt như trên*] ... bằng cách không suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:64)

65 (3) Khi Tìm Cầu Khoái Lạc (Sự Vui Thú)

Ở Sāvattthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn
và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn” (giống tương tự kinh trên)

“Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái lạc, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi tìm cầu khoái-lạc trong *thân-sắc*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi tìm cầu khoái lạc trong *cảm-giác* ... trong *nhận-thức* ... trong *những sự tạo-tác cố-ý* ... trong *thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc trong *thân-sắc*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lập lại giống hệt như trên*] ... bằng cách không tìm cầu khoái lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:65)

66 (4) Vô-Thường

Ở Sāvattihī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn
và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn” (*giống tương tự kinh trên*)

“Này Tỳ kheo, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với mọi thứ là vô thường.”

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, *thân-sắc* là vô thường; con nên dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với nó. *Cảm-giác* là vô thường ... *Nhận-thức* là vô thường ... *Những sự tạo-tác cố-ý* là vô thường ... *Thức* là vô thường; con nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. *Thân-sắc* là vô thường ... *Thức* là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:66)

67 (5) Khổ

[Mở đầu và lời kinh giống tương tự bài kinh **SN 22:66** kể trên, ngoại trừ chữ “vô thường” được thay bằng chữ “khổ”.]

(SN 22:67)

68 (6) Vô-Ngã

[Mở đầu và lời kinh giống tương tự bài kinh **SN 22:66** kể trên, ngoại trừ chữ “vô thường” được thay bằng chữ “vô ngã”.]

(SN 22:68)

69 (7) Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’

[Mở đầu và lời kinh giống tương tự bài kinh **SN 22:66** kể trên, ngoại trừ chữ “vô thường” được thay bằng chữ “không thuộc về ‘Ta’”.]

(SN 22:69)

70 (8) Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi

[Mở đầu và lời kinh giống tương tự bài kinh **SN 22:66** kể trên, ngoại trừ chữ “vô thường” được thay bằng chữ “có vẻ khiêu gợi”.]

(SN 22:70)

71 (9) Rādha

[Bài kinh này giống hết kinh **SN 18:21** (và **SN 22:91**). Toàn bộ chương **SN 23** là các kinh nói về Ngài Rādha.]

Ở Sāvattthī. Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này (thân này có-thức, thân này với-thức) và đối với tất cả mọi dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Rādha, mọi *thân-sắc* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi *thân-sắc* đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác cố-ý* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi *cảm-giác* ... mọi *thức* đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Này Rādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu hiệu bên ngoài: cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sự ‘tự-ta’ không còn xảy ra ở bên trong.”

Sau đó thầy Rādha sống tu một mình....

Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:71)

[Bài kinh này giống hết kinh **SN 18:22** (và **SN 22:92**), chỉ khác nhau ở tên Tỳ kheo]

Ở Sāvattthī. Lúc đó có Ngài Surādha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm hết-sạch cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), đã vượt trên sự phân biệt đối đãi, và được bình an và được giải thoát một cách khéo léo?”

“Này Surādha, mọi *thân-sắc* dù là loại gì, thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác cố-ý* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’, thì tâm được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Này Surādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài: tâm hết-sạch cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân biệt đối đãi, và được bình an và được giải thoát một cách khéo léo.”

Sau đó thầy Surādha sống tu một mình....

Và thầy ấy đã trở thành một trong những bậc A-la-hán.

(SN 22:72)

NHÓM 3
NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’
(Khajjanīya-vagga)

73 *(1) Sự Thỏa Thích...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:73)

74 *(2) Nguồn Gốc... (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:74)

75 (3) Nguồn Gốc... (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:75)

76 (4) Những A-la-hán (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Cảm-giác là vô thường Nhận-thức là vô thường Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Sau khi được giải-thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’

“Này các Tỳ kheo, dù tới tận đâu có các cõi sống của chúng sinh, ngay cả tới cõi cao nhất của sự hiện-hữu,⁴⁰ thì những bậc này là hàng đầu trong thế gian, những bậc này là tốt nhất trong thế gian, đó là những bậc A-la-hán.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, nói thêm như vậy:

“Hạnh phúc thay những bậc A-la-hán!
Không còn dục-vọng bên trong họ.
Sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ta-đây) đã bị cắt bỏ’,
Lưới vô-minh đã bị phá bung.

“Họ đã đạt tới trạng thái bất-động,⁴¹
Tâm trí họ rõ ràng minh mẫn;
Họ không còn bị dính nhiễm trong thế gian—
Những bậc thánh thiện, không-còn ô nhiễm.

“Sau khi đã hiểu được năm uẩn,
Dựa vào bảy phẩm-hạnh,⁴²
Những bậc thượng nhân đáng tôn vinh đó,
Là những người Phật tử đích thực.

“Được trao cho bảy châu-báu,
Đã tu xong ba-phần tu-tập,⁴³
Những vị đại anh hùng đó đi khắp nơi,
Với sự sợ hãi và run sợ đã dẹp bỏ.

“Được phú đủ mười yếu-tố,⁴⁴
Những con-rồng lớn đó, tâm đạt định,
Là những chúng sinh tốt nhất trong thế gian:
Dục-vọng đã không-còn bên trong họ.

“Hiểu-biết tinh thông đã khởi sinh trong họ:”
‘Thân này là thân cuối cùng ta mang.’
Về cốt lõi của đời sống tâm linh,
Họ không còn phụ thuộc ai khác.

“Không còn bị lay động với ba sự phân-biệt,⁴⁵
Họ đã thoát khỏi sự tái-sinh.
Đã đạt tới giai đoạn của bậc đã tu-thành,
Họ là những người chiến thắng trong thế gian.

“Trên, dưới, dọc, ngang,
Sự khoái thích không-còn bên trong họ.
Họ ngang nhiên rống lên tiếng gầm sư tử:
‘Những bậc giác ngộ là tối thượng trong thế gian.’”

(SN 22:76)

77 (5) Những A-la-hán (2)

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ bỏ đi phần thi kệ.]

(SN 22:77)

78 (6) Sư Tử

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của các loài thú, đi ra khỏi hang ổ. Rồi nó rướn mình, dò xét hết bốn hướng xung quanh, và rống lên tiếng gầm con sư tử ba lần, sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. “Khi con sư tử, vua của các loài thú, rống lên tiếng gầm sư tử, hầu hết những thú vật xung quanh nghe tiếng gầm đều cảm thấy đầy sợ-hãi, một sự cảm thấy sự cấp-bách và sự khiếp-sợ. Những con vật sống trong lỗ hang thì chui vào lỗ hang; những con sống dưới nước thì lặn xuống nước; những con sống trong rừng rậm thì bỏ chạy vô rừng rậm; và chim thì bay lên trời. Ngay cả những con voi đực lớn của hoàng gia, đang bị cột bởi những sợi dây da to chắc trong các ngôi làng, thị trấn và các đô thị, cũng cố bứt phá và bứt đứt dây cột; cũng khiếp đảm, té đái và té phân, cuống chạy khắp nơi. Này các Tỳ kheo, sư tử thật là oai hùng giữa những loài thú, là vua của những loài thú, thật uy dũng và hùng mạnh.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi Như Lai xuất hiện trong thế giới này, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã hoàn thiện về sự hiểu-biết đích thực và đức-hạnh, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế gian, người dẫn dắt cao nhất của những người cần được huấn luyện, bậc thầy của các thiên thần và loài người, bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn, bậc ấy giảng dạy Giáo Pháp như vậy: ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc,

này là sự biến diệt của thân-sắc; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác cố-ý ... này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.’⁴⁶

“Rồi, này các Tỳ kheo, những thiên thần được sống đại thọ, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc, đang sống rất lâu trong những thiên cung tiên bồng, khi họ nghe thấy giáo lý của Như Lai, hầu hết họ thấy đầy sự sợ-hãi, sự cảm nhận cấp-bách, và sự khiếp-sợ, [nên họ nói rằng]: ‘Coi chừng chúng ta là vô thường, mặc dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta là không chắc chắn, mặc dù chúng ta nghĩ mình là chắc chắn; coi chừng chúng ta bị hoại diệt, mặc dù chúng ta nghĩ mình là bất diệt. Thưa các ngài, coi chừng chúng ta là vô thường, không chắc chắn, bị hoại diệt, bị nằm trong cái danh-tính này.’⁴⁷ Này các Tỳ kheo, Như Lai thật là oai hùng trong khắp thế gian này có những thiên thần, Như Lai thật là uy dũng và uy lực.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, đức Thế Tôn, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Khi Đức Phật, từ sự hiểu-biết đích-thực (chân trí),
Thiết lập chuyển động bánh xe Giáo Pháp,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Vị Sư Thầy vô song đã tuyên thuyết [điều này]:

“Sự chấm dứt danh-tính
Và nguồn gốc của danh-tính,

Và con đường Bát Thánh Đạo
Dẫn tới sự lắng lặn khổ đau.

“Rồi những thiên thần có tuổi siêu đại thọ,
Đẹp đẽ, chói lọi trong hào quang,
Đều cảm thấy sợ hãi, đầy kính sợ,
Giống như những loài thú khi nghe tiếng gầm sư tử.

“‘Chúng ta chưa vượt qua khỏi danh-tính;
Ôi thưa quý ngài, dường như chúng ta cũng vô-thường’,
[Họ thốt lên như vậy] sau khi nghe lời tuyên thuyết
của bậc A-la-hán, bậc An Định đã được giải thoát.”

(SN 22:78)

79 (7) *Đang Bị Nhai Nuốt*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào nhớ lại nhiều cõi sống trong quá khứ của họ thì tất cả đều nhớ lại năm-uẩn bị dính chấp, hoặc một trong năm uẩn đó. Năm đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, khi nhớ lại như vậy: ‘Mình đã có thân-sắc như vậy trong quá khứ’, đó chính là thân-sắc mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình đã có cảm-giác như vậy trong quá khứ’, đó chính là cảm-giác mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có

nhận-thức như vậy trong quá khứ’, đó chính là nhận-thức mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có những sự tạo-tác cố-ý như vậy trong quá khứ’, đó chính là những sự tạo-tác cố-ý mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có thức như vậy trong quá khứ’, đó chính là thức mà người đó nhớ lại.

1- “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *thân-sắc* (hình dạng, thân thể)?⁴⁸ Này các Tỳ kheo, nó bị biến dạng ([biến sắc, biến thể, biến tướng]) nên nó được gọi là dạng thân-sắc.⁴⁹ Biến dạng bởi gì? Bị biến dạng bởi lạnh, bị biến dạng bởi nóng, bị biến dạng bởi đói, bị biến dạng bởi khát, bị biến dạng bởi tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít. ‘Nó bị biến dạng’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là dạng thân-sắc.

2- “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *cảm-giác*? Này các Tỳ kheo, ‘nó cảm nhận’ nên nó được gọi là cảm-giác. ([chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải ‘ai’ hay ‘người nào’ cảm nhận.]). Và nó cảm nhận cái gì? Nó cảm nhận sướng, nó cảm nhận khổ, nó cảm nhận trung tính (không sướng không khổ). ‘Nó cảm nhận’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là cảm-giác.

3- “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *nhận-thức*? Này các Tỳ kheo, ‘nó nhận thức’, nên nó được gọi là sự nhận-thức. Và nó nhận thức cái gì? Nó nhận thức màu xanh, nó nhận thức màu vàng, nó nhận thức màu đỏ, nó nhận thức màu trắng. ‘Nó nhận thức’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là nhận-thức.

4- “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *những sự tạo-tác cố-ý*? Này các Tỳ kheo, ‘chúng tự tạo tác những thứ/sự có điều kiện (hữu vi) nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố-ý. Và chúng tạo tác những gì có điều kiện? Chúng tạo tác thân-sắc có điều kiện (hữu vi) là thân-sắc; chúng tạo tác cảm-giác có điều kiện là cảm-giác; chúng tạo tác những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện là những sự tạo-tác cố-ý; chúng tạo tác thức có điều kiện là thức. ‘Chúng tạo tác những thứ/sự có điều kiện’, này các Tỳ kheo, nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố-ý.

5- “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *thức*? Này các Tỳ kheo, ‘nó nhận biết’ nên nó được gọi là thức. Và nó nhận biết cái gì? Nó nhận biết chua, nó nhận biết đắng, nó nhận biết cay, nó nhận biết ngọt, nó nhận biết vị nặng, nó nhận biết vị nhẹ, nó nhận biết mặn, nó nhận biết nhạt; (tám vị). ‘Nó nhận biết’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là thức.⁵⁰

- “Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy biết suy xét (quán xét, quán niệm) như vậy: ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt (bị ăn, bị ngấu nghiến, bị dày vò, bị khổ sở) bởi *thân-sắc*.⁵¹ Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi thân-sắc theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi thân-sắc hiện tại. Nếu ta tìm khoái lạc trong thân-sắc tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi thân-sắc theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi thân-sắc hiện tại.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đối với thân-sắc quá khứ,

người đó không tìm khoái lạc trong thân-sắc tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thân-sắc hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

- “[Người đó suy xét như vậy:] ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác*.’ ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *nhận-thức*.’ ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *những sự tạo-tác cố-ý*.’ ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *thức*.’ Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* hiện tại. Nếu ta tìm khoái lạc trong *cảm-giác* ... *thức* tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* hiện tại.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đến *cảm-giác* ... *thức* quá khứ, người đó không tìm khoái lạc trong *cảm-giác* ... *thức* tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác* ... *thức* hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là vô thường hay thường hằng? ... *Cảm-giác* là vô thường hay thường hằng? ... *Nhận-thức* là vô thường hay thường hằng? ... *Những sự tạo-tác cố-ý* là vô thường hay thường hằng? ... *Thức* là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-

ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, mọi thân-sắc dù là loại gì ... mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: tất cả thân-sắc ... mọi thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

▪ “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người (đang) phá-bỏ [vòng luân hồi] chứ không tạo-dựng (dựng nên, tạo tác) [nó]; là người dẹp-bỏ chứ không dính-chấp; là người giải-tán chứ không tích-lũy; là người đập-tắt chứ không mồi-lửa. (*[Là bậc học nhân, đang tu tập]*)

- “Và người đó phá-bỏ chứ không tạo-dựng cái gì? Người đó phá bỏ *thân-sắc* chứ không tạo dựng nó. Người đó phá bỏ *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* chứ không tạo dựng nó.

- “Và người đó dẹp-bỏ chứ không dính-chấp vào cái gì? Người đó dẹp bỏ *thân-sắc* chứ không dính chấp vào nó. Người đó dẹp bỏ *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* chứ không dính chấp vào nó.

- “Và người đó giải-tán chứ không tích-lũy cái gì? Người đó giải tán thân-sắc chứ không tích lũy nó. Người đó giải tán cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức chứ không tích lũy nó.

- “Và người đó dập-tắt chứ không mồi-lửa vào cái gì? Người đó dập tắt thân-sắc chứ không mồi lửa nó. Người đó dập tắt cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức chứ không mồi lửa nó.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi đã trải nghiệm như vậy, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu nữa’.

▪ “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người không còn phá-bỏ hay tạo-dựng [vòng luân hồi, mà người đó chỉ an trú sau khi đã phá-bỏ nó; là người không còn dẹp-bỏ hay dính-chấp, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dẹp-bỏ nó; là người không còn giải-tán hay tích-lũy, mà người đó chỉ an trú sau khi đã giải-tán nó; là người không còn dập-tắt hay mồi-lửa, mà người đó

chỉ an trú sau khi đã dập tắt nó. (*[Đã thành bậc vô học nhân, A-la-hán]*)

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã phá bỏ nó? Người đó không còn phá bỏ hay tạo dựng *thân-sắc* mà chỉ an-trú sau khi đã phá bỏ nó. Người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã phá bỏ nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dẹp-bỏ hay dính-chấp vào cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó? Người đó không còn dẹp bỏ hay dính chấp vào *thân-sắc* mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó. Người đó không còn dẹp-bỏ hay dính-chấp vào *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn giải-tán hay tích-lũy cái gì mà giờ được an-trú sau khi đã giải tán nó? Người đó không còn giải tán hay tích lũy *thân-sắc* mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó. Người đó không còn giải-tán hay tích-lũy *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dập-tắt hay mời-lừa cho cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó? Người đó không còn dập tắt hay mời lừa cho *thân-sắc* mà chỉ an-trú sau khi

đã dập tắt nó. Người đó không còn dập-tắt hay mồi-lửa cho cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm như vậy, thì các thiên thần cùng với vị trời Indra, là vua của các vị trời, và vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati cũng kính lễ từ xa (như vậy):

‘Kính chào ngài, hỡi người đã thuần hóa toàn thiện!
Kính chào ngài, hỡi người cao nhất giữa loài người!
Bản thân chúng tôi không trực-tiếp hiểu-biết được
Theo những gì ngài đã thiên tập (để đạt như vậy).’”⁵²

(SN 22:79)

80 (8) *Người Khát Thực* (xin ăn)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người họ tộc Thích-Ca ở Kapilavatthu (thành Ca-tỳ-la-vệ) trong Tịnh Xá Cây Banyan (cây đa, nigrodha).⁵³

Rồi đức Thế Tôn, sau thời gian đã từ bỏ các Tỳ kheo vì một lý do rõ ràng, sáng hôm đó mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khát thực, và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi đến khu Rừng Lớn (Đại

Lâm) để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vô khu Rừng Lớn đó, đức Thế Tôn ngồi xuống dưới gốc một cây *beluva* nhỏ để an trú qua ngày.⁵⁴

Lúc đó, trong khi đang ở một mình ở chỗ cách ly, một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy.⁵⁵

“Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị ta từ bỏ (hỗm rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. *Giống như* con bò con không gặp bò mẹ thì trong tâm ý nó có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ; cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. *Giống như* những cây giống nhỏ không gặp nước thì bên trong chúng có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ; cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Vậy giờ ta nên hộ giúp Tăng Đoàn các Tỳ kheo, như ta đã từng hộ giúp (độ) họ trước giờ.”

Rồi vị Trời Sahampati, với tâm của mình sau khi biết được điều suy xét trong tâm của đức Thế Tôn, nhanh chóng như một người khỏe mạnh duỗi phất cái tay đang co hay co cái tay đang duỗi, liền biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn.

Vị trời chỉnh xếp y trên một bên vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn:

“Đúng nên như vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng nên như vậy, thưa bậc Phúc Lành! Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị đức Thế Tôn từ bỏ (hôm rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới ... *[như đoạn trên, gồm cả ví dụ]* ... Nếu họ không gặp được đức Thế Tôn có thể trong tâm ý họ xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy vui lòng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo! Mong Đức Thế Tôn hãy chào đón Tăng Đoàn trở lại! Đức Thế Tôn hãy hộ giúp Tăng Đoàn như đức Thế Tôn đã hộ giúp họ trước giờ.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi vị Trời Sahampati, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, kính chào đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn bên hướng phải của mình, vị Trời biến mất ngay tại đó.

Rồi vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến khu Vườn Cây Đa Đề. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và thực hiện một chiêu thức thần thông để các Tỳ kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đi một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lễn (nhút nhát, xấu hổ).⁵⁶ Rồi các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, đi một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lễn. Sau khi đã đến, họ kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này các Tỳ kheo, đây là hình thức kiếm sống thấp hèn nhất, đó là, việc đi xin ăn. Trong thế gian đây là một chữ mang tính sĩ nhục:⁵⁷ ‘Đồ ăn mày; đồ vất vưởng lang thang tay cầm bát ăn xin!’ Và, nhưng mà, này các Tỳ kheo, những người họ tộc quyết định chọn cách sống đó là có lý do chính đáng. Họ chọn (cách sống khát thực) như vậy không phải do vua chúa bắt ép, không phải do phường trộm cướp bắt ép, cũng không phải do bị nợ nần, không phải do sợ hãi, cũng không phải làm vậy như một nghề kiếm sống. Nhưng họ làm vậy với ý nghĩ rằng: ‘Mình đang chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Mình đang chìm đắm trong sự khổ đau, đang bị trấn áp trong sự khổ đau. Mong rằng sẽ có ngày chấm dứt được toàn bộ đồng khổ này!’ . Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy mà một người họ tộc đã xuất gia tu hành.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, người đó vẫn còn thèm khát, còn bị cháy trong *tham* dục khoái lạc giác quan (nhục dục), với cái tâm đầy *sân* hận, với những ý định (tu duy) bị lụn bại bởi sự thù ghét, với cái tâm lằng xằng rối rít, thiếu sự rõ-biết, tâm không đạt-định, đầu óc phân tán, lơ là lơ lửng các giác quan. Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đã bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng; cũng theo cách như vậy ta nói về loại người này là: người đó đã bỏ mất những sự hưởng lạc của đời sống tại gia nhưng cũng chẳng tu thành tới mục tiêu của đời tu sĩ. (tức: uổng một đời tu)

- “Này các Tỳ kheo, có ba loại ý nghĩ bất thiện: Ý nghĩ tham dục, ý nghĩ sân hận, ý nghĩ gây hại. Và, này các Tỳ kheo, ở đâu ba loại ý nghĩ bất thiện này chấm dứt sạch sẽ không còn thặng dư? Bên trong người thiên với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘*bốn nền tảng chánh niệm*’, hoặc bên trong người thiên tập phát triển ‘*sự định-tâm vô-dấu-hiệu*’. Này các Tỳ kheo, bấy nhiêu cũng đủ lý do để tu tập phát triển “*sự định tâm vô dấu hiệu*”.⁵⁸ Này các Tỳ kheo, khi “*sự định tâm vô dấu hiệu*” được tu tập và phát triển, điều đó dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao.

- “Này các Tỳ kheo, có hai loại quan-điểm (cách nhìn): quan điểm hiện-hữu [bất diệt] và quan điểm tận-diệt [tự hủy diệt]. Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì biết suy xét như vậy: ‘Có thứ gì trong thế gian ta có thể bám víu vào nó mà không bị chê trách?’ Người đó hiểu được như vậy: ‘Chẳng có thứ gì trong thế gian để ta bám víu vào nó mà không bị chê trách. Bởi vì nếu ta có bám víu thì ta chỉ có *thân-sắc* để bám víu vào, ta chỉ có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* để bám víu vào. (Sự bám víu hay nắm giữ là sự dính chấp). Do có sự dính-chấp đó của ta là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.’⁵⁹

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là vô thường hay thường hằng? ... Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”⁶⁰

(SN 22:80)

81 (9) *Pārileyya*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong khu Tịnh Xá (của ông) Ghosita.

Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambī để khát thực. Sau khi đức Thế Tôn đã đi khát thực trong thành Kosambī và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn tự mình thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không thông báo cho người hầu cận (thị

giả) của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.⁶¹

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn bỏ đi, một Tỳ kheo nọ đã đến gặp Ngài Ānanda và nói với thầy ấy rằng: “Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tự mình thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không thông báo cho người hầu cận (thị giả) của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.”

“Này đạo hữu, mỗi lần đức Thế Tôn làm như vậy là đức Thế Tôn muốn ở (an trú) một mình. Trong mỗi lần như vậy đức Thế Tôn không muốn có bất cứ ai đi theo.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đi bộ từng chặng, cuối cùng đã tới Pārileyyaka. Ở Pārileyyaka đức Thế Tôn đã an trú dưới gốc cây được gọi là cây sa-la diềm lành [bhadda].

Rồi một nhóm Tỳ kheo đã đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy.⁶² Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, đã lâu kể từ lúc chúng tôi nghe được một bài Giáo Pháp khi có mặt đức Thế Tôn (tức: bài Giáo Pháp do chính đức Thế Tôn nói ra). Chúng tôi muốn nghe một bài như vậy, này đạo hữu Ānanda.” Rồi thầy Ānanda cùng với số Tỳ kheo đó đã đi đến gặp đức Thế Tôn ở Pārileyyaka, đang trú dưới gốc cây sa-la diềm lành. Sau khi đến, họ kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống

một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo đó bằng một bài Giáo Pháp. Bây giờ, vào lúc đó, một sự quán chiếu đã khởi sinh trong (tâm) của một Tỳ kheo như vậy:

“Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm xảy ra?”⁶³

Đức Thế Tôn, sau khi đã bằng tâm mình chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy:

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này đã được ta chỉ dạy một cách phân giải (phân biệt).⁶⁴ *Bốn nền tảng chánh niệm* (tứ niệm xứ) đã được ta chỉ dạy một cách phân giải. *Bốn sự nỗ lực đúng đắn* (tứ chánh cần) ... *Bốn cơ sở của năng lực tâm linh* (tứ thần túc) ... *Năm căn tâm linh* (ngũ căn) ... *Năm năng lực* (ngũ lực) ... *Bảy yếu-tố* (giúp) *giác ngộ* (thất giác chi) ... *Con đường Tám phần Thánh thiện* (bát thánh đạo) đã được ta chỉ dạy một cách phân giải. Này các Tỳ kheo, đối với Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy một cách phân giải như vậy, có một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm của một Tỳ kheo (ở đây) như vậy: “Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm xảy ra?”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm xảy ra? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy,

không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, **(i) cứ coi thân-sắc là cái ‘ta’**. ([= sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác (hành); tức: sự tạo nên cách-nhìn đó = thân kiến]). Sự tạo-tác đó— cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.

“Như vậy đó, này các Tỷ kheo, sự tạo-tác đó là vô thường, có điều kiện (hữu vi), là khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi); dục-vọng đó là vô thường, có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc; cảm-giác đó là vô thường, có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc đó là vô thường, có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó là vô thường, có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc. Này các Tỷ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(ii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’, nhưng người đó **cứ coi cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc**. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [*tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:*] ... Này các Tỷ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(iii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, nhưng người đó *cứ coi thân-sắc là ở trong cái ‘ta’*. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(iv) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, nhưng người đó *cứ coi cái ‘ta’ là ở trong thân-sắc*. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(v) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ là ở trong thân-sắc, nhưng người đó *cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’ ... cái ‘ta’ là ở trong thức*. (Mỗi uẩn đều lặp lại lời kinh giống như uẩn thân-sắc nói trên) ... Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(vi) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ là ở trong thức (giống như từ (i)–(v) ở trên), nhưng người đó *nắm giữ một quan-điểm* (cách nhìn, kiến chấp) *như vậy*: ‘Cái

là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’ Quan điểm trường-tồn bất-diệt đó là một sự tạo-tác ... [*tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:*] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(vii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ cũng không nắm giữ quan điểm trường-tồn [bất-diệt] như vậy (*giống như từ (i)—(vi) ở trên*), nhưng người đó *nắm giữ quan-điểm như vậy*: ‘Nếu ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta.’⁶⁵ Quan điểm tự-diệt đó là một sự tạo-tác... [*tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:*] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(viii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ cũng không nắm giữ quan điểm tự-diệt [tự hủy-diệt] như vậy (*giống như từ (i)—(v) ở trên*), nhưng người đó cứ phân vân, nghi ngờ, không nhất định (không dứt khoát, thiếu tin tưởng) đối với Giáo Pháp. Sự phân vân, sự nghi ngờ, sự không nhất định đó đối với Giáo Pháp là một sự tạo-tác. Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi người phạm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được

sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.⁶⁶

“Như vậy, này các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó là vô thường, là có điều kiện (hữu vi), là khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi); dục-vọng đó là vô thường, là có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc đó là vô thường, là có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó là vô thường, là có điều kiện, là khởi sinh tùy thuộc. Khi một người tu biết và thấy như vậy, này các Tỳ kheo, thì sự tiêu-diệt lập-tức mọi ô-nhiễm sẽ xảy ra.”

► *[Như vậy, bài kinh này giải thích, bằng 23 trường hợp, về trí-tuệ đỉnh-cao của thánh quả A-la-hán.]*

(SN 22:81)

82 (10) Đêm Rằm⁶⁷

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra, cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo. Bảy giờ, vào lúc đó— là ngày 15 lễ Bố-tát [Uposatha], một ngày rằm trăng tròn— đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo.

Rồi có một Tỳ kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh xếp y một bên vai, chắp hai tay hướng về đức Thế Tôn kính lễ, và nói với đức

Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một điều, mong đức Thế Tôn ban cho con đặc ơn bằng cách trả lời câu hỏi của con.”

“Được rồi, này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống và hỏi điều thầy muốn hỏi.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi thầy đó ngồi xuống chỗ ngồi và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có phải đây là năm uẩn bị dính chấp: đó là, uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp?”

“Này Tỳ kheo, đó là năm uẩn bị dính chấp: đó là, uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, và hài lòng và vui mừng với lời khẳng định của đức Thế Tôn. Rồi thầy ấy đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

“Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn bị dính chấp có gốc rễ từ đâu?”

“Này Tỳ kheo, năm uẩn bị dính chấp đó bắt rễ từ dục-vọng.”⁶⁸

“Thưa Thế Tôn, có phải sự dính-chấp là một với năm uẩn bị dính chấp này, hay sự dính-chấp là khác với năm uẩn bị dính chấp này?”

“Này các Tỳ kheo, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính chấp này, cũng không phải khác với năm uẩn bị dính chấp này. Nhưng nói đúng hơn, sự tham-muốn và nhục-dục đối với chúng (năm uẩn) mới chính là sự dính-chấp ở đó.”⁶⁹

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” ... hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

“Nhưng, thưa Thế Tôn, có khả năng có sự đa-dạng (nhiều loại, nhiều dạng) trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính chấp hay không?”

“Có khả năng đó, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn đã nói. “Ở đây, này Tỳ kheo, điều (ý nghĩ) này có thể xảy đến với người ta: ‘Ta mong có được thân-sắc như vậy trong tương lai (kiếp sau...)! Ta mong có được cảm-giác như vậy trong tương lai! Ta mong có được nhận-thức như vậy trong tương lai! Ta mong có được những sự tạo-tác cố-ý như vậy trong tương lai! Ta mong có được thức như vậy trong tương lai!’ Như vậy đó, này Tỳ kheo, có khả năng có sự đa-dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính chấp.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, ... hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào, sự chỉ-định (sự chỉ danh, sự gọi tên) các ‘uẩn’ được áp dụng cho các uẩn?”

“Này Tỳ kheo, mọi thể-sắc (thân sắc) dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là tập hợp/uẩn thể-sắc (sắc uẩn). Mọi cảm-giác dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là tập hợp/uẩn cảm-giác (thọ uẩn). Mọi nhận-thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là tập hợp/uẩn nhận-thức (tưởng uẩn). Mọi sự-tạo tác cố-ý dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là tập hợp/uẩn những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn). Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là tập hợp/uẩn thức (thức uẩn). Này Tỳ kheo, theo cách như vậy là sự chỉ-định ‘các uẩn’ đó được áp dụng cho các uẩn.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, ... hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) cho sự thể hiện (hiện thị, mô tả) của uẩn thân-sắc?⁷⁰ Cái gì là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác ...

cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức ... cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác cố-ý? ... cho sự thể hiện của uẩn thức?”

“Này Tỳ kheo, bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn thân-sắc. Sự tiếp-xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác. Sự tiếp-xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức. Sự tiếp-xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác cố-ý. Phần danh-sắc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn thức.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà có quan điểm về danh-tính (thân kiến)?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *cứ* coi thân-sắc là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách dẫn tới cái quan điểm về danh-tính.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào để không-có cái quan điểm về danh-tính?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *không* coi coi thân-sắc là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách *không* dẫn tới cái quan điểm về danh-tính.”

“Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc? Cái gì là sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức?”

“Này Tỳ kheo, sự khoái lạc và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào thân-sắc: đây chính là sự thỏa-thích trong thân-sắc. (nhưng) Thân-sắc đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thân-sắc. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc: đây chính là sự giải-thoát khỏi thân-sắc.

“Sự khoái lạc và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác ... tùy thuộc vào nhận-thức ... tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố-ý ... tùy thuộc vào thức: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác ... thức. (nhưng) Thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... thức: đây chính là sự giải-thoát khỏi cảm-giác ... thức.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, và hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Rồi thầy ấy đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Tỳ kheo, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— người tu nhìn thấy tất cả mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế,

trội hay xấu, xa hay gần— người tu nhìn thấy tất cả mọi thể-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Khi người tu biết và thấy như vậy, này Tỳ kheo, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong.”

- Bây giờ, vào lúc đó, một sự suy xét như vậy đã khởi lên trong tâm một Tỳ kheo (khác): “Vậy dường như thân-sắc là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã, thức là vô ngã. Vậy thì những điều (nghiệp, hành động) được làm bởi thứ vô-ngã sẽ tác động tới cái ngã/cái ‘ta’ nào?” (Ý hỏi: vậy cái ngã hay cái ‘ta’ nào nhận lãnh những nghiệp được tạo ra bởi những thứ vô-ngã?)⁷¹

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã bằng tâm mình chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói luôn với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có thể ở đây đang có hạng người vô tri vô giác, ngu dốt và vô minh, với tâm bị chiếm ngự bởi dục-vọng, (người đó) có thể đang nghĩ ‘ta-đây’ có thể qua mặt cả Giáo Lý của vị Sư Thầy (tức: biết hơn cả Phật) như vậy: ‘Vậy dường như thân-sắc là vô ngã thức là vô ngã. Vậy thì, những điều (nghiệp, hành động) được làm bởi thứ vô-ngã sẽ tác động tới cái ngã/cái

‘ta’ nào?’. Nay các Tỳ kheo, lâu nay các thầy đã được ta chỉ dạy ‘thông qua sự vấn-đáp’ với nhiều lần khác nhau, ở những nơi khác nhau, về những vấn đề giáo lý khác nhau.

([Một ví dụ về phương pháp chỉ dạy thông qua vấn-đáp như trong đoạn dưới đây:])

“Này Tỳ kheo kia, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... – “Cảm-giác là thường hằng hay vô thường?” ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường?” ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường?” ... Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây bản thân ta’, hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Vì vậy các thầy nên nhìn thấy như vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”⁷²

Đây là mười câu hỏi,

Vị Tỳ kheo đã hỏi:

Hai câu về năm uẩn;

Có phải (năm uẩn) là một (với sự dính-chấp),

Có khả năng có (sự đa dạng);

Sự chỉ định và nguyên nhân;
Hai câu về danh tính;
[Mỗi câu về] sự thỏa-thích,
Và về [thân này] có-thức.

(SN 22:82)

NHÓM 4

NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’

(Thera-vagga)

83 (1) Ngài Ānanda

Ở Sāvathī. Lúc đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo như vậy!: “Này các đạo hữu”.

“Được, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, Ngài Puṇṇa Mantāniputta (Phú-lâu-na; được Phật cho là bậc đệ nhất về thuyết pháp) là rất hữu ích đối với chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới.⁷³ Thầy ấy đã khởi xướng (giáo huấn) cho chúng ta bằng sự khởi xướng sau đây:

“Này Ānanda, chính do sự dính-chấp nên có [quan niệm] cái ‘ta’ (tự ngã, ngã chấp), không dính-chấp thì không có. Và do dính-chấp vào [dính theo, phái sinh, tùy thuộc vào] cái gì mà có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính-chấp thì không có? Chính do dính-chấp vào *thân-sắc* nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính-chấp thì không có. Chính do dính-chấp vào *cảm-giác ... nhận-thức ...*

những sự tạo-tác cố-ý ... thức nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính-chấp thì không có.

“Này đạo hữu Ānanda, giả sử có một thanh nữ—hay một thanh niên—trẻ trung và thích đồ trang sức, soi nhìn mặt mình trong gương hay trong một chậu nước sạch, trong, tinh khiết: cô ấy soi nhìn vào đó với một sự dính-chấp, không dính-chấp thì không soi nhìn. Cũng giống như vậy, chính do sự dính-chấp vào thân-sắc nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính-chấp thì không có. Do dính-chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính-chấp thì không có.

“Này đạo hữu Ānanda, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường”... *[tiếp tục tương tự lời hỏi đáp này trong kinh kể trên]*

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

“Này các đạo hữu, thầy Punṇa Mantāniputta là rất hữu ích cho chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới. Thầy ấy đã khởi xướng cho chúng ta bằng sự khởi xướng đó. Và khi tôi nghe lời thuyết giảng Giáo Pháp của thầy ấy, tôi đã làm-được sự đột-phá (chứng ngộ) vào Giáo Pháp.” (tức chứng thánh quả Nhập-lưu)⁷⁴

(SN 22:83)

84 (2) Ngài Tissa

Ở Sāvattthī. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Tissa, người em họ phía cha của đức Thế Tôn (con của cô ruột Amitā; tức anh em cô cậu của Phật),⁷⁵ đã thông báo cho một số Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, thân của tôi cứ như đã bị dính thuốc độc, những giáo pháp không còn rõ ràng đối với tôi nữa.⁷⁶ Sự lười-biếng và buồn-ngủ (hôn trầm) cứ ám muội tâm trí tôi. Tôi đang sống đời sống thánh thiện không được viên mãn, và tôi có sự nghi-ngờ về giáo pháp.”

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Tissa rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại và thầy đó đi tới chỗ Ngài Tissa và nói: “Sư Thầy mới cho gọi thầy, này đạo hữu Tissa.”

“Được, này đạo hữu”, thầy Tissa đáp lại, và thầy đi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Có đúng thật không, này Tissa, rằng thầy mới báo cho các Tỳ kheo như vậy: ‘Này các đạo hữu,

thân tôi dường như bị dính thuốc độc ... và tôi có sự nghi-ngờ về giáo pháp’?”

“Đạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tissa, thầy nghĩ sao, nếu người ta không tránh bỏ nhục-dục đối với *thân-sắc*, không tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái (cảm tình), sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, có phải vậy không?”

“Đạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, thật đúng là vậy đối với một người không tránh bỏ nhục-dục đối với thân-sắc. Rồi, nếu người ta không tránh bỏ nhục-dục đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-ý* ... đối với *thức*, không tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi cảm-giác ... thức thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, có phải vậy không?”

“Đạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, thật đúng là vậy đối với một người không tránh bỏ nhục-dục đối với cảm giác ... thức. (nhưng) Nếu người ta tránh bỏ nhục-dục đối với *thân-sắc*, tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với nó,

thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi có còn khởi sinh trong tâm sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?”

“Không còn, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, thật đúng là vậy đối với một người tránh bỏ nhục-dục đối với thân-sắc. (và) Nếu người ta tránh bỏ nhục dục đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-ý* ... đối với *thức*, tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi cảm-giác ... thức thay đổi và biến đổi có khởi sinh trong tâm sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, thật đúng là vậy đối với một người tránh bỏ nhục-dục đối với cảm-giác ... thức. Này Tissa, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Vì vậy: Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’.

- “Này Tissa, giả sử có hai người đàn ông: một người không rành rẽ trong con đường và một người rành rẽ trong con đường. Người không rành rẽ sẽ hỏi người rành rẽ một câu hỏi về con đường, và người rành rẽ sẽ nói: ‘Này, bạn tốt, đây là con đường.

Cứ bước đi một chút, bạn sẽ thấy một ngã-ba trên đường. Tránh bỏ đường rẽ trái và chọn đường rẽ phải. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đám cây-cối dày-đặc. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đầm-lầy lớn. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vách-núi chặn-đứng. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vùng bình-nguyên tuyệt-vời.’

“Này Tissa, ta đã làm ra ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa của nó: ‘Người không rành rẽ trong con đường (đạo)’: là ví cho người phàm phu không được chỉ dạy. ‘Người rành rẽ trong con đường’: là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. ‘Ngã-ba đường’: là ví cho sự (chướng ngại) nghi-ngờ. ‘Đường rẽ-trái’: là ví cho con đường tám phần sai lạc; đó gồm: cách nhìn sai lạc (tà kiến) ... thiên định sai lạc (tà định). ‘Đường rẽ-phải’: là ví cho con đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo); đó gồm: cách nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... định tâm đúng đắn (chánh định). ‘Đám cây cối dày đặc’: là ví cho sự vô-minh. ‘Đầm lầy lớn’: là ví cho những khoái lạc giác quan (dục lạc). ‘Vách núi chặn đứng’: là ví cho sự bế tắc [tuyệt vọng] do tâm sân hận. ‘Vùng bình nguyên tuyệt vời’: là ví cho Niết-bàn.

“Hãy vui lên, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta ở đây là để khởi xướng (giáo huấn), ta ở đây là để hộ giúp, ta ở đây là để chỉ dạy!”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Thầy Tissa hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

([Và thầy ấy đã nỗ lực tu hành, sau một thời gian thầy Tissa cũng trở thành một vị A-la-hán])

(SN 22:84)

85 (3) Ngài Yamaka

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Sāvathī, trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một quan-điểm độc hại (nguy hại, tai hại, tệ hại, tà hại) như sau đã khởi sinh trong tâm của một Tỳ kheo tên là Yamaka: “Theo như tôi hiểu được Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì (‘bản thân mình’) cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.”⁷⁷

Một số Tỳ kheo nghe được quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm Tỳ kheo Yamaka. Nên sau đó họ đến gặp Ngài Yamaka và chào hỏi thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu được Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.’?”

“Chính xác là vậy, này các đạo hữu. Theo chỗ tôi hiểu được Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.”

“Này đạo hữu Yamaka, xin đừng nói như vậy. Đừng thay lời đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Không tốt lành nếu thay lời đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Đức Thế Tôn không nói như vậy: ‘Một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.’”

Nhưng, mặc dù đã được các Tỳ kheo khuyên can theo cách như vậy, thầy Yamaka vẫn cứng đầu nắm giữ cái quan-điểm độc hại đó, cố chấp nó, và cứ tuyên bố rằng: “Theo như tôi hiểu được Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.”

Do các Tỳ kheo không thể nào gỡ bỏ được cái quan-điểm độc hại đó ra khỏi tâm trí thầy Yamaka, nên họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến gặp thầy Xá-lợi-phất và kể lại toàn bộ chuyện đó cho thầy ấy nghe và họ nói thêm rằng: “Sẽ tốt lành nếu Ngài Xá-lợi-phất đến gặp Tỳ kheo Yamaka vì lòng bi mẫn đối với thầy ấy.” Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu. Thầy đến gặp thầy Yamaka và chào hỏi qua lại, sau đó thầy ngồi xuống một bên và nói với thầy Yamaka: “Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu được Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.’?”

“Chính xác là vậy, này đạo hữu.

“Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.”

“Vì vậy: Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi thân-sắc là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu.”

“Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ở trong thân-sắc hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi Như Lai là khác với thân-sắc hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi Như Lai là ở trong cảm-giác hay không? Như Lai là

khác với cảm-giác hay không? Như Lai là ở trong nhận-thức hay không? Như Lai là khác với nhận-thức hay không? Như Lai là ở trong những sự tạo-tác cố-ý hay không? Như Lai là khác với những sự tạo-tác cố-ý hay không? Như Lai là ở trong thức hay không? Như Lai là khác với thức hay không?” – “Không, đạo hữu”.

“Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức [hợp lại với nhau] là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu”.

“Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là một người không có thân-sắc, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác cố-ý, và không có thức?” – “Không, đạo hữu”.

“Nhưng, này đạo hữu Yamaka, trong khi Như Lai không được thầy coi là có-thực và có-thật ở đây ngay trong kiếp này, (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: ‘Theo như tôi hiểu được Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện hữu sau khi chết.’?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trước giờ tôi ngu dại, tôi đã chấp giữ cái quan-điểm độc hại đó; nhưng giờ sau khi đã nghe lời dạy Giáo Pháp này của Ngài Xá-lợi-phất, tôi mới dẹp bỏ được cái quan-điểm độc hại đó, và tôi đã làm-được sự đột-phá (xuyên phá

qua màn tối, chúng ngộ) vào Giáo Pháp.” (tức đã chúng ngộ thánh quả Nhập-lưu)⁷⁸

“Này đạo hữu Yamaka, nếu người ta hỏi thầy như vậy: ‘Này bạn hữu Yamaka, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, thì điều gì sẽ xảy ra với người đó khi thân tan rã, sau khi chết?’— khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi tôi điều này, tôi sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, thân-sắc là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ gì khổ đã chấm dứt và phai biến. Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ gì khổ đã chấm dứt và phai biến.’ Khi được hỏi như vậy, này đạo hữu, tôi sẽ trả lời theo cách như vậy.”⁷⁹

“Tốt, tốt, đạo hữu Yamaka! Bây giờ, này đạo hữu Yamaka, ta sẽ làm một ví dụ cho thầy để chuyển tải ý nghĩa như vậy một cách rõ ràng hơn. Này đạo hữu Yamaka, giả sử có một gia chủ hay con trai của ông ta, là một người giàu có, có nhiều của cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Rồi, có người xuất hiện muốn phá hoại ông ta, hãm hại ông ta, làm hại ông ta, lấy mạng ông ta. Kẻ đó có thể nghĩ rằng: ‘Ông gia chủ này hay con trai của ông ta, là một người giàu có, có nhiều của cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Không dễ gì lấy mạng ông ta ngay bằng vũ lực. Vậy ta phải tiếp cận (thân cận) với ông ta và lấy mạng ông ta.’

“Rồi người đó đến gặp ông gia chủ hoặc con trai của ông ta, và nói: ‘Tôi muốn phục vụ cho ngài.’ Rồi ông gia chủ hoặc con trai của ông ta bổ nhiệm người đó làm một người hầu cận. Người đó phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến. Ông gia chủ hoặc con trai của ông ta tin coi người đó như bạn hữu, như bạn chí thân, và đặt niềm tin tưởng vào người đó. Nhưng, tới lúc người đó biết được ông gia chủ hoặc con trai của ông ta đã đặt niềm tin tưởng vào mình, nên sau đó đã tìm cơ hội khi ông chủ ở một mình, kẻ đó đã dùng dao bén lấy mạng ông chủ.

“Thầy nghĩ sao, này đạo hữu Yamaka, khi người đó đã đến gặp ông gia chủ hoặc con trai của ông ta, và nói: ‘Tôi muốn phục vụ ngài’, có phải hẳn đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’? Và trong khi người đó đang phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến, có phải hẳn đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’? Và tới khi kẻ đó tấn công ông chủ khi ông đang ở một mình và dùng dao bén lấy mạng ông chủ, có phải hẳn cũng đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’?

“Đúng vậy, đạo hữu”.

(i) “Cũng giống như vậy, này đạo hữu Yamaka, người phạm phu không được chỉ dạy (được ví như ‘ông gia chủ hay con trai của

ông ta’ trong ví dụ trên), không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thánh, không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của các bậc thượng nhân, *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. (tức: không hiểu biết nên nhận lầm năm-uẩn, ví như ông gia chủ hay con trai ông không biết và nhận lầm ‘kẻ sát hại mình’ là bạn thân của mình).

- - “Người đó *cứ* coi cảm-giác là **cái ‘ta’** ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức.

- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **vô thường** là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **khổ** đau là ‘thân-sắc khổ đau ... cảm-giác khổ đau là ‘cảm-giác khổ đau’ ... nhận-thức khổ đau là ‘nhận-thức khổ đau’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ đau là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ đau’ ... thức khổ đau là ‘thức khổ đau’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **vô ngã** là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc là **có điều kiện** (mang bản chất hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều kiện’ ... cảm-giác có điều kiện là ‘cảm-giác có điều kiện’ ... nhận-thức có điều kiện là ‘nhận-thức có điều kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện’ ... thức có điều kiện là ‘thức có điều kiện’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **sát hại** là ‘thân-sắc sát hại ... cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ ... nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ ... những sự tạo-tác cố-ý sát hại là ‘những sự tạo-tác cố-ý sát hại’ ... thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘Năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên).

- “Người đó bị dính líu với thân-sắc, dính-chấp vào nó, và nương dựa vào nó như ‘cái-ta của mình’ (bản thân ‘ta’).⁸⁰ Người đó bị dính líu với cảm-giác ... với nhận-thức ... với những sự tạo-tác cố-ý ... với thức, dính-chấp vào nó, và nương dựa vào nó như ‘cái-ta của mình’. Chính năm uẩn bị dính-chấp này, mà người đó bị dính líu vào đó và dính-chấp vào đó, dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó.

▪ - “Nhưng, (ngược lại), này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân ... thì *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc.

- “Người đó cũng *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức.

- “Người đó *hiểu được* thân-sắc vô thường là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *hiểu được* thân-sắc khổ đau là ‘thân-sắc khổ đau ... cảm-giác khổ đau là ‘cảm-giác khổ đau’ ... nhận-thức khổ đau là ‘nhận-thức khổ đau’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ đau là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ đau’ ... thức khổ đau là ‘thức khổ đau’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *hiểu được* thân-sắc vô ngã là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *hiểu được* thân-sắc là có điều kiện (hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều kiện ... cảm-giác có điều kiện là ‘cảm-giác có điều kiện’ ... nhận-thức có điều kiện là ‘nhận-thức có điều kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều kiện’ ... thức có điều kiện là ‘thức có điều kiện’, đúng như nó thực là.

- “Người đó *hiểu được* thân-sắc sát hại là ‘thân-sắc sát hại’ ... cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ ... nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ ... những sự tạo-tác cố-ý sát hại là ‘những sự tạo-tác cố-ý sát hại’ ... thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘Năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên).

- “Người đó *không* bị dính líu với thân-sắc, hay dính-chấp vào nó, hay nương dựa vào nó như ‘tái-ta của ta’ (bản thân ‘ta’). Người đó không bị dính líu với cảm-giác ... với nhận-thức ... với những sự tạo-tác cố-ý ... với thức, hay dính-chấp vào nó, hay nương dựa vào nó như ‘cái-ta của ta’. Năm uẩn bị dính-chấp này, nhờ người đó không bị dính líu hay dính-chấp vào đó, nên *không* dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó.

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thật đúng là như vậy đối với những quý thầy có được những huynh đệ đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống thánh thiện để khuyên răn và chỉ dẫn cho họ. Và giờ tôi đã được nghe sự chỉ dạy Giáo Pháp này của Thầy Xá-lợi-phất, tâm tôi được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.”

Trên đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Thầy Yamaka hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất.⁸¹

(SN 22:85)

86 (4) Ngài Anurādha⁸²

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Anurādha đang trú trong một cái chòi trong rừng cách không xa chỗ đức Thế Tôn. Rồi một số du sĩ giáo phái khác đến gặp thầy Anurādha, và chào hỏi với thầy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Này bạn Anurādha, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—thì Như Lai có mô tả về Như Lai *theo* bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ... ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Anurādha đã nói với các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—thì Như Lai mô tả về Như Lai *khác với* bốn

trường hợp sau đây: ‘Nhu Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ... ‘Nhu Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’.”

Sau khi điều này được nói ra, các du sĩ đã nói với thầy Anurādha rằng: ‘Vị Tỳ kheo này chắc mới được thụ giới, chưa xuất gia lâu; hoặc nếu vị này có là một trưởng lão lâu năm thì chắc ông chỉ là một người ngu đần thiếu năng.’”

Rồi những du sĩ giáo phái khác đó, sau khi đã lắng mạ thầy Anurādha bằng những từ ngữ như “mới được thụ giới” và “ngu đần”, đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi.

Rồi, không lâu sau khi những du sĩ đó bỏ đi, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Anurādha: “Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi ta thêm nữa, thì ta sẽ trả lời theo cách nào để nói đúng điều đã được đức Thế Tôn nói ra và không trình bày sai ý của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó? Và theo cách nào ta giảng bày cho đúng theo Giáo Pháp, và không để tạo ra cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?”

Rồi, thầy Anurādha đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra với các du sĩ, và hỏi rằng: “Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi con thêm nữa, thì con sẽ trả lời theo cách nào ... để sau đó không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?”

- “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

“Vì vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa”.

- “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi thân-sắc là Như Lai hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là Như Lai hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn”.

- “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ở trong thân-sắc hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi Như Lai là khác với thân-sắc?” – “Không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi Như Lai là ở trong cảm-giác? Như Lai là khác với cảm-giác? Như Lai là ở trong nhận-thức? Như Lai là khác với nhận-thức? Như Lai là ở trong những sự tạo-tác cố-ý? Như Lai là khác với những sự tạo-tác cố-ý? Như Lai là ở trong thức? Như Lai là khác với thức?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

- “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức [hợp lại với nhau] là Như Lai hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn”.

- “Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là người không có thân-sắc, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không

có những sự tạo-tác cố-ý, không có thức?” – “Không, thưa Thế Tôn”.

- “Nhưng, này Anurādha, trong khi Như Lai không được thầy coi là có-thực và có-thật ở đây ngay trong kiếp này, (nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai— loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng— thì Như Lai có mô tả về Như Lai *khác với* bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ... ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’?”.

“Dạ không (hợp lý), thưa Thế Tôn”.

“Tốt, tốt, này Anurādha! Này Anurādha, trước đây và bây giờ cũng vậy, ta chỉ tuyên bố (chỉ dạy, tuyên tuyệt, làm cho biết) về sự khổ và sự chấm dứt khổ.”⁸³

(SN 22:86)

87 (5) Ngài Vakkali

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài

Vakkali đang trú trong chái kho của một lò gốm; thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết.⁸⁴ Rồi thầy Vakkali đã nói với những người phụ cận của mình:

“Này các đạo hữu, hãy nhân danh ta đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Người, và thưa với đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy chuyển lời kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Đức Thế Tôn.’ Rồi thưa: ‘Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến gặp (thăm) thầy Vakkali vì lòng bi mẫn.’”

“Được, này đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại, và họ đi gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời của thầy Vakkali. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi, đức Thế Tôn mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi gặp thầy Vakkali. Thầy Vakkali nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh; Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Vakkali, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.”⁸⁵

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với thầy Vakkali: “Ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, này Vakkali, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia

tăng, và rằng sự lảng lạn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lảng lạn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lảng lạn, càng lúc càng thấy rõ.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.”

“Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt đức-hạnh.”

“Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt đức-hạnh.”

“Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt đức-hạnh, vậy thì tại sao thầy lại bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, bởi từ lâu con đã muốn đến gặp đức Thế Tôn, nhưng con không đủ khỏe mạnh để làm được việc đó.”

“Đủ rồi, này Vakkali! Tại sao thầy lại muốn nhìn thấy cái thân ô uế này làm gì? *Ai nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; ai*

nhìn thấy ta (năm uẩn này) là nhìn thấy Giáo Pháp. Bởi khi nhìn thấy Giáo Pháp, này Vakkali, là nhìn thấy ta; và khi nhìn thấy ta, là nhìn thấy Giáo Pháp.

“Này Vakkali, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Vì vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa”.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã ban sự khởi xướng (giáo huấn) cho thầy Vakkali, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và quay về Đỉnh Núi Kên Kên.

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn ra về, thầy Vakkali đã nói với những người phụ cận của mình như vậy:

“Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi trên tấm giường này và đưa tôi tới chỗ (được gọi tên là) Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili; (đó cũng chính là nơi Ngài Godhika đã tự kết liễu thân mình).⁸⁶ Làm sao người như tôi có thể thích nằm chết giữa khu nhà cửa đông đúc như vậy?”

“Được, đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi khiêng thầy Vakkali trên tấm giường đó, họ đã đưa thầy ấy tới chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili.

Đức Thế Tôn trải qua phần còn lại của ngày và đêm hôm đó trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn, chiếu sáng hào quang cả vùng Núi Kền Kền Sau khi đứng qua một bên, một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải phóng”⁸⁷
Thiên thần kia thì nói rằng:

“Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo.”⁸⁸

Đây là điều hai thiên thần đó đã nói. Sau khi nói xong, họ kính chào đức Thế Tôn, và giữ hướng đức Thế Tôn phía bên phải, họ biến mất tại đó. Rồi khi đêm đã trôi qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy đến gặp Tỳ kheo Vakkali và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời của đức Thế Tôn và hai thiên thần. Này đạo hữu, tối qua, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải phóng”. Thiên thần kia thì nói rằng: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải thoát như một bậc được giải thoát một cách thiện khéo”. Và đức Thế Tôn thì (chuyên lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, Vakkali, đừng sợ hãi

gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là một sự tồi tệ.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đi gặp thầy Vakkali, và nói lại với thầy ấy: “Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời nói của đức Thế Tôn và hai thiên thần.”

Rồi, (ngay khi đó) thầy Vakkali đã nói với những người phụ cận của mình: “Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi xuống khỏi giường. Làm sao một người như tôi có thể nghĩ mình lắng nghe lời dạy của đức Thế Tôn khi mình đang nằm [ngồi] ở trên [giường, chỗ] cao như vậy.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ khiêng thầy xuống khỏi giường.

“Này đạo hữu Vakkali, tôi qua có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải phóng”. Thiên thần kia thì nói rằng: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải thoát như một bậc được giải thoát một cách thiện khéo”. Và đức Thế Tôn thì (chuyển lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là sự tồi tệ.”

“Được rồi, này các đạo hữu, hãy nhân danh tôi đến cúi đầu xuống chân của đức Thế Tôn để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thế Tôn,

Tỳ kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Đức Thế Tôn.’
 Rồi thưa: ‘Thân-sắc là vô thường: con không còn lơ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ rằng: mọi thứ vô thường đều là khổ. Con không còn nghi-ngờ rằng: đối với thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, con đã không còn tham-muốn, nhục-dục, hay luyến-ái (cảm-tình) ... (đối với nó). Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường: con không còn lơ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ rằng: mọi thứ vô thường đều là khổ. Con không còn nghi-ngờ rằng: đối với thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, con đã không còn tham-muốn, nhục-dục, hay luyến ái (đối với nó).’”

“Được, này đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ ra về. Rồi, không lâu sau khi họ ra về, thầy Vakkali đã dùng dao. (tức: tự kết liễu thân bệnh đau đớn của mình)⁸⁹

Rồi các Tỳ kheo đã về đến gặp đức Thế Tôn ... và chuyển lại lời của thầy Vikkali. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, chúng ta hãy đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili, nơi có người họ tộc Vakkali vừa mới dùng dao.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi đức Thế Tôn, cùng với một số Tỳ kheo, đã đi đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili. Từ xa đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Vakkali đang nằm trên giường với vai quắp lại. Bấy giờ, vào lúc đó có một làn

khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang phóng vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đó là Ma-vương Ác Ma đang tìm kiếm thức của người họ tộc Vakkali, (hắn) đang thắc mắc: ‘Thức của người họ tộc Vakkali đã được lập thành ở đâu?’ Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, với thức chưa được lập thành (để còn tái sinh), người họ tộc Vakkali đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn).”

(SN 22:87)

88 (6) Ngài Assaji

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Assaji đang trú tại Khu Vườn (của thầy) Ca-Điếp (Kassapa), thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết. *[Tiếp tục lời kinh giống hệt như bài kinh SN 22:87 kể trên, cho đến:]*

“Này Assaji, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt đức-hạnh, vậy tại sao thầy bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, trước đây khi con bị bệnh con liên tục làm lảng lạn những sự tạo-tác thuộc thân (thân hành), nhưng [bây giờ] con không đạt định được.⁹⁰ Khi con không đạt định được, điều này xảy đến với con: ‘Ta sẽ (cố) không bị rút ra!’” (tức: cố gắng để khỏi bị rút khỏi định, khỏi bị thất định)

“Này Assaji, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (đề cao) sự định-tâm là cốt lõi, và đồng hóa sự định-tâm với đời sống tu hành, thì khi không đạt định được họ cứ lo nghĩ: ‘Chúng ta sẽ cố không bị rút ra!’⁹¹

- “Này Assaji, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” –

“Vì vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *tham* thích nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *sân* bực

nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn si mờ về nó’.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận tách ly với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận tách ly với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận tách ly với nó.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc, chấm dứt) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống’. Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn-dứt mạng sống, tất cả (mọi cảm-giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn tham thích, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’

“Này Assaji, cũng như ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ bị tắt ngấm do không còn nhiên liệu; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng sống ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn-dứt của mạng sống, tất cả (mọi cảm-giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn được tham thích, đều trở thành nguội tắt ngay tại đây.’”

(SN 22:88)

89 (7) Ngài Khemaka

Trong một lần có một số Tỳ kheo đang sống tại Kosambī trong Tịnh Xá (của ông) Ghosita. Bây giờ, vào lúc đó có Ngài Khemaka đang sống trong khu vườn Cây Táo Ta, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết.

Rồi, vào buổi chiều, những Tỳ kheo trưởng lão đó ra khỏi chỗ ẩn tu, và nói với Ngài Dāsaka như vậy: “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, chúng tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, chúng tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Chúng tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] “Này các đạo hữu, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang càng lúc càng thấy rõ.”

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo

hữu, năm uẩn bị dính-chấp, đã từng được đức Thế Tôn chỉ dạy; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, thầy Khemaka có coi (nhìn nhận) cái nào là cái ‘ta’, hoặc nghĩ nó thuộc cái ‘ta’ hay không?”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] “Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp ... uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, tôi không coi cái nào là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’ nào cả.”

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỷ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỷ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp đã được nói bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp ... uẩn thức bị dính chấp. Nếu thầy Khemaka không coi cái nào trong số năm uẩn bị dính-chấp đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, vậy thì thầy là một bậc thánh A-la-hán rồi, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] “Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn

thân-sắc bị dính chấp ... uẩn thức bị dính chấp. Tôi không coi cái nào trong năm uẩn bị dính-chấp đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, nhưng tôi không phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm. Nay các đạo hữu, [cái quan niệm] cái ‘ta’ [ta là] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi không coi [bất kỳ uẩn nào] là cái ‘Đây là ta’.”⁹²

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy— thì đó là cái-gì mà thầy nói về nó là cái ‘ta’? Có phải ý thầy nói về thân-sắc là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với thân-sắc? Có phải ý thầy nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với thức? Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về một cái ‘ta’ như vậy, cái gì là cái mà thầy nó là cái ‘ta’?”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] “Đủ rồi, này đạo hữu Dāsaka! Tại sao cứ phải chạy đi chạy về như vậy? Hãy gọi người phụ cận của ta đến đây, đạo hữu. Ta sẽ tự thân đi đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó.”

Rồi thầy Khemaka, nương dựa vào người phụ cận, đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, chào hỏi qua lại với họ, và ngồi

xuống một bên. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’?”

“Này các đạo hữu, tôi không nói thân-sắc là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với thân-sắc. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức. Này các đạo hữu [quan niệm] cái ‘ta’ vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là cái ‘Đây là ta’.”

“Này các đạo hữu, giả sử có mùi hương của hoa sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng. Liệu có ai nói đúng mà nói rằng: ‘Mùi hương thuộc cánh hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc cuống hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc nhụy hoa’?”

“Không thuộc cái nào, này đạo hữu”.

“Này các đạo hữu, vậy nếu ai trả lời đúng là trả lời theo cách nào?”

“Này đạo hữu, nếu trả lời đúng thì người đó nên trả lời rằng: ‘Mùi hương thuộc bông hoa.’”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu tôi không nói thân-sắc là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với thân-sắc. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái

‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức. Nay các đạo hữu, mặc dù [cái quan niệm] cái ‘ta’ vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng, tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là cái ‘Đây là ta’.

“Này các đạo hữu, mặc dù một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm nhẹ hơn (năm gông cùm đầu tiên), nhưng, trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn dính lại trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’ [‘ta là’], một tham-muốn cái ‘ta’, một khuynh hướng tiềm ẩn (tùy miên) cái ‘ta’ vẫn chưa được bùng-sạch. Nhiều lúc sau đó người đó sống quán xét (quán niệm, thiền quán) về sự lên và xuống (hiện và lặn, khởi sinh và biến mất) trong năm uẩn bị dính-chấp, như vậy: ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó.’ Khi người đó sống quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm uẩn bị dính-chấp, thì chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, tham-muốn cái ‘ta’, khuynh hướng tiềm ẩn cái ‘ta’ trước giờ chưa được bùng-sạch— giờ sẽ được bùng-sạch.

“Này các đạo hữu, giả như có một tấm vải bị dính đất và bị dơ bẩn, và người chủ đưa cho người giặt đồ. Người giặt đồ sẽ vò nó bằng muối tẩy, bằng nước (kiềm) giặt đồ, hoặc bằng phân bò, và sau đó xỏ sạch nó trong nước sạch. Mặc dù tấm vải đó đã được

ting tẩy và sạch sẽ, nhưng, nó vẫn còn lại chút tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Rồi người thợ giặt mang giao tấm vải cho người chủ. Rồi người chủ mang cất vào một học tử đầy mùi thơm (chẳng hạn: có để hương thơm, nước hoa, long não...), thì phần tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò trước đó chưa biến mất— rồi sẽ biến mất hoàn toàn.⁹³

“Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, mặc dù mặc dù một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm công-cùm nhẹ hơn (năm công cùm đầu tiên), nhưng, trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn dính lại trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’ [‘ta là’], một tham-muôn cái ‘ta’, một khuynh hướng tiềm ẩn (tùy miên) cái ‘ta’ vẫn chưa được bùng-sạch.... Khi người đó sống quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm uẩn bị dính-chấp, thì chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, tham-muôn cái ‘ta’, khuynh hướng tiềm ẩn cái ‘ta’ trước giờ chưa được bùng-sạch— giờ sẽ được bùng-sạch.

Khi lời này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với thầy: “Chúng tôi không (có ý) hỏi những câu hỏi để làm phiền Thầy Khemaka, mà (thực lòng) chúng tôi nghĩ rằng Thầy Khemaka có khả năng giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý của đức Thế Tôn một cách chi tiết. Và (thực vậy) Thầy Khemaka đã giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý.”

Trên đây là điều mà Ngài Khemaka đã nói ra. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của Ngài Khemaka. Và trong khi bài thuyết giảng đang được nói ra như vậy, tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo trưởng lão đó đã được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

(SN 22:89)

90 (8) Ngài Channa

Trong một lần có một số Tỳ kheo đang sống ở xứ Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi chiều, Ngài Channa ra khỏi chỗ ẩn tu, và mang theo chìa khóa của mình, đi tới từng chỗ trú của các Tỳ kheo và nói với họ như vậy: “Các bậc trưởng lão hãy khởi xướng cho tôi, các bậc trưởng lão hãy chỉ dạy cho tôi, các bậc trưởng lão hãy nói Giáo Pháp cho tôi theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp.”⁹⁴

Khi điều này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với thầy Channa: “Này đạo hữu Channa, thân-sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố-ý là vô thường, thức là vô thường. Thân-sắc là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã, thức là

vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác (chư hành) đều là vô thường; tất cả mọi hiện tượng (chư pháp) đều là vô ngã.”⁹⁵

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: “Ta cũng nghĩ theo cách này: ‘Thân-sắc là vô thường ... thức là vô thường. Thân-sắc là vô ngã ... thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô thường; Tất cả mọi hiện tượng đều là vô ngã.’ Nhưng tâm của ta không phát huy tới sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác, sự từ-bỏ tất cả mọi sự chấp-giữ (sở đắc, sở hữu), sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn; nó cũng không có được niềm tin, không an bài, và không nhất quyết theo hướng đó. Thay vì vậy, (hễ khi có) sự kích-động (do lo sợ này nọ...) và sự dính-chấp (những quan điểm này nọ...) khởi sinh và (thì) tâm quay lưng lại, nghĩ ngợi rằng: ‘Nhưng ai là cái ‘ta’ của ta (bản thân ta)?’ Nhưng điều (ý nghĩ, ý niệm) như vậy thì không xảy ra đối với người nhìn thấy Giáo Pháp. Vậy ai có thể chỉ dạy cho ta Giáo Pháp theo cách để ta có thể nhìn thấy Giáo Pháp?”

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: “Ngài Ānanda này đang sống tại Kosambī trong khu Tịnh Xá Ghosita, và thầy ấy đã được khen ngợi bởi đức Thế Tôn và được kính trọng bởi những đạo hữu huynh đệ của mình trong đời sống thánh thiện. Thầy Ānanda có khả năng chỉ dạy Giáo Pháp cho ta theo một cách để ta có thể nhìn thấy Giáo Pháp. Bởi ta đã có nhiều tin tưởng vào thầy Ānanda, vậy ta nên đi gặp thầy ấy.”

Rồi thầy Channa thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, và đi đến Tịnh Xá Ghosita ở Kosambī, ở đó thầy ấy đã gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và kể cho thầy Ānanda về mọi chuyện đã xảy ra với mình, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda khởi xướng (giáo huấn) cho tôi, thầy hãy chỉ dạy tôi, thầy hãy nói cho tôi Giáo Pháp theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp.”

“Cho đến nước này (tình trạng này), tôi vẫn rất vui lòng với thầy Channa. Có lẽ thầy Channa đã khai mở bản thân mình và đã phá vỡ sự trơ-cần của mình (căn cõi, không phát triển).⁹⁶

Này đạo hữu Channa, hãy lắng tai nghe, thầy có khả năng hiểu được Giáo Pháp đó mà.”

Rồi ngay lập tức một niềm khoan khoái cao độ và sự hoan hỷ đã khởi sinh trong tâm thầy Channa khi thầy ấy nghĩ rằng: “Dường như mình cũng có khả năng hiểu được Giáo Pháp.”

[Rồi thầy Ānanda nói:] “Khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này, này đạo hữu Channa, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe nhận được lời khởi xướng mà đức Thế Tôn đã nói cho Tỷ kheo Kaccānagotta như vậy: [toàn bộ lời bài kinh **SN 12:15**]

“Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các bậc thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan điểm ... [tiếp tục toàn bộ lời

bài kinh SN 12:15 được thầy Ānanda đọc lại ở đây ...] Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này đạo hữu Ānanda, thật đúng thực là như vậy đối với những quý thầy có-được những huynh đệ đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống thánh thiện để khuyên răn và chỉ dạy cho họ. Và giờ tôi đã được nghe sự chỉ dạy Giáo Pháp này từ Ngài Ānanda, tôi đã làm-được sự đột-phá (chúng ngộ) vào Giáo Pháp.” ([tức: thầy ấy thâm nhập Bốn Diệu Đế bằng trí tuệ và chúng ngộ thánh quả Nhập-lưu])

(SN 22:90)

91 (9) Ngài Rāhula (1)

[*Bài kinh này là tương ứng giống hết kinh SN 18:21 và 22*]

Ở Sāvattthī. Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tự ngã, ta-đây) không còn xảy ra bên-trong (tâm)?”

“Này Rāhula, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố-ý ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu hiệu bên ngoài, thì sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta không còn xảy ra ở bên-trong.”

(SN 22:91)

92 (10) Ngài Rāhula (2)

[Bài kinh này là tương ứng giống hết kinh **SN 22:71** và **72**]

Ở Sāvattthī. Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm loại bỏ hết sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ta-đây), (nó) đã vượt trên sự phân biệt đối đãi, và được bình an và được giải thoát một cách khéo léo?”

“Này Rāhula, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’, người tu được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố-ý ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần— sau khi nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’, người tu được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu bên ngoài, tâm loại bỏ cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và sự ‘tự-ta’, (nó) đã vượt trên sự phân biệt đối đãi, và được bình an và được giải thoát một cách khéo léo.”

(SN 22:92)

NHÓM 5

NHÓM ‘HOA’

(Puppha-vagga)

93 (1) Dòng Sông

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một dòng sông chảy xuống từ trên núi, chảy xa với một dòng chảy xiết. Nếu hai bên bờ sông có cỏ *kāsa* hay cỏ *kusa* mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ; nếu có những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ. Nếu một người đang bị cuốn trôi bởi dòng chảy đó cố (chụp, bám) nắm lấy cỏ *kāsa*, thì cỏ sẽ bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai-nạn và thảm-họa; nếu người đó nắm lấy những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác, thì chúng cũng bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai-nạn và thảm-họa;

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy ... *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thân-sắc. Rồi thân-sắc đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai-nạn và thảm-họa.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Rồi cảm-giác ... thức đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai-nạn và thảm-họa.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... –

“Vì vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’”.

(SN 22:93)

94 (2) Hoa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với thế gian [tức: thế giới chúng sinh]; mà ngược lại, thế gian tranh chấp với ta. Một người chủ trương theo Giáo Pháp thì không tranh chấp với bất cứ ai trong thế gian này. Những gì trong thế gian người có trí đồng ý là không-có (không tồn tại, không phải, không đúng, không thực),

thì ta cũng nói đó là không-có. Và những gì người có trí đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó là không-có? *Thân-sắc* là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó không-có. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó là không-có.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là không-có, ta cũng nói đó là không-có.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có? *Thân-sắc* là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.

- “Này các Tỳ kheo, có một hiện tượng-thế giới (pháp thế gian) trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá (chứng ngộ). Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ

dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó.⁹⁷

“Và cái gì là hiện tượng-thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá? Đây các Tỳ kheo, *thân-sắc* là một hiện tượng-thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải như vậy ... làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu còn biết làm gì hơn đối với người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy?

“*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là một hiện tượng-thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải như vậy ... làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu còn biết làm gì hơn đối với người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy?

“Đây các Tỳ kheo, cũng giống như một bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nhưng sau khi vượt khỏi mặt nước, nó không còn bị dính nhiễm bởi nước (bùn, dơ, ô nhiễm); cũng giống như vậy, Như Lai đã được sinh ra trong thế gian [tức: thế giới địa lý, thế giới địa cầu

này, trần gian này] và lớn lên trong thế gian, nhưng sau khi đã vượt trên thế gian, Như Lai sống không-còn bị dính-nhiễm bởi thế-gian [tức: bởi thế giới của những sự tạo-tác]”⁹⁸

(SN 22:94)

95 (3) Bọt Nước...

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Ayojjhā bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:⁹⁹

- “Này các Tỳ kheo, giả sử con sông Hằng này đang chảy mang theo một đồng bọt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra đồng bọt nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng đồng bọt-nước đó chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì (chắc chắn) bên trong đồng bọt nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc dù là loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra thể-sắc, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng thể-sắc chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thể-sắc đó đâu?

- “Này các Tỳ kheo, giả sử lúc mùa thu, khi trời đang mưa và những giọt mưa lớn đang rơi xuống, một bong bóng nước nổi lên và vỡ tan trên mặt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra một

bong bong nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *bong-bóng* nước chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong bong bóng nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *cảm-giác* dù là loại nào, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra cảm-giác, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng cảm-giác chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì chắc chắn bên trong cảm-giác đó đâu?

- “Này các Tỳ kheo, giả sử lúc cuối tháng mùa nóng, vào lúc trưa nắng gắt, một ảo ảnh lung linh xuất hiện (đằng xa, trên mặt đường...). Một người có mắt sáng có thể kiểm tra ảo ảnh, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *ảo-ảnh* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong ảo ảnh đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *nhận-thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra nhận-thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng nhận-thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong nhận-thức đó đâu?

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có

cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra thân cây chuối, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *thân-cây-chuối* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thân cây chuối đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *sự tạo-tác cố-ý* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra những sự tạo-tác cố-ý, suy xét chúng, và điều tra kỹ càng về chúng, và người đó có thể thấy rằng những sự tạo-tác cố-ý chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong những sự tạo-tác cố-ý đó đâu?¹⁰⁰

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một nhà ảo thuật hay người phụ việc của ông có thể biểu diễn một trò ảo thuật ở một ngã tư đường. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra trò ảo thuật, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng màn *trò-ảo-thuật* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong trò ảo thuật đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thức đó đâu?¹⁰¹

“Này các Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, ghê-sợ đối với *cảm-giác*, ghê-sợ đối với *nhận-thức*, ghê-sợ đối với *những sự tạo-tác cố-ý*, ghê-sợ đối với *thức*. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Thân-sắc chỉ như đồng bọt-nước,
Cảm-giác chỉ như bong-bóng nước;
Nhận-thức chỉ như ảo-ảnh,
Những sự tạo-tác chỉ như thân-cây-chuối,
Và thức chỉ như màn ảo-thuật,
Bậc Hậu Duệ của Thái Dương,
Đã thuyết giảng như vậy.

“Tuy vậy người nên suy xét nó,
Và điều tra nó kỹ càng,
Khi nhìn nó kỹ càng sẽ thấy:
Nó hiện vậy, nhưng trống rỗng trống không.

“Khi nói về thân này,

Bậc Trí Rộng đã dạy,
Dẹp bỏ được ba điều,
Sẽ thấy thân-sắc chỉ là đồ bỏ đi.

“Khi nguồn sống, nhiệt huyết, và thức
Rời bỏ thân xác này,
Nó chỉ còn như đồ bỏ đi:
Chỉ làm được thức ăn cho loài khác,
Đâu còn ý chí (ý hành) nào ở đó.

“Sự liên tục (thân-sắc) là như vậy,
Sự ảo tưởng này, chỉ là kẻ lừa bịp những người ngu dại.
Chỉ là do phùng trộm cướp đặt ra;
Chứ đâu tìm thấy có thực chất gì trong đó.

“Một Tỳ kheo với năng lượng được phát khởi
Nên (thiền tập) quán xét về năm-uẩn như vậy,
Dù là ngày hay đêm,
Luôn tỉnh-giác, luôn chánh-niệm như vậy.

“Vị đó nên phá bỏ mọi công-cùm
Và tạo ra chỗ nương-tựa cho mình;
Sống (tu liên tục cho kịp) như lửa đang cháy trên đầu,
Tâm nguyện đạt tới đến trạng thái bất-diệt (Niết-bàn).”

(SN 22:95)

96 (4) Phân Bò

Ở Sāvattḥī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp ... Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ *thể-sắc* (như thân-sắc, vật chất...) nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy? Thưa Thế Tôn, có thứ *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy?”

“Này Tỳ kheo, không có *thể-sắc* (thân-sắc..) nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và vẫn giữ nguyên giống như chính sự bất diệt vậy. Không có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ luôn giữ nguyên giống như chính sự bất diệt vậy.”

Rồi đức Thế Tôn nhặt lên một chút xú phân bò trong tay và nói với Tỳ kheo đó: “Này Tỳ kheo, thậm chí không có được chút hữu thể [thể hiện hữu, vật thể] nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Nếu có chút hữu thể nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau sẽ không được nhận thấy. ([Vì mọi thứ đều vô-thường, và do đó khổ, nên mới có

đòi sống tu hành để làm lặn mất mọi sự tạo-tác, để thoát khỏi mọi sự khổ]). Nhưng bởi vì không có được thậm chí một chút hữu thể nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, nên sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau mới được nhận thấy.

“Này Tỳ kheo, trong quá khứ ta đã từng là một vị vua giai cấp chiến-sĩ [khattiya] được phong vương. Ta có 84.000 đô thành, kinh thành chính là kinh đô Kusāvati. Ta có 84.000 cung điện, cung điện chính là cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Ta có 84.000 sảnh đường có mái nhọn, sảnh đường chính [có tên] là sảnh đường Đại Tràng (nghĩa: hàng, dãy, đoàn lớn; Mahā-vyūha). Ta có 84.000 ghế dài làm bằng ngà voi, bằng gỗ lõi, bằng vàng và bạc, được bọc bằng nệm thảm lông dày, được thêu những bông hoa, với những tấm trải làm bằng da sơn dương, có dù che màu đỏ ở trên và hai gối màu đỏ ở hai đầu.

“Ta có 84.000 voi đực với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là voi đực hoàng gia [có tên là] Bồ-tát [Uposatha]. Ta có 84.000 ngựa chiến với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Ta có 84.000 cỗ xe với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, dẫn đầu là xe ngựa [có tên] Vejayanta.

“Ta có 84.000 châu báu, đứng đầu là đá bảo-báu (như nghĩa trong chữ Tam Bảo). Ta có 84.000 phụ nữ, đứng đầu là Hoàng hậu Subhaddā. Ta có 84.000 thần dân (chư hầu) thuộc giai cấp chiến-sĩ, đứng đầu là vị chỉ-huy-báu. Ta có 84.000 con bò với dây thừng làm bằng sợi đay mịn và những thùng đựng sữa làm bằng đồng thau. Ta có 84.000 thú [*koṭis*] quần áo được làm từ vải đay mịn, lụa mịn, len mịn, bông vải mịn. Ta có 84.000 đĩa đựng thức ăn được dọn ra cho bữa ăn sáng và bữa ăn chiều.

“Này Tỳ kheo, trong 84.000 đô thành đó chỉ có một kinh thành ta ở vào thời đó: kinh đô Kusāvati. Trong 84.000 cung điện đó, chỉ có một cung điện ta ở vào thời đó: cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Trong 84.000 sảnh đường có mái nhọn đó, chỉ có một sảnh đường ta ở vào thời đó: sảnh đường [có tên] Đại Tràng. Trong 84.000 ghế dài đó, chỉ có một ghế dài ta dùng vào thời đó, ghế được làm từ ngà voi, hay gỗ lõi, hay vàng, hay bạc.

“Trong 84.000 con voi đó, chỉ có một con voi ta cỡi đi vào thời đó, đó là voi đực hoàng gia [có tên] BỐ-tát [Uposatha]. Trong 84.000 ngựa chiến đó, chỉ có một ngựa chiến ta cỡi đi vào thời đó, đó là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Trong 84.000 cỗ xe đó, chỉ có một cỗ xe ta đi vào thời đó, đó là cỗ xe [có tên] Vejayanta.

“Trong 84.000 phụ nữ đó, chỉ có một người phụ nữ hầu cận ta vào thời đó, đó là một hầu nữ thuộc giai cấp chiến-sĩ hoặc hầu nữ thuộc lưỡng cấp *velāmika* [có cha thuộc giai cấp bà-la-môn, mẹ

thuộc giai cấp chiến-sĩ, hay ngược lại]. Trong 84.000 thứ [*koṭis*] quần áo, chỉ có một bộ quần-áo ta mặc vào thời đó, đó là bộ được làm từ vải đay mịn, hoặc lụa mịn, hoặc len mịn, hoặc bông vải mịn. Trong 84.000 đĩa đựng thức ăn, chỉ có một đĩa ta ăn trong đó chủ yếu là cơm và một món cà ri thích hợp.

“VẬY ĐÓ, NÀY Tỳ KHEO, TẤT CẢ NHỮNG SỰ TẠO-TÁC ĐÓ ĐỀU ĐÃ PHAI BIẾN, CHẤM DỨT, VÀ THAY ĐỔI. TẤT CẢ MỌI SỰ TẠO-TÁC ĐỀU THẬT LÀ VÔ THƯỜNG, THẬT LÀ KHÔNG CHẮC CHẮN, THẬT LÀ KHÔNG ĐÁNG DỰA VÀO. NÀY Tỳ KHEO, ĐIỀU ĐÓ LÀ QUÁ ĐỦ ĐỂ (CHÚNG TA) THẤY GHÊ-SỢ ĐỐI VỚI TẤT CẢ MỌI SỰ TẠO-TÁC, QUÁ ĐỦ ĐỂ TRỞ NÊN CHÁN-BỎ ĐỐI VỚI CHÚNG, QUÁ ĐỦ (ĐỂ NỖ LỰC TU HÀNH) ĐỂ GIẢI-THOÁT KHỎI CHÚNG.”

(SN 22:96)

97 (5) Móng Tay

Ở Sāvattḥī. Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ thể-sắc (như thân-sắc, vật chất...) nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy? Thưa Thế Tôn, có thứ cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy?”

“Này Tỳ kheo, không có thể-sắc nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và vẫn giữ nguyên giống như chính sự bất diệt vậy. Không có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ luôn giữ nguyên giống như chính sự bất diệt vậy.”

Rồi đức Thế Tôn khươi ra một chút xíu đất trong móng tay và nói với Tỳ kheo đó:

“Này Tỳ kheo, thậm chí không có được chút xíu thể-sắc nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Nếu có được chút xíu thể-sắc nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau sẽ không được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí một chút thể-sắc nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau mới được nhận thấy.

“Thậm chí không có được chút xíu cảm-giác nào ... nhận-thức nào ... những sự tạo-tác cố-ý nào ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Nếu có được chút xíu cảm-giác nào ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau sẽ

không được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu cảm-giác nào ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau mới được nhận thấy.

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn”.... – “Vì vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’.”

(SN 22:97)

98 (6) *Bản Kinh Tóm Gọn* (đơn giản)

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ thể-sắc nào, cảm-giác nào, nhận-thức nào, những sự tạo-tác cố-ý nào, hay thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt, hay không?”

“Này Tỳ kheo, không có thể-sắc nào, không có cảm-giác nào, không có nhận-thức nào, không có những sự tạo-tác cố-ý nào, và

không có thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt cả.”

(SN 22:98)

99 (7) *Dây Xích (I)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.¹⁰²

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời đại dương cạn khô và nước bốc hơi hết, và đại dương không còn nữa;¹⁰³ ta nói, (cho dù có chấm dứt đại dương kia) nhưng vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời núi Sineru (Tu-di), vua của các ngọn núi, bốc cháy và rụi tàn, núi không còn nữa; ta nói, (cho dù có chấm dứt núi vua kia) nhưng vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong

vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới thời đại địa cầu này bốc cháy và rụi tàn, và trái đất không còn nữa; ta nói, (cho dù chấm dứt trái đất này) nhưng vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.”

“Này các Tỳ kheo, giống như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Cũng tương tự vậy, người phàm phu không được chỉ dạy *cứ coi thân-sắc là ‘ta’ ... cảm-giác là ‘ta’ ... nhận-thức là ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là ‘ta’ ... thức là ‘ta’...* Người đó cứ chạy vòng quanh thân-sắc, chạy vòng quanh cảm-giác, chạy vòng quanh nhận-thức, chạy vòng quanh những sự tạo-tác cố-ý, vòng quanh thức.¹⁰⁴ Khi người đó cứ chạy vòng quanh chúng, người đó không giải thoát khỏi thân-sắc, không giải thoát khỏi cảm-giác, không giải thoát khỏi nhận-thức, không giải thoát khỏi những sự tạo-tác cố-ý, không giải thoát khỏi thức. Người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết; không giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; không giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”

(SN 22:99)

100 (8) Dây Xích (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

“Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Nếu nó đi, nó cũng đi quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó đứng, nó cũng đứng quanh quần trụ hay cột đó. Nếu nó ngồi, nó ngồi quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó nằm, nó nằm cũng quanh quần bên trụ hay cột đó.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy *cứ* coi thân-sắc như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Người đó *cứ* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Nếu đi, người đó đi quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu đứng, người đó đứng quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu ngồi, người đó ngồi quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu nằm, người đó nằm quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô-

nhiễm bởi tham, sân, si'. Bởi có những ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy một bức họa được gọi là ‘Sự Trả Giá’ hay không?” (nghĩa như: trả nghiệp, giá phải trả)¹⁰⁵

“Có, thưa Thế Tôn”

“Ngay cả bức họa có tên ‘Sự Trả Giá’ đó cũng được vẽ nên bằng sự đa dạng khác biệt bởi cái tâm, bởi cái tâm còn đa dạng khác biệt rất nhiều hơn cả bức tranh được gọi là ‘Sự Trả Giá’ đó’.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những sự ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy có trật tự (hệ) chúng sinh nào mà đa dạng khác biệt như chúng sinh trong cõi súc sinh. Ngay cả những chúng sinh trong cõi súc sinh đó cũng đa dạng khác biệt về tâm (chẳng hạn: rất nhiều loài và giống chúng sinh bị sinh ra do quá nhiều loại nghiệp thức tái sinh...), nhưng tâm này còn đa dạng khác biệt nhiều hơn (số) chúng sinh trong cõi súc sinh.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô

nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước màu hoặc màu sơn cánh kiến hoặc màu nghệ vàng hoặc màu chàm hoặc màu đỏ thắm, để vẽ *thành hình* một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên nền vải bạt.¹⁰⁶ Cũng giống như vậy, khi một người phạm phu không được chỉ dạy tạo tác ra thứ gì thì đó chỉ là thân-sắc người đó tạo ra; chỉ là cảm-giác người đó tạo ra; chỉ là nhận-thức người đó tạo ra; chỉ là những sự tạo-tác cố-ý người đó tạo ra; chỉ là thức người đó tạo ra.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn”.... – “Vì vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa’.”

(SN 22:100)

101 (9) Cán Rìu (hay Con Thuyền)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu-diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không

thấy. Cho người biết cái gì, người thấy cái gì, mà xảy ra (có được, dẫn tới) sự tiêu-diệt ô-nhiễm?. ‘Đây là thân-sắc, đây là sự khởi sinh của thân-sắc, đây là sự biến diệt của thân-sắc; đây là cảm-giác ... đây là nhận-thức ... đây là những sự tạo-tác cố-ý ... đây là thức, đây là sự khởi sinh của thức, đây là sự biến diệt của thức’: chính là cho người biết như vậy, cho người thấy như vậy, thì sự tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

- “Đây các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo *không* sống tận tụy (dành hết) cho sự tu tập phát triển, thì *cho dù* người đó có phát khởi ‘ý nguyện’ (thệ nguyện, ước nguyện...) trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng đâu có được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp như vậy. Bởi lý do gì? Nên nói rõ: bởi *không* chịu tu tập phát triển. Bởi không chịu tu tập phát triển cái gì? Bởi không chịu tu tập phát triển “*Bốn nền tảng chánh niệm*” (tứ niệm xứ) ... “*Bốn sự nỗ lực đúng đắn*” (tứ chánh cần) ... “*Bốn cơ sở (để tạo) năng lực tâm linh*” (tứ thần túc) ... “*Năm căn tâm linh*” (ngũ căn) ... “*Năm năng lực*” (ngũ lực) ... “*Bảy yếu-tố giác ngộ*” (thất giác chi) ... “*Con đường Tám phần Thánh thiện*” (bát thánh đạo). (= 37 phần tu)¹⁰⁷

“Đây các Tỳ kheo, ví như có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng *không* ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng (trứng) đúng cách.

Cho dù nó có phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng không có khả năng dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Bởi lý do gì? Bởi con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng *không* ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo khi một Tỳ kheo *không* sống tận tụy (dành hết) cho sự tu tập phát triển, thì *cho dù* người đó có phát khởi ‘ý nguyện’ (thệ nguyện, ước nguyện...) trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng đâu có được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp như vậy. Bởi lý do gì? Nên nói rõ: bởi *không* chịu tu tập phát triển. Bởi không chịu tu tập phát triển cái gì? Bởi không chịu tu tập phát triển “*Bốn nền tảng chánh niệm*”... “*Bốn sự nỗ lực đúng đắn*” ... “*Bốn cơ sở năng lực tâm linh*” ... “*Năm căn tâm linh*” ... “*Năm năng lực*” ... “*Bảy yếu-tố giác ngộ*” ... “*Con đường Tám phần Thánh thiện*”.

- “Này các Tỳ kheo, (ngược lại), khi một Tỳ kheo sống tận tụy (dành hết) cho sự tu tập phát triển, thì cho dù người đó *không* phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó *cũng* được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp như vậy. Bởi lý do gì? Nên nói rõ: bởi nhờ *có* tu tập phát

triển. Bởi có tu tập phát triển cái gì? Bởi có tu tập phát triển “*Bốn nền tảng chánh niệm*”... “*Bốn sự nỗ lực đúng đắn*” ... “*Bốn cơ sở năng lực tâm linh*” ... “*Năm căn tâm linh*” ... “*Năm năng lực*” ... “*Bảy yếu-tố giác ngộ*” ... “*Con đường Tám phần Thánh thiện*”.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng *có* ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng (trứng) đúng cách.

Cho dù nó *không* phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ *thì* những con gà con *cũng* có thể dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Bởi lý do gì? Bởi con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng *có* ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo khi một Tỳ kheo sống tận tụy (dành hết) cho sự tu tập phát triển, thì cho dù người đó *không* phát khởi ‘ý nguyện’ (thệ nguyện, ước nguyện...) trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ *thì* tâm người đó *cũng* được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp như vậy. Vì lý do gì? Nên nói rõ: bởi nhờ *có* tu tập phát triển. Bởi có tu tập phát triển cái gì? Bởi có tu tập phát triển “*Bốn nền tảng chánh niệm*”... “*Bốn sự nỗ lực đúng đắn*” ... “*Bốn cơ sở năng lực tâm linh*” ... “*Năm căn tâm linh*” ... “*Năm năng lực*” ... “*Bảy yếu-tố giác ngộ*” ... “*Con đường Tám phần Thánh thiện*”.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người thợ mộc hay người phụ việc của ông ta nhìn vào cán rìu, người đó nhìn thấy những dấu mòn bởi những ngón tay và ngón tay cái, nhưng người đó không biết rằng: ‘Bữa nay cán rìu bị mòn đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’ (mỗi ngày mòn đi một chút). Nhưng đến khi nó bị mòn-rõ đi, thì sự-biết mới xảy đến trong đầu ông ta rằng cán búa đã bị mòn đi nhiều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống tận tụy (dành hết) cho sự tu tập phát triển, thì cho dù người đó (mỗi ngày) không biết rằng: ‘Bữa nay ô-nhiễm của ta đã bớt [mòn] đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’, nhưng khi chúng (những ô-nhiễm) đã bớt-nhiều đi, thì sự-biết mới xảy đến trong tâm người đó rằng những ô-nhiễm đã bớt đi nhiều.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt bởi mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống tận tụy (dành hết) cho sự tu tập phát triển, thì (dần dần) những gông-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng tàn rụi và gãy rớt.”¹⁰⁸

(SN 22:101)

102 (10) Nhận Thức về Sự Vô-Thường

Ở Sāvattthī.

1- “Này các Tỳ kheo, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục muốn được hiện hữu (hữu dục), nó sẽ loại bỏ tất cả vô-minh, nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự ta’ (tự ngã, ngã mạn).

- “Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu người cày ruộng cày xới bằng một lưỡi cày cắt đứt tất cả gốc rễ khi cày; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô-thường’ nếu tu tập được sẽ cắt bỏ gốc rễ những gông-cùm, ô-nhiễm!*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như một người chặt phát cây cối chặt hạ một cây, tùm ngọn của nó, quật nó xuống và quật ra và chổng gốc lên quơ tới quơ lui (cho rễ sạch đất và chết tiệt); (*Ý nói: như kẻ trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, giống như cuống của một chùm xoài đã bị cắt đứt, thì tất cả trái xoài dính vào cuống đó sẽ một-phát rớt hết; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô-thường’ nếu tu tập được sẽ một-phát cắt đứt hết các gông-cùm, ô-nhiễm!*); cũng giống như vậy, khi

‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, giống như những thanh xà dọc của một căn nhà có mái nhọn đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ tại đỉnh chóp; tất cả sẽ bị dỡ bung một-phát khi cái đỉnh chóp bị gỡ đi; (*Ý nói: như kế trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, giống như trong số những rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được cho là thơm đứng đầu; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô thường’ là quan trọng bậc nhất để phá bỏ các gông-cùm, ô-nhiễm!*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những gỗ lõi có hương thơm, thì gỗ chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu; (*Ý nói: như kế trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những bông hoa có hương thơm, thì hoa lài được cho là thơm đứng đầu; (*Ý nói: như kế trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’

được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như tất cả những hoàng tử nhỏ là chú tử chú thân của vị vua quay chuyển bánh xe (giáo pháp), thì vị vua quay chuyển bánh xe là người đứng đầu của họ; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như: đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được cho là đứng đầu trong số đó; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô thường’ nếu tu tập được sẽ thành như một tia sáng cực mạnh và lớn để soi rọi và phá tan màn đêm vô-minh!*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục muốn được hiện hữu (hữu dục), nó sẽ

loại bỏ tất cả sự vô-minh, nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự ta’ (tự ngã, ngã mạn).

2- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục), loại bỏ tất cả tham muốn được hiện hữu (hữu dục), loại bỏ tất cả sự vô-minh, và bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ngã mạn)? ‘Này là *thân-sắc*, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt của thân-sắc; này là *cảm-giác* ... này là *nhận-thức* ... này là *những sự tạo-tác cố-ý* ... này là *thức*, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’; (*Ý nói: cách đó là quán xét, thiền quán, để thấy và biết mọi thứ [năm-uẩn] trong chúng ta đều chỉ là sinh-diệt, vô-thường!*): đó là cách mà ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và phát triển để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục), loại bỏ tất cả tham dục muốn được hiện hữu (hữu dục), loại bỏ tất cả sự vô-minh, và bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ngã mạn).”

(SN 22:102)

PHẦN III

‘NĂM MƯƠI KINH CUỐI’

NHÓM 1

NHÓM ‘CÁC PHẦN’

(Anta-vagga)

103 (1) *Các Phần* (nghĩa gốc: đầu cuối, biên [antā])

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn phần này.¹⁰⁹ Bốn đó là gì? Phần danh-tính, phần nguồn-gốc danh tính, phần chấm-dứt danh tính, phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh tính.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần danh-tính*? Nên nói rằng: đó là năm uẩn bị dính-chấp. Uẩn *thân-sắc* bị dính-chấp, uẩn *cảm-giác* bị dính-chấp, uẩn *nhận-thức* bị dính-chấp, uẩn *những sự tạo-tác cố-ý* bị dính-chấp, uẩn *thức* bị dính-chấp. Đây được gọi là phần danh-tính.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần nguồn-gốc* của danh tính? Chính là dục-vọng này dẫn tới tái sinh [sự hiện hữu mới], có đi kèm bởi sự khoái lạc và nhục dục, tìm kiếm khoái lạc chỗ này chỗ nọ; đó là dục vọng khoái lạc giác quan (nhục dục), dục vọng muốn được hiện hữu (hữu dục), dục vọng muốn/vì bị hủy diệt (phi hữu dục). Đây được gọi là phần nguồn-gốc của danh tính.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần chấm-dứt* danh tính? Đó là sự phai biến sạch sẽ (không còn dấu vết) của chính dục-vọng đó, sự dẹp bỏ và từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là phần chấm-dứt danh tính.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh tính*? Đó là Con đường Tám phần Thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: cách nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn. Đây được gọi là phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh tính.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn phần.”

(SN 22:103)

104 (2) *Khổ*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là khổ? Nên nói rằng: đó là năm uẩn bị dính-chấp. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp.... Đây được gọi là sự khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc khổ? Chính là dục-vọng này dẫn tới sự tái sinh [sự hiện hữu mới] Đây được gọi là nguồn-gốc khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt khổ. Đó là sự phai biến sạch sẽ và sự chấm dứt chính dục-vọng đó.... Đây được gọi là sự chấm-dứt khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Đó là Con đường Tám phần Thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: cách nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.”

(SN 22:104)

105 (3) *Danh Tính*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về danh-tính, nguồn-gốc danh tính, sự chấm-dứt danh tính, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh tính.”

[Phần còn lại giống hết bài kinh kể trên, thay chữ ‘khổ’ bằng chữ ‘danh tính’.]

(SN 22:105)

106 (4) Được Hiểu Hoàn-Toàn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều nên được hiểu hoàn toàn, sự hiểu hoàn toàn, và người đã hiểu hoàn toàn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hiểu hoàn toàn (một cách đầy đủ, toàn diện)? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là thứ nên được hiểu hoàn toàn. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thứ nên được hiểu hoàn toàn. Đây được gọi là những điều nên được hiểu hoàn toàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hiểu hoàn toàn? Đó là sự tiêu diệt *tham*, sự tiêu diệt *sân*, sự tiêu diệt *si*: đây được gọi là sự hiểu hoàn toàn. ([Sự tiêu diệt ba thứ này là Niết-bàn])

“Và, này các Tỳ kheo, ai là người đã hiểu hoàn toàn? Nên nói rằng: đó là bậc A-la-hán, bậc được gọi với danh từ đó và tên họ tộc của mình (tức được đọc chữ A-la-hán trước tên họ, ví dụ: A-la-hán Xá-lợi-phất...). Đây được gọi là người đã hiểu hoàn toàn.”

(SN 22:106)

107 (5) Các Tu Sĩ (Sa-môn) (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng thực như chúng là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó (sự thật đó) bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những thứ đó đúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó (sự thật đó) bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, nên ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:107)

[Giống hết kinh kể trên, chỉ thêm vào chữ “nguồn-gốc, sự biến-diệt”]

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng thực như chúng là, nguồn-gốc, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn....

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những thứ đó đúng thực là.... nên ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:108)

109 (7) Người Nhập-Lưu (Dự Lưu, Tu-đà-hoàn)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp.

“Này các Tỳ kheo, khi *một người đệ tử thánh thiện* hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này, thì người đó được gọi là một người Nhập-lưu (người đã nhập vào dòng thánh đạo siêu thế, là bậc thánh Nhập-lưu), không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình.”

(SN 22:109)

110 (8) *A-la-hán*

... “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này, *một Tỳ kheo* được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo, đó là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần làm, đã hoàn toàn tiêu diệt những gông-cùm trói buộc vào sự hiện-hữu (tái sinh), người đã hoàn toàn giải thoát nhờ (thông qua) sự hiểu-biết cuối-cùng.”¹¹⁰

(SN 22:110)

111 (9) *Đẹp Bỏ Tham Muốn (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, bất luận có tham-muốn nào đối với thân-sắc, bất luận có nhục-dục nào, sự khoái-lạc nào, dục-vọng nào (đối với thân-sắc)— hãy đẹp bỏ nó. Làm như vậy thì thân-sắc sẽ được đẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm như vậy đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức.”

(SN 22:111)

112 (10) *Đẹp Bỏ Tham Muốn (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, bất luận có tham-muốn nào đối với thân-sắc, bất luận có nhục-dục nào, sự khoái-lạc nào, dục-vọng nào, sự dính-líu và dính-chấp nào, những quan điễm tâm ý nào, những cố-chấp nào, những khuynh-hướng tiềm-ẩn nào (đối với thân-sắc)— hãy đẹp bỏ nó. Làm như vậy thì thân-sắc sẽ được đẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm giống như vậy đối với

[trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức.”

(SN 22:112)

NHÓM 2

NHÓM ‘NGƯỜI THUYẾT PHÁP’

(Dhammakathika-vagga)

113 (1) Vô Minh

Ở Sāvathī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh (sự ngu tối, sự không hiểu biết, sự hiểu biết sai lạc), và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong sự vô-minh?”

“Này Tỳ kheo, ở đây, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó không hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là người ta bị chìm đắm trong vô-minh.”¹¹¹

(SN 22:113)

114 (2) Sự Hiểu Biết Đích Thực (Hữu-Minh)

Ở Sāvathī. ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sự hiểu-biết đích thực (sự hiểu-biết chân thực; chân trí, minh), và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

“Này Tỳ kheo, ở đây, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực (hữu-minh), và theo cách như vậy là người đã đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:114)

115 (3) Người Thuyết Pháp (1)

Ở Sāvathī. ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp?”¹¹²

“Này Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... thức*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... thức*, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

(SN 22:115)

116 (4) Người Thuyết Pháp (2)

Ở Sāvattthī. ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp? Theo cách nào là một người đang tu tập đúng theo Giáo Pháp? Theo cách nào là một người đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

[Phần còn lại giống hết như lời định nghĩa trong kinh kể trên.]

(SN 22:116)

117 (5) Sự Ràng Buộc

Ở Sāvattthī.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy ... *cứ coi thân-sắc* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thân-sắc. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm phu không được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thân-sắc, người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người không nhìn thấy bờ gần và bờ xa (thử ngạn và bĩ ngạn), người lớn già trong sự ràng-buộc, người chết đi trong sự ràng-buộc, người ở trong sự

ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác (tức luôn bị tái sinh luân hồi).

“Người đó *cứ coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm phu không được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào cảm-giác ... thức ... người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác.

“Nhưng, nay các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thân-sắc. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thân-sắc, người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người nhìn thấy bờ gần và bờ xa, người được giải thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.

“Người đó *không* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào cảm-giác ... thức ... người đó được giải thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:117)

118 (6) Chát Ván (1) ¹¹³

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi *thân-sắc* như vậy không: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Thân-sắc* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Các thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* như vậy không: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Cảm-giác ... Thức* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘*Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa*’.”

(SN 22:118)

119 (7) *Chát Ván* (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi *thân-sắc* như vậy không: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta’?”

“Có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Thân-sắc* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Các thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* như vậy không: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Cảm-giác ... Thức* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘*Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa*’.”

(SN 22:119)

120 (8) Những Thứ Gông Cùm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc), và sự gông cùm. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là sự gông cùm? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là một thứ gông cùm; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự gông cùm ở đó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là một thứ gông cùm; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự gông cùm ở đó.

“Những (năm) thứ này được gọi là những thứ gông cùm, và đây chính là sự gông cùm.”

(SN 22:120)

121 (9) Những Thứ Có Thể Bị Dính-Chấp Vào Đó

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể bị dính-chấp vào đó và sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể bị dính-chấp vào đó, và cái gì là sự dính-chấp? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là thứ mình có thể bị dính-chấp vào nó; tham-muôn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thứ mình có thể bị dính-chấp vào nó; tham-muôn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó.

“Những (năm) thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính-chấp vào đó, và đây chính là sự dính-chấp.”

(SN 22:121)

122 (10) Có Đức Hạnh (Giới Hạnh)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi nơi ẩn tu, đến gặp thầy Xá-lợi-phất, chào hỏi, và nói:

- “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một* Tỳ kheo có đức hạnh (giới hạnh) nên chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý)?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo có giới hạnh nên chú tâm một cách kỹ càng tới năm uẩn bị dính-chấp là vô thường, là khổ, như là căn bệnh, như ung nhọt, như một mũi tên, là sự thống khổ, là tai họa, như người đứng kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã (vô ngã: không là gì cả, không phải là ‘ta’, không phải là ngã).¹¹⁴ Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp, uẩn cảm-giác bị dính-chấp, uẩn nhận-thức bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính-chấp, uẩn thức bị dính-chấp. Một Tỳ kheo có giới hạnh nên chú tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này là vô thường ... là trống không, là vô ngã. Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo có đức hạnh chú tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu.”

- “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu nên chú tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này là vô thường ... là trống không, là vô ngã. Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu chú tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhất-lai.”

- “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai nên chú tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này *là vô thường ... là trống không, là vô ngã*. Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai chú tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Bất-lai.”

- “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai nên chú tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này *là vô thường ... là trống không, là vô ngã*. Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai chú tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả A-la-hán.”

- “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là một bậc thánh A-la-hán* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh A-la-hán nên chú tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này *là vô thường ... là trống không, là vô ngã*. Này đạo hữu, đối với một bậc thánh A-la-hán thì không còn gì để làm thêm nữa và cũng không cần lặp lại những gì đã làm xong. Tuy nhiên, khi những điều đó vẫn được tu tập và phát triển (được chú tâm kỹ càng) như vậy, thì

chúng sẽ dẫn tới một sự an trú lạc-trú ngay trong kiếp này và dẫn tới sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác).”¹¹⁵

(SN 22:122)

123 (11) *Đã Được Chỉ Dạy*

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ khác là “một Tỳ kheo có đức hạnh” được thay bằng “một Tỳ kheo đã được chỉ dạy”.]

(SN 22:123)

124 (12) *Kappa (1)*

Ở Sāvattthī. Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

[Phần còn lại giống hết kinh **SN 22:71**, chỉ khác là người nghe được đổi thành thầy Kappa.]

(SN 22:124)

125 (13) Kappa (2)

Ở Sāvathī. Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp đức Thế Tôn ...
và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm loại bỏ hết cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ta-đây), (nó) đã vượt qua sự phân biệt đối đãi, và được bình an và được giải thoát một cách khéo léo?”

[*Phần còn lại giống hết kinh SN 22:72, chỉ khác là người nghe được đổi thành thầy Kappa.*]

(SN 22:125)

NHÓM 3

NHÓM ‘VÔ MINH’

(Avijjā-vagga)

126 (I) Thuộc Tính Khởi Sinh (I)

(i) Ở Sāvattthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy *không* hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính (bị, tùy thuộc, phải chịu, luôn có) khởi sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi sinh’ (hữu sinh). Người đó không hiểu được *thân-sắc* luôn là biến diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính biến diệt’ (hữu diệt). Người đó không hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính khởi sinh và biến diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi sinh và biến diệt’ (hữu sinh, hữu diệt).

“Người đó không hiểu được *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác cố-ý* ... *thức* là thuộc tính khởi sinh, đúng như nó thực là

như vậy: ‘Thức là thuộc tính khởi sinh’ (sinh) ... là thuộc tính biến diệt (diệt) ... là thuộc tính khởi sinh và biến diệt’ (sinh và diệt).

“Này Tỳ kheo, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(ii) Sau khi điều này được nói ra, vị Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (hữu-minh, chân trí). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính khởi sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi sinh’ (sinh). Người đó hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính biến diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính biến diệt’ (diệt). Người đó hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính khởi sinh và biến diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi sinh và biến diệt’ (sinh và diệt).

“Người đó hiểu được *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác cố-y* ... *thức* là thuộc tính khởi sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thức là thuộc tính khởi sinh’ (sinh) ... là thuộc tính biến diệt (diệt) ... là thuộc tính khởi sinh và biến diệt’ (sinh và diệt).

“Này Tỳ kheo, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:126)

127 (2) Thuộc Tính Khởi Sinh (2)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu, đến gặp thầy Xá-lợi-phất ... và nói: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

[Phần còn lại giống hết lời đoạn kinh (i) của bài kinh **SN 22:126** kể trên.]

(SN 22:127)

128 (3) Thuộc Tính Khởi Sinh (3)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (hữu-minh). Giờ, này đạo hữu, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

[Phần còn lại giống hết lời đoạn kinh (ii) của bài kinh **SN 22:126** ở trên.]

(SN 22:128)

129 (4) *Sự Thỏa Thích... (1)*

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

“Ở đây, này đạo hữu, người phạm phu không được chỉ dạy không hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:129)

130 (5) *Sự Thỏa Thích... (2)*

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống

một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (hữu-minh, chân trí). Giờ, này đạo hữu, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

“Ở đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy *thì* hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:130)

131 (6) Sự Khởi Sinh... (1) (Nguồn Góc)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới)... “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

“Ở đây, này đạo hữu, người phàm phu không được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, sự khởi-sinh (nguồn gốc) và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và

thức. Nay đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:131)

132 (7) Sự Khởi Sinh... (2)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới)... “Nay đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (hữu-minh, chân trí), và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

“Ở đây, nay đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, sự khởi sinh (nguồn gốc) và sự biến mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Nay đạo hữu, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:132)

133 (8) Ngài Câu-hi-la (Kotṭhita) (1)

[Giống hết bài kinh **SN 22:129** và **SN 22:130** cộng lại, chỉ khác là lần này thì thầy Xá-lợi-phất lại hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:133)

134 (9) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2)

[Giống hết bài kinh **SN 22:131** và **SN 22:132** cộng lại, chỉ khác là lần này thì thầy Xá-lợi-phất lại hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:134)

135 (10) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3)

[Tình huống cũng giống kinh trên]. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

“Ở đây, này đạo hữu, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được, đúng như nó thực là, *thân-sắc*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (hữu-minh, chân trí). Giờ, này đạo hữu, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

“Ở đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, *thân-sắc*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó hiểu được, đúng như nó thực là, *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:135)

NHÓM 4
NHÓM ‘THAN CHÁY ĐỎ’
(Kukkuḷa-vagga)

136 (1) Than Cháy Đỏ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là than cháy đỏ ([Ý nói: như hỏa hoạn thiêu cháy = bản chất của sự khổ]), cảm-giác là than cháy đỏ, nhận-thức là than cháy đỏ, những sự tạo-tác cố-ý là than cháy đỏ, thức là than cháy đỏ. Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc ... sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:136)

137 (2) Vô-Thường (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-thường. Và cái gì là vô thường? Thân-sắc là vô

thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với nó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với nó. Nay các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 22:137)

138 (3) Vô-Thường (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”....

[Phần còn lại giống hết kinh kể trên, ngoại trừ chữ “tham-muốn” được thay bằng chữ “nhục-dục”.]

(SN 22:138)

139 (4) Vô-Thường (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”...

[Phần còn lại giống hết kinh **SN 22:137** ở trên, ngoại trừ chữ “tham-muốn” được thay bằng chữ “tham-muốn và nhục-dục”.]

(SN 22:139)

140 (5) Khổ (1)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ.”... (*lời kinh tương tự như kinh 137 ở trên*)

(SN 22:140)

141 (6) Khổ (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”... (*lời kinh tương tự như kinh 138 ở trên*)

(SN 22:141)

142 (7) Khổ (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”... (*lời kinh tương tự như kinh 139 ở trên*)

(SN 22:142)

143 (8) Vô-Ngã (1)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”... (*lời kinh tương tự như kinh 137 ở trên*)

(SN 22:143)

144 (9) Vô-Ngã (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”... (*lời kinh tương tự như kinh 138 ở trên*)

(SN 22:144)

145 (10) Vô-Ngã (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”... (*lời kinh tương tự như kinh 139 ở trên*)

(SN 22:145)

146 (11) Thâm Nhuận Trong Sự Ghê-Sợ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia (tu hành) vì niềm-tin, thì điều này là đúng theo Giáo Pháp: người đó nên sống thấm nhuần (miên man, miên mật) trong *sự ghê-sợ đối với thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức*.¹¹⁶ Người đó sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ đối với thân-sắc ... thức, hoàn toàn hiểu được thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Người hoàn toàn hiểu được thân-sắc ... thức thì được tự do khỏi thân-sắc ... thức. Người đó thoát khỏi sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:146)

147 (12) Quán Xét Sự Vô-Thường¹¹⁷

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó sống quán xét (quán niệm, thiền quán) *sự vô-thường trong thân-sắc ... thức ...* [Tiếp tục giống hệt như lời bài kinh kể trên, ngoại trừ “sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ đối với...” được thay bằng “sống quán xét sự vô-thường trong...”] ... người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:147)

148 (13) Quán Xét Sự Khổ

... “người đó sống quán xét *sự khổ trong thân-sắc ... thức ...*
[Tiếp tục giống hệt như lời bài kinh kể trên, ngoại trừ “sự vô thường trong...” được thay bằng “sự khổ trong...”] ... người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:148)

149 (14) Quán Xét Sự Vô-Ngã

... “người đó sống quán xét *sự vô-ngã trong thân-sắc ... thức ...*
[Tiếp tục giống hệt như lời bài kinh kể trên, ngoại trừ “sự khổ trong...” được thay bằng “sự vô ngã trong...”] ... người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:149)

NHÓM 5
NHÓM ‘CÁCH NHÌN’
(Dit̐hi-vagga)

150 (1) Ở Bên Trong

Ở Sāvatt̐hī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-chấp vào cái gì, nên có sự sống và khổ khởi sinh ở bên-trong?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, nên có sự sống và khổ khởi sinh ở bên-trong. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính-chấp vào cảm-giác ... thức, nên có sự sống và khổ khởi sinh ở bên-trong.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”

“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên-trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là thường hằng hay vô thường?... Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên-trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:150)

151 (2) Đây Là “Của-Ta”

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, và do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên người ta coi các thứ là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên người ta *cứ* coi các thứ là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính-chấp vào thức, do cố-chấp vào thức, nên người ta *cứ* coi các thứ là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu người ta có thể coi thứ gì là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:151)

152 (3) Cái ‘Ta’ (Ngã)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (quan điễm, kiến chấp) như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi?’”¹¹⁸

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’. Khi có ... do dính-chấp vào ... do cố-chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:152)

153 (4) Nếu Điều Đó Không Là Vậy Đối Với Ta

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (quan điểm) như vậy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và nếu điều đó không là vậy đối với ta; ta sẽ là vậy, [và] nó sẽ không là vậy đối với ta?’”¹¹⁹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và nếu điều đó không là vậy đối với ta; ta

sẽ là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta’. Khi có ... do dính-chấp vào ... do cố-chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và nếu điều đó không là vậy đối với ta; ta sẽ là vậy, [và] nó sẽ không là vậy đối với ta’.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:153)

154 (5) *Cách Nhìn Sai Lạc* (tà kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc (tà kiến)?”¹²⁰

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ là vô thường, khô, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn (sai lạc) như vậy có thể khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:154)

155 (6) Cách Nhìn Danh Tính (thân kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (có) danh-tính (thân kiến)?”¹²¹

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “cách-nhìn sai lạc” được thay bằng chữ “cách-nhìn danh tính”.]

(SN 22:155)

156 (7) Cách Nhìn Cái ‘Ta’ (ngã kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (có) cái ‘ta’ (ngã kiến)?”

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “cách-nhìn danh-tính” được thay bằng chữ “cách-nhìn cái ‘ta’”.]

(SN 22:156)

157 (8) Sự Cố Chấp

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh những gông-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc?”¹²²

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “cách-nhìn cái ‘ta’” được thay bằng những chữ “những gông-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc”.]

(SN 22:157)

158 (9) Sự Cố Chấp (2)

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh những gông-cùm, những cố-chấp, và những còng-xích trói buộc, và sự nắm-giữ?”

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ thêm chữ “sự nắm-giữ” sau chữ “...những xiềng-xích trói buộc”.]

(SN 22:158)

159 (10) Ānanda

Ở Sāvathī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ...
thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu hành) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”¹²³

“Này Ānanda, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường?” ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường?” ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường?” ... Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn”.

“Do vậy, này Ānanda, mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại....

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:159)

Chương 23

Liên Kết RĀDHA

(23 *Rādhā—saṃyutta*)

(23 *Tương Ứng Uẩn*)

NHÓM 1

NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ NHẤT’

(Paṭhama-Māra-vagga)

1 (I) *Ma-Vương* (Māra)

Ở Sāvathī. Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn,¹²⁴ kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là như có Ma Vương?”¹²⁵

“Này Rādha, khi có *thân-sắc* là như có Ma Vương, có kẻ giết, hay kẻ bị giết. Do vậy, này Rādha, hãy nhìn *thân-sắc* là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như một mũi tên, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.

“Này Rādha, khi có *cảm-giác* ... Khi có *nhận-thức* ... Khi có những *sự tạo-tác cố-ý* ... Khi có *thức*, là như có Ma Vương, có kẻ giết, hay kẻ bị giết. Do vậy, này Rādha, hãy nhìn *cảm-giác* ... *thức* là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy

nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như một mũi tên, như sự thông khổ, như nổi thông khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.”

“Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn (chánh kiến)?

“Mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn là (để dẫn tới) sự ghê-sợ.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự ghê-sợ?”

“Mục đích của sự ghê-sợ là (để dẫn tới) sự chán-bỏ.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự chán-bỏ?”

“Mục đích của sự chán-bỏ là (để dẫn tới) sự giải-thoát.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự giải-thoát?”

“Mục đích của sự giải-thoát là (để dẫn tới) Niết-bàn.”¹²⁶

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của Niết-bàn?”

“Rādha, thầy đã đi quá giới hạn của sự hỏi.¹²⁷ Thầy (đã) chưa thể nắm được (chưa với tới được) giới hạn của sự hỏi. Bởi, này Rādha, đời sống thánh thiện được sống với Niết-bàn là nền tảng của nó, Niết-bàn là đích đến cả nó, Niết-bàn là mục tiêu cuối cùng của nó.”

(SN 23:01)

2 (2) Một Chúng Sinh

Ở Sāvathī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một chúng sinh?”

“Này Rādha, người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong sự tham-muốn, nhục-dục, sự khoái-lạc, và dục-vọng đối với *thân-sắc*; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.¹²⁸ Người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong sự tham-muốn, nhục-dục, sự khoái-lạc, và dục-vọng đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-ý* ... đối với *thức*; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.

“Này Rādha, giả sử có mấy đứa con trai hay con gái đang chơi đùa với lâu đài cát. Chừng nào chúng chưa dẹp bỏ tham-dục, tham-muốn, cảm-tình (luyến-ái), sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng vẫn còn yêu mến chúng, còn chơi với chúng, còn trân quý, và đối xử với chúng như là của-mình [theo một cách sở hữu]. Nhưng tới khi mấy đứa con trai hay con gái đó mất hết (không còn) tham-dục, tham-muốn, cảm-tình, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng sẽ phá tan chúng bằng tay và chân, phá hủy chúng, phá vỡ chúng, và dẹp bỏ chúng ra khỏi trò chơi.

“Cũng giống như vậy, này Rādha, hãy phá tan thân-sắc, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập sự tiêu-diệt dục-vọng. Hãy phá tan cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; tu tập sự tiêu-diệt dục-vọng. Bởi vì, này Rādha, sự tiêu-diệt dục-vọng là Niết-bàn.”

(SN 23:02)

3 (3) Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu

Ở Sāvattihī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đường dẫn tới sự hiện-hữu, đường dẫn tới sự hiện-hữu’ ([tức: nguyên nhân tái sinh, luân hồi]). Thưa Thế Tôn, cái gì là đường dẫn tới sự hiện-hữu, và cái gì là sự chấm dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu?”

“Này Rādha, sự tham-muốn, nhục-dục, sự khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan điểm này nọ (tà kiến) của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với *thân-sắc*.¹²⁹ đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm dứt những thứ đó là sự chấm dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu.

“Sự tham-muốn, nhục-dục, sự khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan điểm này nọ của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh hướng tiềm ẩn đối với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*: đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm dứt những thứ đó là sự chấm dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu.

(SN 23:03)

4 (4) *Nên Được Hiểu Hoàn Toàn* - (SN 23:04)

5 (5) *Tu Sĩ (Sa-môn) (1)* - (SN 23:05)

6 (6) *Tu Sĩ (Sa-môn) (2)* - (SN 23:06)

7 (7) *Bậc Nhập-Lưu* - (SN 23:07)

8 (8) *Bậc A-la-hán* - (SN 23:08)

9 (9) *Tham-Dục (1)* - (SN 23:09)

10 (10) *Tham-Dục (2)* - (SN 23:10)

[7 bài kinh này là giống hệt 7 kinh **SN 22:106—112**, chỉ khác là người nghe bây giờ là thầy Rādhā.]

NHÓM 2

NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ HAI’

(Dutiya-Māra-vagga)

11 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là Ma Vương?”

“Này Rādha, *thân-sắc* là Ma Vương. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là Ma Vương.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:11)

12 (2) *Sẽ Bị Ma Vương*

Ở Sāvathī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị Ma Vương, sẽ bị Ma Vương’ ([Tức: có thuộc tính chết, phải bị chết, ắt sẽ bị chết]) Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì sẽ bị Ma Vương?”

“Này Rādha, thân-sắc là bị Ma Vương. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là bị Ma Vương.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:12)

13 (3) Vô-Thường

Ở Sāvathī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô thường, vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô thường?”

“Này Rādha, thân-sắc là vô thường ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:13)

14 (4) Thuộc Bản Chất Vô-Thường

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất vô thường, thuộc bản chất vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô thường?”

“Này Rādha, thân-sắc là thuộc bản chất vô thường ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thuộc bản chất vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:14)

15 (5) Khổ

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘khổ, khổ’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là khổ?”

“Này Rādha, thân-sắc là khổ ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:15)

16 (6) *Thuộc Bản Chất Khổ*

Ở Sāvattihī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất khổ, thuộc bản chất khổ’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất khổ?”

“Này Rādha, thân-sắc là thuộc bản chất khổ ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thuộc bản chất khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:16)

17 (7) Vô-Ngã

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô ngã, vô ngã’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô ngã?”

“Này Rādha, thân-sắc là vô ngã ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cô-ý ... Thức là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:17)

18 (8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất vô ngã, thuộc bản chất vô ngã’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô ngã?”

“Này Rādha, thân-sắc là thuộc bản chất vô ngã ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thuộc bản chất vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:18)

19 (9) *Sẽ Bị Hoại Diệt*

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị hoại diệt, sẽ bị hoại diệt’ (tức: có thuộc tính bị hoại diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ bị hoại diệt?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ bị hoại diệt ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị hoại diệt.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:19)

20 (10) *Sẽ Bị Biến Mất*

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị biến mất, sẽ bị biến mất’ (tức: thuộc tính bị biến mất). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ bị biến mất?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ bị biến mất ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị biến mất.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:20)

21 (11) *Sẽ Có Khởi Sinh*

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ có khởi sinh, sẽ có khởi sinh’ (tức: có thuộc tính khởi sinh, có sinh, hữu sinh). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ có khởi sinh?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ có khởi sinh ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ có khởi sinh.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:21)

22 (12) *Sẽ Bị Chấm Dứt*

Ở Sāvattthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị chấm dứt, sẽ bị chấm dứt’ (tức: có thuộc tính chấm dứt, có diệt, hữu diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ bị chấm dứt?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ bị chấm dứt ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị chấm dứt.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘YÊU CẦU’

(Āyācana-vagga)

23 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvattḥī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương ([tức: cái chết, sự chết, có thuộc tính chết]). Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương? *Thân-sắc* là Ma Vương.

“*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là Ma Vương.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 23:23)

- 24 (2) *Sẽ Bị Ma Vương* - (SN 23:24)
- 25 (3) *Vô-Thường* - (SN 23:25)
- 26 (4) *Thuộc Bản Chất Vô-Thường* - (SN 23:26)
- 27 (5) *Khổ* - (SN 23:27)
- 28 (6) *Thuộc Bản Chất Khổ* - (SN 23:28)
- 29 (7) *Vô-Ngã* - (SN 23:29)
- 30 (8) *Thuộc Bản Chất Vô-Ngã* - (SN 23:30)
- 31 (9) *Sẽ Bị Hoại Diệt* - (SN 23:31)
- 32 (10) *Sẽ Bị Biến Mất* - (SN 23:32)
- 33 (11) *Sẽ Có Khởi Sinh* - (SN 23:33)
- 34 (12) *Sẽ Bị Chấm Dứt* - (SN 23:34)

[11 kinh này (SN 23:24–34) có lời kinh giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “là Ma Vương” sẽ được được lần lượt thay bởi 11 tính từ: “sẽ bị Ma Vương”... “sẽ bị chấm dứt”, như sau:]

Ở Sāvattthī.

“... nhiệt thành, và kiên định.”...

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là sẽ bị Ma Vương ... bất cứ thứ gì là vô-thường ... thuộc bản chất vô-thường ... khổ ... thuộc bản chất khổ ... vô-ngã ... thuộc bản chất vô-ngã ... sẽ bị hoại-diệt ... sẽ bị biến-mất ... sẽ có khởi-sinh ... sẽ bị chấm-dứt. Và, này Rādha, cái gì là sẽ bị chấm-dứt. Thân-sắc là sẽ bị Ma Vương ... sẽ bị chấm-dứt.

“Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị Ma Vương ... sẽ bị chấm-dứt.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

NHÓM 4

NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’

(Upanisinna-vagga)

35 (1) *Ma Vương (Māra)*

Ở Sāvattḥī. Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh:

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương. Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương?” ... [*tiếp tục như bài kinh SN 23:23 ở trên.*]

(SN 23:35)

36 (2) *Bị Ma Vương - (SN 23:36)*

37 (3) *Vô-Thường - (SN 23:37)*

38 (4) *Thuộc Bản Chất Vô-Thường - (SN 23:38)*

- 39 (5) *Khô* - (SN 23:39)
- 40 (6) *Thuộc Bản Chất Khô* - (SN 23:40)
- 41 (7) *Vô-Ngã* - (SN 23:41)
- 42 (8) *Thuộc Bản Chất Vô-Ngã* - (SN 23:42)
- 43 (9) *Sẽ Bị Hoại Diệt* - (SN 23:43)
- 44 (10) *Sẽ Bị Biến Mất* - (SN 23:44)
- 45 (11) *Sẽ Có Khởi Sinh* - (SN 23:45)
- 46 (12) *Sẽ Bị Chấm Dứt* - (SN 23:46)

[11 bài kinh này (SN 23:36—46) có lời giống hệt 11 bài kinh (SN 23:24—34) ở trên; chỉ khác ở chỗ trong 11 bài kinh này, câu mở đầu đều giống bài kinh dẫn đầu **NHÓM** này (SN 23:35): “Ở Sāvathī. Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādhā khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh.”]

Chương 24

Liên Kết CÁCH-NHÌN

(24 Diṭṭhi—samyutta)

(24 Tương Ứng Quan-Kiến)

NHÓM 1

NHÓM ‘NHẬP-LUÛ’

(Sotāpatti-vagga)

1 (1) Gió...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, phản tự nhiên; tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính-chấp

vào cảm-giác ... thức, do cố-chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường ... Thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

“Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?”¹³⁰

“Vô thường, thưa Thế Tôn”.

“Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”.

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ (không biết chắc) trong sáu trường hợp này,¹³¹ và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:01)

2 (2) Đây Là ‘Của-Ta’

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính-chấp vào thức,

do cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:02)

3 (3) *Đây Là Cái ‘Ta’* (ngã, bản ngã)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’?”¹³²

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’ Khi *có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính-chấp

vào cảm-giác ... thức, do cố-chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:03)

4 (4) Điều Đó Đã Không Là Vậy Đối Với Ta

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta?’”¹³³

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta’. Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính-chấp vào cảm-giác ... thức, do cố-chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi

sinh cách-nhìn như vậy: ‘Ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:04)

5 (5) Không Có

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy.¹³⁴ ‘Không có gì phải cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bỏ thí), không có gì phải cúng dường, không có gì để hiến tặng hay hy sinh cho ai; không có nghiệp quả tốt và xấu cho những nghiệp (hành động) tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp và tuyên bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’ Cá-nhân này chỉ gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại). Khi người chết, đất trở về và nhập

lại với thể [thân]-đất; nước trở về và nhập lại với thể-nước; nhiệt trở về và nhập lại với thể-nhiệt; khí trở về và nhập lại với thể-khí; các căn (thuộc phần tâm thần, để cảm nhận, nhận biết, ý định, ý thức...) thì được chuyển qua hư-không. [Bốn] người đàn ông khiêng cái giá quan tài với một người chết nằm trong đó là năm. Lờ tưng cứng chẳng bay tới đâu xa ngoài nghĩa địa; chỉ còn lại xương trắng; lễ thiêu xác kết thúc bằng tro tàn. Cho đi (bồ thí) là triết lý của kẻ ngu. Khi có ai khẳng định triết lý là-có [sự cho đi, bồ thí, cúng dường...] thì đó là lời sáo rỗng, giả dối. Kẻ ngu và người khôn gì rồi cũng đều bị cất bỏ và diệt vong với thân tan rã; sau khi chết họ chẳng còn hiện hữu.’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc ... khi có cảm-giác ... khi có nhận-thức ... khi có những sự tạo-tác cố-ý ... khi có thức, do dính-chấp vào thức, do cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Không có gì phải cho đi sau khi chết họ chẳng còn hiện hữu.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 23:05)

6 (6) *Hành Động* (nghệp)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ¹³⁵ ‘Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm, khi gây tổn hại hoặc khiến người khác gây tổn hại, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, khi gây ra ưu buồn hoặc khiến người khác gây ưu buồn, khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức, khi hăm dọa hoặc khiến người khác hăm dọa, khi người ta sát sinh hoặc lấy của không được cho, đột nhập nhà cửa, lấy cướp của cải, làm nghề trộm cắp, đi cướp đường, dụ dỗ vợ người khác, nói sai nói dối— thì làm vậy chẳng có gì là tội ác cả. Nếu, có lấy một bánh xe gắn dao bén, đem băm chém hết chỗ chúng sinh của trái đất này thành thịt đông, thành đông đông thịt, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo nào cả. Nếu người ta có đi dọc bờ nam sông Hằng sát sinh và tàn sát, gây tổn hại và khiến người khác gây tổn hại, hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo gì cả. Nếu người ta có đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí (cho, tặng, cúng dường, giúp đỡ, chia sẻ...) hoặc khiến người khác bố thí, thì do làm vậy cũng chẳng có công đức gì và chẳng có đức quả phước quả gì cả. Có bố thí, có tu dưỡng bản thân, có tự chủ kiểm chế, có nói thật nói đúng, thì do vậy cũng chẳng có công đức gì hay đức quả phước quả gì cả.’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc ... có cảm-giác ... khi có nhận-thức ... khi có những sự tạo-tác cố-ý ... khi có thức, do dính-chấp vào thức, do cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Khi người ta làm hay khiến người khác làm ... cũng không có công đức hay đức quả phước quả gì cả.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:06)

7 (7) *Nguyên Nhân* (nhân)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:¹³⁶ ‘Không có nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) nào tạo nên sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không phải do nhân duyên nào cả. Không có nhân duyên tạo nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc không phải do nhân duyên.

[Không có nghiệp do mình, không có nghiệp do người khác, không có nghiệp của con người.] (đoạn trong ngoặc vuông này được lấy thêm từ phiên bản trong DN I, nó không có trong SN và phiên bản trong MN I). Không có năng lực, không có năng lượng, không có sức mạnh của con người, không có nỗ lực của con người. Tất cả mọi người, tất cả chúng sinh, tất cả sinh vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự làm-chủ, không có năng lực, và năng lượng; đều được đúc khuôn bởi số phận, hoàn cảnh, và tự nhiên, họ nếm trải sướng và khổ trong sáu giai cấp’?”¹³⁷

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc ... có cảm-giác ... khi có nhận-thức ... khi có những sự tạo-tác cố-ý ... khi có thức, do dính-chấp vào thức, do cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Không có nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) nào tạo nên sự ô-nhiễm của chúng sinh ... họ nếm trải sướng và khổ trong sáu giai cấp.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:07)

8 (8) Cách Nhìn Lớn Lao (đại tà kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy.¹³⁸ ‘Cố bầy thân này là không được làm ra, không được tạo ra, không được sáng tạo ra, không có đáng sáng tạo, là cản trở, vững chắc (thường trụ, đứng yên) như những đỉnh núi, vững chắc như những cột đá. Chúng không chuyển động hay thay đổi hay cản trở lẫn nhau.

Chẳng cái nào có khả năng gây ra sướng hay khổ hoặc sướng-và-khổ cho cái khác. Bấy đó là gì? Đó là thân(thể)-đất, thân-nước, thân-nhiệt, thân-khí, sự sướng, sự khổ, và thứ bảy là linh-hồn. Bấy thân này là không được làm ra.... [Trong đó, không có người sát sinh, không người tàn sát, không người nghe, không người nói, không người biết, không người thông tin.]¹³⁹ Cho dù ai có cắt đầu người khác bằng kiếm sắc cũng không thực sự là lấy mạng ai; đơn giản chỉ là lưỡi kiếm cắt qua không gian giữa bảy thân này mà thôi. Có 1.400.000 chủng loài trong hệ chúng sinh, và thêm 6.000, và 600; có 500 loại nghiệp, và thêm năm loại nghiệp, và toàn nghiệp và bán nghiệp; có 62 đường lối, 62 tiểu-kiếp, 6 giai cấp, 8 giai đoạn trong kiếp người, 4.900 loại khổ sĩ Ājīvaka, 49 loại du sĩ, 4.900 cõi rồng na-ga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 cõi bụi trần, 7 cảnh xứ của chúng sinh có nhận thức, 7 cảnh xứ chúng sinh không có nhận thức, bảy cảnh xứ chúng sinh không có máu, 7 loại thiên thần, 7 loại con người, 7 loại quỷ thần, 7 loại hồ

lớn, 7 loại có máu, thêm 700 loại có máu [khác], 7 vực núi, thêm 700 vực núi [khác], 7 loại mộng mơ, thêm 700 loại mộng mơ khác, 84 trăm ngàn đại kiếp trong (suốt thời gian) đó những kẻ ngu và kẻ trí lang thang và trôi giạt qua hết, sau đó tất cả đều chấm dứt hết khổ đau. Chẳng có gì như vậy: “Với đức-hạnh này hay tâm-nguyện này hay sự kiểm-chế này hay đời sống thánh-thiện này, tôi sẽ làm chín muối nghiệp chưa chín muối hoặc xóa bỏ nghiệp đã chín muối bằng sự trải-nghiệm nó một cách tái tục”— làm gì có như vậy! Sương và khổ tự chúng bị tan biến; những giới-hạn của vòng luân-hồi đã được ấn định; không có chuyện làm ngăn lại hay kéo dài thêm hạn-định của nó, không có cái vụ tiến thêm hay lùi bớt gì cả. Cũng giống như, khi một trái chỉ cuộn (như trái len) được quăng ra thì nó chạy tháo bung chỉ ra; tương tự vậy, kẻ ngu và kẻ trí, cứ tháo bung (lang thang và trôi giạt) cho tới khi nào hết (luân hồi) thì xong, thì lúc đó (tất cả) đều giải-thoát khỏi sự sương và khổ’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính-chấp vào thức, do cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Có bảy thân này là không được làm ra tương tự như vậy, kẻ ngu và kẻ trí, cứ tháo bung (lang thang và trôi giạt) cho tới khi hết (luân hồi) thì xong, thì (tất cả) đều giải-thoát khỏi sự sương và khổ.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:08)

► [10 bài kinh tiếp theo này (SN 24:09–18) lần lượt nói về “những cách-nhìn hay quan-điểm chưa được tuyên bố” (bởi Phật); và chúng được nói theo những góc-nhìn khác so với góc-nhìn trong các kinh thuộc các chương SN 33 và SN 44.] (263)

9 (9) Thế Giới Là Bất Diệt

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính-chấp vào thức, do

cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt.’...

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:10)

10 ***(10) Thế Giới Là Không Bất Diệt***

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là không bất-diệt?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:10)

11 (11) *Thế Giới Là Hữu Hạn*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là hữu-hạn’ (hữu biên)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:11)

12 (12) *Thế Giới Là Vô Hạn*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là vô-hạn’ (vô biên)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:12)

13 *(13) Linh Hồn và Thân Thể Là Một*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Linh hồn và thân thể là một?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:13)

14 *(14) Linh Hồn và Thân Thể Là Khác Nhau*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:14)

15 (15) *Như Lai Còn Hiện Hữu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:15)

16 *(16) Như Lai Không Còn Hiện Hữu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:16)

17 *(17) Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:17)

18 *(18) Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’ Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính-chấp vào thức, do cố-chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’”

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn đó có khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Cái thứ mà được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?” ([chữ “đạt tới, tìm kiếm, bao quát” là lặp lại (và làm rõ thêm) nghĩa của chữ “nhận biết”])

“Vô thường, thưa Thế Tôn”

“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, khi một một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này, và khi, hơn nữa, người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ,

và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 24:18)

NHÓM 2

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG HAI’

(Dutiya-Gamana-vagga)

19 (1) Gió...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy (sai lạc, phản tự nhiên; tà kiến): ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính-chấp vào cảm-giác ... thức, do cố-chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, khi có khổ, chính do dính-chấp vào sự khổ, do cố-chấp vào sự khổ ([tức: do dính chấp vào năm-uẩn; năm uẩn = khổ]), nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(SN 24:19)

20 (2) Đây Là ‘Của Ta’ — cho tới kinh 36 (18)

[Những bài kinh này lần lượt nói về những cách-nhìn (tà kiến) giống như trong các kinh từ **SN 24:02—SN 24:18** ở trên; ngoại trừ “khuôn-mẫu” kinh trong **NHÓM** này là giống theo bài kinh dẫn đầu (**SN 24:19**) kể trên.]

37 (19) Một Cái ‘Ta’ Gồm Có Thân-Sắc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, hiện hữu) ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc; tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ gồm có thân-sắc, và không bị hư biến sau khi chết?’”.... (tức không bị hư tổn, không bị biến đổi, không hư kém đi, vẫn như vậy)

(SN 24:37)

► [8 bài kinh tiếp theo này cũng nói về tư tưởng cái ‘ta’ (ngã kiến) là trường tồn bất-diệt sau khi chết; giống như cũng được nói trong kinh **DN I 31, 6-15** vậy.] (266)

38 (20) *Cái ‘Ta’ Là Vô Sắc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ là không có thân-sắc (vô sắc) và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:38)

39 (21) *Cái ‘Ta’ Vừa Có Thân-Sắc Vừa Không Có Thân-*

Sắc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ vừa có thân-sắc vừa không có thân-sắc, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:39)

40 *(22) Cái ‘Ta’ Không Có Thân-Sắc Cũng Không Phải Không Có Thân-Sắc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ không có thân-sắc cũng không phải không có thân-sắc, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:40)

41 *(23) Chỉ Có Sương*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ chỉ toàn sừng, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:41)

42 (24) *Chỉ Có Khổ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ chỉ toàn khổ, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:37)

43 (25) *Có Khổ và Sừng*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ có khổ và sừng, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:43)

44 (26) *Không Sướng, Không Khổ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ là không sướng không khổ, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:44)

NHÓM 3

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BA’

(Tatiya-Gamana-vagga)

45 (1) Gió...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy (sai lạc, phản tự nhiên; tà kiến): ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính-chấp vào cảm-giác ... thức, do cố-chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì vô thường là khổ. Khi nó có (có mặt, hiện hữu), chính do dính-chấp vào nó, do cố-chấp vào nó, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(SN 24:45)

► [Lưu Ý: Những bài kinh được thuyết lại trong **NHÓM 3** (‘Thuyết Lại Vòng Ba’) này chỉ tương ứng khác nhau với các bài kinh trong **NHÓM 2** (‘Thuyết Lại Vòng Hai’) ở chỗ đoạn cuối này. Nhân tiện, cũng tương tự như vậy, các bài kinh trong **NHÓM 4** (‘Thuyết Lại Vòng Bốn’) cũng chỉ tương ứng khác nhau với các bài kinh trong **NHÓM 2** ở chỗ đoạn cuối mà thôi.] (267)

46 (2) Đây Là “Của-Ta” — 70 (26) ...

[Những bài kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của **NHÓM 2** (“Thuyết Lại Vòng Hai”); chỉ khác ở chỗ các lời kinh trong **NHÓM 3** này giống theo “khuôn-mẫu” bài kinh dẫn đầu (**SN 24:45**) kể trên.]

NHÓM 4

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BÓN’

(Catuttha-Gamana-vagga)

71 (1) Gió...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: (sai lạc, phản tự nhiên; tà kiến) ‘Gió không thổi, những sông không chảy, những phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính-chấp vào thân-sắc, do cố-chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính-chấp vào cảm-giác ... thức, do cố-chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, mọi thân-sắc dù là loại gì ... Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xấu hay tốt, xa hay gần— tất cả mọi thân-sắc ... thức nên được nhìn thấy đúng thực như nó là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng:

‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiê đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại sự hiện hữu này nữa.’”

(SN 24:71)

72 (2) Đây là ‘Của-Ta’ — 96 (26) ...

[Những bài kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của **NHÓM 2** (‘Thuyết Lại Vòng Hai’); chỉ khác ở chỗ lời kinh trong **NHÓM 4** này giống theo “khuôn-mẫu” bài kinh dẫn đầu (**SN 24:71**) kể trên.]

Chương 25

Liên Kết NHẬP-VÀO

(25 *Okkanti—samyutta*)

(25 *Tương Ứng Nhập-Vào*)

1 *Mắt...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

- “Người đặt niềm-tin vào những giáo lý này và giải-quyết xong (nhất quyết, nhất tâm) về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người đã nhập-vào *lộ trình (đạo lộ) đúng đắn đã được định xong*, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. (tức: chắc chắn chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu khi còn sống hay ngay khi chết).¹⁴⁰

- “Người mà đã chấp nhận những giáo lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (người căn trí), là người đã nhập-vào *lộ trình đúng đắn đã được định xong*, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong

cõi súc sinh, hay trong cõi xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Người mà biết và thấy những giáo lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:01)

2 Những Hình-Sắc...

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (đang khác đi, đang diễn biến). Những âm-thanh ... Những mùi-hương ... Những mùi-vị ... Những đối-tượng chạm xúc ... Những hiện tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

- “Người đặt niềm-tin vào những giáo lý này và giải-quyết xong về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người đã nhập-vào *lộ trình (đạo lộ) đúng đắn đã được định xong* người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

- “Người mà đã chấp nhận những giáo lý này như vậy sau khi đã suy xét chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí tuệ thì được gọi là

người tu theo Giáo Pháp (người căn trí), là người đã nhập-vào lộ trình đúng đắn đã được định xong người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Người mà biết và thấy những giáo lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:02)

3 *Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Thức-tai ... Thức-mũi ... Thức-lưỡi ... Thức-thân ... Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:03)

4 *Tiếp-Xúc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Tiếp-xúc tai ... Tiếp-xúc mũi ... Tiếp-xúc lưỡi ... Tiếp-xúc thân ... Tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:04)

5 *Cảm-Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:05)

6 *Nhận-Thức*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, nhận-thức về hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Nhận-thức về âm-thanh ... Nhận-thức về mùi-hương ... Nhận-thức về mùi-vị ... Nhận-thức về những đối-tượng chạm-xúc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:06)

7 *Sự Cố-Ý* (hành, ý hành)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự cố-ý đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Sự cố-ý đối với những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:07)

8 *Dục-Vọng*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dục-vọng đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Dục-vọng đối với âm-thanh ... Dục-vọng đối với mùi-hương ... Dục-vọng đối với mùi-vị ... Dục-vọng đối với những đối-tượng chạm-xúc ... Dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:08)

9 *Các Yếu-Tố* (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo yếu-tố đất là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Yếu-tố nước ... Yếu-tố nhiệt ... Yếu-tố khí ... Yếu-tố không gian ... Yếu-tố thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:09)

10 Năm-Uân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

- “Người đặt niềm-tin vào những giáo lý này và giải-quyết xong (nhất quyết, tin chắc) về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người đã nhập-vào *lộ trình (đạo lộ) đúng đắn đã được định xong*, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xú ma quỷ; người đó không chết đi mà không chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

- “Người mà đã chấp nhận những giáo lý này như vậy sau khi đã suy xét (quán xét, cân nhắc, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (người căn trí), là người đã nhập-vào *lộ trình đúng đắn đã được định xong*, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xú ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Người mà biết và thấy những giáo lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:10)

Chương 26

Liên Kết SINH

(26 Uppāda—saṃyutta)

(26 Tương Ứng Sinh)

1 *Mắt...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện (hiện thị, sinh ra) của mắt là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. (*)

“Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... của mũi ... của lưỡi ... của thân ... của tâm là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của mắt ... của tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:01)

[Trong các bài kinh tiếp theo: mẫu đoạn kinh đầu (*) kể trên sẽ được **lần lượt** thay vào/ lặp lại bằng các chủ-đề tương ứng như các chủ-đề trong chương kể trên (**Chương 25**). Nhân tiện, bài kinh **SN 26:09** hầu như giống y kinh **SN 14:36**, chỉ có thêm “yếu-tố không gian” và “yếu-tố thức”. Còn bài kinh **SN 26:10** thì hoàn toàn giống y kinh **SN 22:30**.]¹⁴¹

2 *Những Hình-Sắc...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của những hình-sắc ... những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:02)

3 *Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của thức-mắt ... thức-tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của thức-mắt ... thức-tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:03)

4 *Tiếp-Xúc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:04)

5 *Cảm-Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:05)

6 *Nhận-Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:06)

7 *Sự Cố-Ý* (hành, ý hành)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sự cố-ý (ý định, ý hành) đối với những hình-sắc ... ‘sự cố-ý đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự

chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:07)

8 *Dục-Vọng*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:08)

9 *Các Yếu-Tố* (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố

khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của yếu-tố đất ... yếu-tố thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:09)

10 Năm-Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của *thân-sắc* ... của *cảm-giác* ... của *nhận-thức* ... của *những sự tạo-tác cố-ý* ... của *thức* là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của *thân-sắc* ... thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:10)

Chương 27

Liên Kết Ô-NHIỄM

(27 Kilesa—saṃyutta)

(27 Tương Ứng Phiền-Nã)

1 *Mắt...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *mắt* là một sự suy đồi của tâm.¹⁴² Sự tham-muốn và nhục-dục đối với *tai* ... *mũi* ... *lưỡi* ... *thân* ... *tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này,¹⁴³ thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng (dễ dùng, dễ uốn nắn, dễ tu dưỡng) đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp. (Câu cuối nghĩa: tâm như vậy dễ dụng để chứng ngộ những điều (sự thật, chân lý) bằng sự hiểu-biết trực tiếp).”¹⁴⁴

(SN 27:01)

2 *Những Hình-Sắc ...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *những hình-sắc* là một sự suy đồi của tâm. Sự tham-muốn và nhục-dục đối với *những âm-thanh* ... *những mùi-hương* ... *những mùi-vị* ... *những đối-tượng chạm-xúc* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo

hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng (dễ dùng, dễ uốn nắn, dễ tu dưỡng) đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:02)

3 *Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *thức-mắt* ... *thức-tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì [tâm của người đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:03)

4 *Tiếp-Xúc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *tiếp-xúc-mắt* ... *tiếp-xúc-tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì

[tâm của người đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:04)

5 *Cảm-Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *cảm-giác* được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt ... *cảm-giác* được sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì [tâm của người đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:05)

6 *Nhận-Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *nhận-thức* về những hình-sắc ... đối với *nhận-thức* về những hiện-tượng thuộc tâm là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì [tâm của người

đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:06)

7 *Sự Cố-Ý* (hành, ý hành)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *sự cố-ý đối với những hình-sắc*’ ... *đối với những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đòi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đòi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì [tâm của người đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:07)

8 *Dục-Vọng*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *dục-vọng đối với những hình-sắc* ... *dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đòi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đòi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì [tâm của người

đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:08)

9 Các Yếu-Tố

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì [tâm của người đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:09)

10 Năm-Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *thân-sắc ... đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này ... thì

[tâm của người đó] trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp.”

(SN 27:10)

Chương 28

Liên Kết XÁ-LỢI-PHẬT

(28 *Sāriputta—samyutta*)

(28 *Tương Ứng Xá-lợi-phật*)

1 **Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ...** (Nhất thiên)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà) trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc.

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi-phát mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattihī để khát thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khát thực trong thành Sāvattihī và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ (được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vào Khu Vườn Người Mù, thầy ấy ngồi xuống một gốc cây để an trú ban ngày.

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phát ra khỏi chỗ ẩn trú đó và đi về chỗ Khu Vườn của thái tử Jeta, chỗ Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phát đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phát như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát, các giác quan (căn) của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phát đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”¹⁴⁵

“Ở đây, này đạo hữu, tách ly khỏi những khoái lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm ý-nghi (tâm) và sự suy-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và

hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly. Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Điều đó chắc hẳn là, do cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất từ lâu cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến với thầy ấy.”¹⁴⁶

(SN 28:01)

2 **Không Còn Ý-Nghĩ (tâm)...** (Nhị thiên)

Ở Sāvathī ... [*như kinh kể trên*] ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các giác quan (căn) của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự suy-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự suy-xét (tứ), và có niềm sự

hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ hai’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Điều đó chắc hẳn là, do cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ngã mạn) đã bị búng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất từ lâu cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:02)

3 *Sự Hoan-Hỷ (hỷ)...* (Tam thiên)

Ở Sāvattihī ... [như kinh trên] ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, với sự phai biến luôn của sự (yếu tố) hoan-hỷ (hỷ), tôi an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), tôi trải nghiệm sự hạnh-phúc cùng với thân này; tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiên), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’ Nhưng, này đạo

hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ ba’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Điều đó chắc hẳn là ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:03)

4 *Sự Buông-Xả (xả)...* (Tứ thiền)

Ở Sāvathī ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, với sự dẹp bỏ sự (yếu tố) sợng-khổ, và với sự phai biến của sự (yếu tố) vui-buồn, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sự khổ hay sợng, và có sự tinh-khiết của sự chánh-niệm nhờ sự buông-xả (tức: sự chánh-niệm lúc này đã được thanh lọc tới mức tinh-khiết nhờ có sự buông-xả hoàn toàn trong Tứ thiền). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ tư’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Điều đó chắc hẳn là ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:04)

5 *Cảnh Xứ Vô-Biên Của Không-Gian* (không vô biên xứ)

Ở Sāvattthī ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, với sự hoàn toàn vượt-trên những sự nhận-thức về thể-sắc, với sự phai-biến các nhận-thức về sự va-chạm giác quan, với sự không-còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt, (chỉ) ý thức rõ rằng ‘không gian là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô-biên của không gian (không vô biên xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi không vô biên xứ’.”

“Điều đó chắc hẳn là ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:05)

6 *Cảnh Xứ Vô-Biên Của Thức* (thức vô biên xứ)

Ở Sāvattthī ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ vô-biên của không-gian, ý thức rõ rằng ‘thức là vô-biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô-biên của thức (thức vô biên xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi thức vô biên xứ’.”

“Điều đó chắc hẳn là ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:05)

7 *Cảnh Xứ Trống-Không* (vô sở hữu xứ)

Ở Sāvattthī ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ vô-biên của thức, ý thức rõ rằng ‘chẳng có gì’, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] của sự trống-không (vô sở hữu xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi vô sở hữu xứ’.”

“Điều đó chắc hẳn là ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:07)

8 Cảnh Xứ Không Có Nhận-Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận-Thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ)

Ở Sāvathī ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ trống-không, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi phi tưởng phi phi tưởng xứ’.”

“Điều đó chắc hẳn là ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:07)

9 Chứng Đắc Sự Châm-Dứt (châm dứt cảm-giác & nhận-thức: diệt thọ tưởng)

Ở Sāvathī ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, tôi đã chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tưởng). Nhưng, này đạo hữu, nhưng ý nghĩ này không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc sự diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đã chứng đắc sự chấm-dứt sự diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng.’”

“Điều đó chắc hẳn là, do cái sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất từ lâu cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:09)

10 *Nữ Du Sĩ Sucimukhī*

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khát thực liên tục một vòng trong thành Rājagaha, thầy ấy ngồi ăn thức ăn khát thực, lưng dựa vào tường.

Lúc đó có một nữ du sĩ tên Sucimukhī đến gặp thầy Xá-lợi-phất và nói với thầy ấy:

“Này tu sĩ (sa-môn), ông ăn với mặt úp (xuống đất) phải không?”¹⁴⁷

“Thưa chị, tôi không ăn với mặt úp (xuống đất)”

“Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn với mặt ngửa (lên trời) phải không?”

“Thưa chị, tôi không ăn với mặt ngửa (lên trời)”

“Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng phải không?”

“Thưa chị, tôi không ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng.”

“Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa (bốn hướng) phải không?”

“Thưa chị, tôi không ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa.”

“Khi ông được hỏi ‘Này tu sĩ, ông ăn với mặt úp phải không? ... ‘Ông ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa phải không?’ thì ông cứ trả lời: ‘Thưa chị, tôi không ăn như vậy’. Này tu sĩ, vậy ông ăn kiêu sao?”

“Thưa chị, những tu sĩ và bà-la-môn kiếm sống bằng nghề bói đất bói hướng tầm phào—một cách kiếm sống sai trái (tà hạnh,

đổi với tu sĩ)— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn úp mặt (xuống đất). Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói sao tầm phào—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn ngửa mặt (lên trời). Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng cách đi làm công việc người ta sai vật hoặc đưa tin báo tin (*[các Tỷ kheo phải tránh bỏ việc báo tin đưa tin]*)—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng. Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói chỉ tay tầm phào—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn quay mặt nhìn những hướng xen giữa.

“Thưa chị, tôi không kiếm sống bằng nghề bói đất tầm phào, hay nghề bói sao tầm phào, hay bằng cách làm việc sai vật và đưa tin báo tin, hay bằng nghề bói chỉ tay tầm phào. Tôi tìm kiếm thức ăn bố thí một cách chân chính, và sau khi kiếm được thức ăn đó, tôi ăn nó một cách chân chính.”

Rồi nữ du sĩ tên Sucimukhī đó đã đi từ đường này tới đường kia và từ khu này tới khu kia trong thành Rājagaha tuyên bố rằng: “Những tu sĩ đi tu theo người con của họ tộc Thích-Ca (tức Phật) ăn thức ăn chân chính; họ ăn thức ăn không tội lỗi. Hãy cúng dường thức ăn cho những tu sĩ đi theo người con họ Thích-Ca.”

(SN 28:10)

Chương 29

Liên Kết RỒNG NAGA

(29 Nāga—saṃyutta)

(29 Tương Ứng Loài Rồng)

1 *Bản Kinh Tóm Gọn* (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn chủng loài rồng naga [*nāga*].¹⁴⁸
Bốn đó là gì? Rồng sinh ra từ trứng, rồng sinh ra từ bào thai, rồng sinh ra từ hơi ẩm, rồng sinh ra tự nhiên tự phát (theo nghiệp).”
(noãn sinh, thai sinh, ẩm sinh, và hóa sinh)

(SN 29:01)

2 *Tốt Hơn*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn chủng loài rồng [*naga*]

“Này các Tỳ kheo, trong đó loài rồng được sinh từ bào thai, sinh từ hơi ẩm, và sinh tự nhiên tự phát là ưu việt hơn (tốt hơn, cao hơn) loài rồng được sinh từ trứng. Loài rồng được sinh từ hơi ẩm và sinh tự nhiên tự phát là ưu việt hơn loài rồng sinh ra từ trứng và từ bào thai. Loài rồng được sinh ra tự nhiên tự phát là ưu việt (nhất) hơn loài rồng được sinh từ trứng, từ bào thai, từ hơi ẩm.

“Này các Tỳ kheo, có bốn chủng loài rồng như vậy.”

(SN 29:02)

3 *Uposatha (Bố-tát) (1)*

Ở Sāvathī. Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do một số rồng naga được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Uposatha (Bố-tát) và (đến mức) từ bỏ [sự quan tâm đối với] thân thể của họ?”¹⁴⁹

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một số rồng naga được sinh từ trứng nghĩ như vậy: ‘Trong quá khứ chúng tôi hành vi một cách mê thuận (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời nói, và tâm. Sau khi đã làm như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi đã bị tái sinh trong chủng loài rồng naga được sinh từ trứng. Nếu ngày nay chúng tôi tu tập hành vi thiện tốt trong thân, lời nói, và tâm (ba nghiệp: thân, miệng, ý), thì khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi sẽ được tái sinh trong một nơi đến hạnh phúc, trong một cõi trời. Nào bây giờ, chúng ta hãy tu tập hành vi tốt thiện trong thân, lời nói, và tâm.’

“Này Tỳ kheo, điều này chính là nguyên nhân và lý do một số rồng naga được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Bố-tát [Uposatha] và từ bỏ [sự quan tâm về] thân thể của chúng.”

(SN 29:03)

4 *Uposatha (Bố-tát) (2) – (SN 29:04)*

5 *Uposatha (Bồ-tát) (3) – (SN 29:05)*

6 *Uposatha (Bồ-tát) (4) – (SN 29:06)*

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay ba chủng loài rồng naga còn lại cho ba bài kinh.]

7 *Người Đó Đã Nghe (1)*

Ở Sāvattthī. ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga *được sinh từ trứng?*”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài rồng naga sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.”

(SN 29:07)

8 *Người Đó Đã Nghe (2) – (SN 29:08)*

9 *Người Đó Đã Nghe (3) – (SN 29:09)*

10 *Người Đó Đã Nghe (4) – (SN 29:10)*

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay ba chủng loại rồng naga còn lại cho ba bài kinh.]

11 — 20 *Nhờ Sự Bồ-Thí (1)* (mà tái sinh...)

.... Ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga *sinh từ trứng?*”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài rồng naga sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn.... Người đó bố thí thức uống.... Người đó bố thí quần áo.... Người đó bố thí một cỗ xe.... Người đó bố thí một vòng hoa.... Người đó bố thí một dầu thơm.... Người đó bố thí một thuốc cao.... Người đó bố thí một chỗ nằm.... Người đó bố thí

một chỗ ở.... Người đó bố thí một đèn thắp. [*Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 11-20.*]¹⁵⁰ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.”

(SN 29:11–20)

21 — 50 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)

[*Nhóm (1): (kinh 11-20) ở trên là nói về ‘chủng loại rồng naga sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (từ kinh 21-50) có lời kinh giống hệt “khuôn-mẫu” như vậy; chỉ lần lượt thay bằng mỗi chủng loại rồng naga còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).]*

(SN 29:21–50)

Chương 30

Liên Kết CHIM-THẦN

(30 *Supanna*—*samyutta*)

(30 *Tương Ứng Thần-Điều*)

1 **Bản Kinh Tóm Gọn** (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn chủng loại chim-thần [*supanna*] (chim thần Ganuda, kim xí điểu). Bốn đó là gì? Loài chim-thần được sinh từ trứng, loài chim-thần được sinh từ bào thai, loài chim-thần được sinh từ hơi ẩm, loài chim-thần được sinh một cách tự nhiên tự phát. Có bốn chủng loài chim thần như vậy.”

(SN 30:01)

2 **Chúng Gấp Ròng Naga**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn chủng loại chim-thần

“Này các Tỳ kheo, trong số này, loài chim-thần sinh từ trứng chỉ gấp đi được rồng naga sinh từ trứng, nhưng không gấp được ba chủng loại còn lại. Loài chim-thần sinh từ bào thai chỉ gấp được rồng naga sinh từ trứng và sinh từ bào thai, nhưng không gấp được hai chủng loại còn lại. Loài chim-thần sinh từ hơi ẩm gấp được rồng naga sinh từ trứng, sinh từ bào thai, và sinh từ hơi ẩm, nhưng không gấp được chủng loại còn lại. Loài chim-thần sinh tự nhiên tự phát thì gấp được rồng naga thuộc cả bốn chủng loài. [*Tức: một chủng loài chim-thần chỉ gấp rồng naga thuộc chủng loài thấp hơn*

*hoặc bằng chủng loài mình, chứ không thể gắp rỗng naga thuộc chủng loài cao hơn chủng loài mình.]*¹⁵¹

“Này các Tỳ kheo, có bốn chủng loại chim-thần như vậy.”

(SN 30:02)

3 *Lấn Lộn Thiện-Ác (I)*

Ở Sāvattthī. ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh vào chủng loài chim-thần sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lấn lộn thiện, ác) trong thân, lời nói, và tâm. Người đó nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.

“Này các Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.”

(SN 30:03)

4 – 6 Lần Lộn Thiện-Ác (2), (3), (4)

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay bằng mỗi chủng loài chim-thần còn lại cho ba bài kinh này.]

(SN 30:04–06)

7 – 16 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...)

... Ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thừa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần được sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn.... Người đó bố thí thức uống.... Người đó bố thí quần áo.... Người đó bố thí một cỗ xe.... Người đó bố thí một vòng hoa.... Người đó bố thí một dầu thơm.... Người đó bố thí một thuốc cao.... Người đó bố thí một chỗ nằm.... Người đó bố thí một chỗ ở.... Người đó bố thí một đèn thắp. [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 7-16.] Rồi, khi thân tan rã, sau

khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.”

(SN 30:07—16)

17 — 46 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)

[Nhóm (1): (kinh 7-16) ở trên là nói về ‘chủng loại chim-thần sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (kinh 17-46) có lời kinh giống “khuôn-mẫu” kinh như vậy; chỉ lần lượt thay bằng mỗi chủng loại chim-thần còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).]

(SN 30:17—46)

Chương 31

Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ

(31 Gandhabba—saṃyutta)

(31 Tương Ứng Càn-thát-bà)

1 **Bản Kinh Tóm Gọn** (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần (chư thiên) thuộc loại Càn-thát-bà [*gandhabba*]. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà? Này các Tỳ kheo, có những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lớp gỗ mềm cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong vỏ cây hương thơm,¹⁵² những thiên thần sống trú trong chồi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lá cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong trái cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong nhựa cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.”

(SN 31:01)

2 **Hành Vi Thiện**

Ở Sāvattthī. ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thừa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành vi thiện lành trong thân, lời nói, và tâm.¹⁵³ Người đó đã nghe: ‘Các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.

“Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.”

(SN 31:02)

3 *Người Bồ Thí (1)*

Ở Sāvattthī. ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành vi thiện lành trong thân, lời nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm!’ *Người đó trở thành người bố thí rễ cây hương thơm.* Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.

“Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.”

(SN 31:03)

4 — 12 Người Bố Thí (2)...(10)

[Giống hệt “khuôn-mẫu” bài kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại thiên-thần: ‘các thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm’ ... ‘các thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm (theo thứ tự ghi trong bài kinh **31:01**). Mỗi loại người bố thí tương ứng với thứ bố thí.]

(SN 31:04–12)

13 — 22 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...)

Ở Sāvattthī. ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành vi thiện lành trong thân, lời nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm! Người đó bỏ thí thức ăn.... Người đó bỏ thí thức uống.... Người đó bỏ thí quần áo.... Người đó bỏ thí một cỗ xe.... Người đó bỏ thí một vòng hoa.... Người đó bỏ thí một dầu thơm.... Người đó bỏ thí một thuốc cao.... Người đó bỏ thí một chỗ nằm.... Người đó bỏ thí một chỗ ở.... Người đó bỏ thí một đèn thắp. [*Mỗi thứ bỏ thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 13-22.*] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.”

(SN 31:13—22)

23 — 112 Nhờ Sự BỐ-THÍ (2) (mà tái sinh...)

[Nhóm (1) kể trên (kinh 13-12) là nói về loại ‘các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm; nhóm (2) này (kinh 23—112) có lời kinh giống “khuôn-mẫu” kinh như vậy; chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại Càn-thát-bà còn lại là: ‘các thiên thần sống trú trong gốc lõi hương thơm’ ... ‘các thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm’.]

(SN 31:23—112)

Chương 32

Liên Kết THIÊN THẦN MÂY

(32 Valāhaka—samyutta)

(32 Tương Ứng Thiên Thần Mây)

1 **Bản Kinh Tóm Gọn** (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây?¹⁵⁴ Này các Tỳ kheo, có các thiên thần mây-mát, các thiên thần mây-ấm, các thiên thần mây-bão, và các thiên thần mây-mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây (thiên thần mây).”

(SN 32:01)

2 **Hành Vi Thiện**

[Giống hết bài kinh **SN 31:02**, chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số các thiên thần mây”.]

(SN 32:02)

3 — 12 **Nhờ Sự Bố-Thí (1)** (mà tái sinh...)

[Những bài kinh này được đúc theo “khuôn-mẫu” các kinh

tương ứng từ **SN 31:13–SN 31:22**; chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số các thiên thần mây-mát”.]

(SN 32:03–12)

13 — 52 Nhờ Sự Bồ-Thí (2) (mà tái sinh...)

[“Khuôn-mẫu” kinh của nhóm (1) (kinh 3–12) kể trên là nói về sự “tái sinh trong số các thiên thần mây-mát”. Các kinh của nhóm (2) này (kinh 13–52) này lặp lại “khuôn-mẫu” kinh giống hệt như vậy cho từng loại thiên-thần còn lại, lần lượt là: “tái sinh trong số thiên thần mây-ấm”, “tái sinh trong số thiên thần mây-bão”, “tái sinh trong số thiên thần mây-mưa”.]

(SN 32:13–52)

53 Các Thiên Thần Mây-Mát

Ở Sāvattthī. Ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên mát-mẻ?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-mát. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên mát-mẻ. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên mát-mẻ.”

(SN 32:53)

54 *Các Thiên Thần Mây-Ấm*

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên ấm-áp?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-ấm. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên ấm-áp. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên ấm-áp.”

(SN 32:54)

55 *Các Thiên Thần Mây-Bão*

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên bão-bùng?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-bão. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên bão-bùng. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên bão-bùng.”

(SN 32:55)

56 Các Thiên Thần Mây-Gió

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên nổi-gió?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-gió. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên nổi-gió. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên nổi-gió.”

(SN 32:56)

57 Các Thiên Thần Mây-Mưa

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) mưa?”

“Này Tỳ kheo, có những cái được gọi là các thiên thần mây-mưa. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời mưa. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời mưa.”

(SN 32:57)

Chương 33

Liên Kết VACCHAGOTTA

(33 Vacchagotta—saṃyutta)

(33 Tương Ứng Vacchagotta)

1 Do Không Hiểu-Biết (I)

Ở Sāvathī. Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn.¹⁵⁵ Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-Đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm (cách-nhìn, quan niệm) mang tính suy đoán (vô đoán, đoán mò) khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hay ‘Thế giới là hữu biên’; hay ‘Thế giới là vô biên’; hay ‘Linh hồn và thân thể là một’; hay ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hay ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?”

“Này Vaccha, do không hiểu-biết *thân-sắc* (sắc uẩn), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian.”

(SN 33:01)

► [Bài kinh này và các bài kinh tiếp theo đều sử dụng cùng

khuôn-mẫu “Bốn Diệu Đế”, (tức: sự-thật, nguồn-gốc, sự chấm-dứt, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt) cho từng mỗi uẩn của năm-uẩn. Vô-minh là sự không hiểu biết Bốn Diệu Đế, và các bài kinh này chỉ ra sự vô-minh là nguyên nhân nằm bên dưới “10 quan-điểm mang tính suy đoán” như vậy.]¹⁵⁶

2 Do Không Hiểu-Biết (2)

Ở Sāvattthī...

“Này Vaccha, do không hiểu-biết *cảm-giác* (thọ uẩn), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian.”

(SN 33:02)

3 Do Không Hiểu-Biết (3)

.... “Này Vaccha, do không hiểu-biết *nhận-thức* (tưởng uẩn), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:03)

4 Do Không Hiểu-Biết (4)

.... “Này Vaccha, do không hiểu-biết *những sự tạo-tác cố-ý* (hành uẩn), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:04)

5 Do Không Hiểu-Biết (5)

.... “Này Vaccha, do không hiểu-biết *thức* (thức uẩn), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:05)

6 — 10 Do Không Nhìn-Thấy (năm uẩn)

.... “Này Vaccha, do không nhìn-thấy *thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”¹⁵⁷

(SN 33:06—10)

11 — 15 Do Không Đột-Phá Vào (năm uẩn)

.... “Này Vaccha, do không đột-phá vào *thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:11—15)

16 — 20 Do Không Năm-Rõ (năm uẩn)

[Giống y hệt các kinh **11—15** kể trên; chỉ lần lượt thay “do không nhìn-thấy” bằng “do không năm-rõ”.]

(SN 33:16—20)

21 — 25 Do Không Thâm-Nhập Vào

26 — 30 Do Không Nhận-Thấy Được

31 — 35 Do Không Phân-Biệt Ra [đổi xử]

36 — 40 Do Không Phân-Biệt [sự khác nhau]

41 — 45 Do Không Soi-Xét

46 — 50 Do Không Soi-Xét Kỹ Càng

51 — 55 Do Không Trục-Tiếp Nhận-Biết

.... “Này Vaccha, do không thâm-nhập vào do không trực-tiếp nhận-biết *thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hay ‘Thế giới là hữu biên’; hay ‘Thế giới là vô biên’; hay ‘Linh hồn và thân thể là một’; hay ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hay ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

(SN 33:21—55)

Chương 34

Liên Kết THIÊN-ĐỊNH

(34 Jhāna-Samyutta)

(34 Tương Ứng Thiên-Định)

► [“Liên-kết Thiền Định” (*Jhāna-Saṃyutta*) là tên **Chương 34** này, nhưng nó cũng là tên của **Chương 53**; **chương 53** thì nói chi tiết về bốn tầng thiền-định sắc-giới [*jhāna*]. Còn **chương 34** này thì nói về **tiền-trình** thiền tập hơn là những kết quả chứng đắc hay những tầng chứng đắc đó, nhưng tôi vẫn dịch tên chương giống vậy. **Chương 34** này chỉ ra tất cả sự tương quan, sự so sánh hoán đổi, của 11 kỹ năng thiền tập. Mỗi cặp kỹ năng đều được so sánh theo bốn trường hợp: **(i)** có-được kỹ năng này nhưng thiếu kỹ năng kia; **(ii)** có-được kỹ năng kia nhưng thiếu kỹ năng này; **(iii)** không-có cả hai; và **(iv)** có-được cả hai. Trường hợp cuối cùng **(iv)** là **tốt nhất**.

Spk thì cho rằng toàn bộ chương này là nói về phần thiền-định thế-tục. Một số kỹ năng cũng được đề cập trong các kinh khác như: sáu kỹ năng trong **AN III 311,27–30**; sáu kỹ năng được lặp lại một phần trong **AN III 427,25–428,4**; và bảy kỹ năng trong **AN IV 34,5–9**. **Mp III 354–345** thì giải thích gần giống như *Spk*, chỉ khác chút tiểu tiết.] ¹⁵⁸

1 *Chứng-Đắc tương quan với Thiền-Định*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) thiền-định¹⁵⁹ trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) chứng-đắc (chứng nhập tầng thiền định) trong tu thiền định.

“Ở đây, một người thiền là thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về thiền-định trong tu thiền định.

“Ở đây, một người không thiện khéo về thiền-định trong tu thiền định, cũng không thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định.

“Ở đây, một người vừa thiện khéo về thiền-định vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (thứ tư) vừa thiện khéo về thiền-định vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ

trong có vầng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiên vừa thiện khéo về thiên-định vừa thiện khéo về chúng-đắc trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:01)

2 *Duy-Trì tương quan với Thiên-Định*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về (kỹ năng) thiên-định trong tu thiên định, nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) duy-trì trong tu thiên định (tức: kỹ năng nhập định bao lâu các tầng thiên định theo ý mình muốn và đã quyết định trước khi nhập thiên).¹⁶⁰

“Ở đây, một người thiên là thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định, nhưng không thiện khéo về thiên-định trong tu thiên định.

“Ở đây, một người không thiện khéo về thiên-định trong tu thiên định, cũng không thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định.

“Ở đây, một người vừa thiện khéo về thiên-định vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (thứ tư) vừa thiện khéo về thiên-định vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa ... từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiên vừa thiện khéo về thiên-định vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:02)

3 Thoát-Ra tương quan với Thiên-Định

[Giống kinh kể trên, chỉ thay câu “thiện khéo về duy-trì” bằng “thiện khéo về thoát-ra”.]¹⁶¹

(SN 34:03)

4 Mềm-Dẻo tương quan với Thiên-Định

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về (kỹ năng) mềm-dẻo”.]¹⁶²

(SN 34:04)

5 *Đối-Tượng tương quan với Thiền-Định*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về đối-tượng”.]¹⁶³

(SN 34:05)

6 *Phạm-Vi tương quan với Thiền-Định*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về phạm-vi”.]¹⁶⁴

(SN 34:06)

7 *Quyết-Tâm tương quan với Thiền-Định*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về quyết-tâm”.]¹⁶⁵

(SN 34:07)

8 *Chu-Đáo tương quan với Thiền-Định*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm việc chu-đáo trong tu thiền định”.]¹⁶⁶

(SN 34:08)

9 Kiên-Trì tương quan với Thiền-Định

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định”.]

(SN 34:09)

10 Thích-Hợp tương quan với Thiền-Định

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]¹⁶⁷

(SN 34:10)

11 Duy-Trì tương quan với Chứng-Đắc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiền thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiền thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên không thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định, cũng không thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định.

“Trong đó, người thiên (thứ tư) vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa ... từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiên vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:11)

12 *Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay câu “thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định” bằng “thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định”]

(SN 34:12)

13 *Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiên định”]

(SN 34:13)

14 *Đôi-Tượng tương quan với Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “thiện khéo về đôi-tượng”]

(SN 34:14)

15 *Phạm-Vi tương quan với Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “thiện khéo về phạm-vi”]

(SN 34:15)

16 *Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “thiện khéo về quyết-tâm”]

(SN 34:16)

17 *Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc*

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “là một người làm việc chu-đáo trong tu thiền định”]

(SN 34:17)

18 Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định”]

(SN 34:18)

19 Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng câu “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”]

(SN 34:19)

20 Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) duy-trì trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra trong tu thiền định.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định, nhưng không thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên không thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định, cũng không thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (thứ tư) vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.” (SN 34:20)

21 — 27 Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì...

[07 bài kinh này đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “thoát-ra” được lần lượt thay bằng các 7 chữ “mềm-dẻo” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiên định”; tương ứng giống như nhóm kinh **13—19**]

(SN 21—27)

28 *Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo ... thiện khéo về mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về thoát-ra ... không thiện khéo về thoát-ra, cũng không thiện khéo về mềm-dẻo ... vừa thiện khéo về thoát-ra vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiện định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (thứ tư) là vừa thiện khéo về thoát-ra vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiện định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:28)

29 — 34 *Đối-Tượng tương quan với Thoát-Ra...*

[06 bài kinh này đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “mềm-dẻo” được lần lượt thay bằng 6 chữ “đối-tượng” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiện định”](SN 29—34)

35 *Đối-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về đối-tượng ... thiện khéo về đối-tượng, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo ... không thiện khéo về mềm-dẻo, cũng không thiện khéo về đối-tượng ... vừa thiện khéo về mềm-dẻo vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (thứ tư) là vừa thiện khéo về mềm-dẻo vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiền định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:35)

36 — 40 Phạm-Vi tương quan với Mềm-Dẻo...

[05 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “đối-tượng” được lần lượt thay bằng 5 chữ “phạm vi” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”]

(SN 36—40)

41 Phạm-Vi tương quan với Đối-Tượng

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) đối-tượng, nhưng không thiện khéo về phạm-vi ... thiện khéo về phạm-vi, nhưng không thiện khéo về đối-tượng ... không thiện khéo về đối-tượng, cũng không thiện khéo về phạm-vi ... vừa thiện khéo về đối-tượng vừa thiện khéo về phạm-vi trong tu thiện định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (thứ tư) vừa thiện khéo về đối-tượng vừa thiện khéo về phạm-vi trong tu thiện định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:35)

42 — 45 *Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng...*

[04 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “phạm-vi” được lần lượt thay bằng 4 chữ “quyết-tâm” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiện định”.]

(SN 42—45)

46 *Quyết-Tâm tương quan với Phạm-Vi*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) phạm-vi, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm ... thiện khéo về quyết-tâm, nhưng không thiện khéo về phạm-vi ... không thiện khéo về phạm-vi, cũng không thiện khéo về quyết-tâm ... vừa thiện khéo về phạm-vi vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (thứ tư) vừa thiện khéo về phạm-vi vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:46)

47 — 49 *Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi...*

[03 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “quyết-tâm” được lần lượt thay bằng 3 chữ “là một người làm việc chu-đáo trong tu thiền định”, “là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định”, và “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”]

(SN 47—49)

50 *Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) quyết-tâm , nhưng không phải là một người làm việc chu-đáo ... là một người làm việc chu-đáo, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm ... không thiện khéo về quyết-tâm, cũng không là một người làm việc chu-đáo ... vừa thiện khéo về quyết-tâm vừa là một người làm việc chu-đáo trong tu thiện định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (thứ tư) vừa thiện khéo về quyết-tâm vừa là một người làm việc chu-đáo trong tu thiện định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:50)

51 — 52 Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi...

[02 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “là một người làm việc chu-đáo trong tu thiện định” được lần lượt thay bằng 2 chữ “là một người làm việc kiên-trì trong tu thiện định”, “người làm điều thích-hợp trong tu thiện định”]

(SN 51—52)

53 *Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm việc chu-đáo, nhưng không phải là một người làm việc kiên-trì ... là một người làm việc kiên-trì, nhưng không phải là một người làm việc chu-đáo ... không phải là một người làm việc chu-đáo, cũng không phải là một người làm việc kiên-trì ... vừa là một người làm việc chu-đáo vừa là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (thứ tư) vừa là một người làm việc chu-đáo vừa là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định là hàng đầu ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:53)

54 *Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm việc chu-đáo, nhưng không phải là người làm điều thích-hợp trong tu thiền định....”

(SN 34:54)

55 *Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm điều thích-hợp, nhưng không phải là một người làm việc kiên-trì ... là một người làm việc kiên-trì, nhưng không phải là một người làm điều thích-hợp ... không phải là một người làm điều thích-hợp, cũng không phải là một người làm việc kiên-trì ... vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (thứ tư) vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ

trong có vầng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiền vừa là một người làm điều thích-hợp, vừa là một người làm việc kiên-trì trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:55)

—HẾT QUYỂN 3—
(QUYỂN NĂM-UÂN)

CHÚ THÍCH

¹ [*Nakulapitā* có nghĩa là ‘cha của Nakula’, vợ ông là *Nakulamātā* nghĩa là ‘mẹ của Nakula’. Phật tuyên bố vợ chồng ông là những đệ tử tại gia thiện tín nhất (coi thêm kinh **AN I 26**)] (1)

² [Đoạn kinh ở đây nêu ra 20 loại quan điểm/cách nhìn cái ‘ta’ hay thân-kiến (*sakkāyadiṭṭhi*); 20 cách nhìn là do đặt cái ‘ta’ trong bốn cách 4 cách trong liên quan với 5 uẩn cấu thành nên một danh tính ‘con người’ [danh tính: *sakkāya*; coi thêm kinh **SN 22:105**]. Quan điểm thân-kiến là một trong ba gông-cùm cần phải được búng bỏ trước khi chứng nhập vào dòng thánh đạo (Nhập-lưu).

Spk: Người đó coi thân-sắc là ‘ta’ (*rūpaṃ attato samanupassati*): bằng cách coi thân-sắc và cái ‘ta’ là một, như coi ngọn lửa đèn dầu và màu của nó là một vậy. Người đó coi cái ‘ta’ là sở hữu thân-sắc (*rūpavantam attānam*): người đó lấy thứ vô sắc [như tâm hay những yếu tố thuộc tâm] là cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, giống như kiểu một cái cây sở hữu bóng cây vậy; thân-sắc nằm trong cái ‘ta’ (*attani rūpaṃ*): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái ‘ta’ mà thân-sắc nằm trong đó, kiểu như mùi hương nằm trong một bông hoa vậy; cái ‘ta’ ở trong thân-sắc (*rūpasmim attānam*): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái ‘ta’ nằm trong thân-sắc, kiểu như một viên ngọc nằm trong cái hộp vậy. Người đó bị ám muội bởi những quan-niệm “Ta là thân-sắc, thân-sắc là của-ta”: người đó nuốt những ý tưởng đó với dục-vọng và những quan-điểm (tà-kiến), người đó đứng dựa trên chúng, và nắm giữ chấp thủ theo chúng.

Spk ghi rằng việc nhận lấy mỗi uẩn là cái ‘ta’ chính là cách-nhìn của tư tưởng tự-hủy-diệt (*ucchedadiṭṭhi*, đoạn kiến), còn những cách nhìn khác là những biến tấu của tư tưởng trường tồn bất-diệt (*sassatadiṭṭhi*, thường kiến); như vậy có 5 loại tư tưởng tự-diệt và 15 loại tư tưởng bất-diệt. Theo tôi [TKBD] điều này không thể chấp nhận được, vì những quan-điểm trường tồn bất-diệt rõ ràng

có được bằng cách lấy mỗi uẩn thuộc tâm (cảm-giác, nhận-thức...) là cái ‘ta’. Tôi cũng nghi vấn tại sao phải bắt buộc quan điểm cái ‘ta’ (thân kiến) là phải lấy một uẩn hay nhiều uẩn làm cái ‘ta’; bởi vì nếu quan-điểm cái ‘ta’ có ý nghĩa hay nội dung gì thì nó chỉ cần có một mối quan hệ giữa một cái ‘ta’ giả định đó và các uẩn mà thôi, chứ nó đâu cần phải nhận lấy uẩn nào là cái ‘ta’. Theo Đức Phật, tất cả những giả định (về thân kiến) như vậy đều sụp đổ khi phân tích ra. Coi thêm phần “những suy xét về cái ‘ta’ trong kinh Đại Kinh về Duyên (*Mahānidāna Sutta*) (**DN II 66–68**) được dịch và giảng luận bởi TKBD trong quyển “Đại Kinh về Nhân Duyên”, trang **53–55, 92–98.**]

³ [Mẫu lời kinh này có xuất hiện nhiều chỗ trong Bộ Kinh này, gần giống hay hơi khác nhau chút ít, như trong **SN 12:24, 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:5.**]

⁴ [Chữ “yếu-tổ” (*dhatu*, giới) ở đây = “uẩn” (*khandha*): cách dùng này rất hiếm, chỉ có trong một số kinh như kinh này và các kinh **SN 22:45, 53, 54...**] (18)

⁵ [Lưu ý: ở đây không có ‘yếu-tổ thức là nhà của thức’: để tránh nhầm với nhiều loại thức nghiệp, thức quả trước và sau...; ‘nhà’ ở đây có nghĩa là một ‘điều kiện’ (duyên) của thức.] (19)

⁶ [Lưu ý: ở đây có lại ‘yếu-tổ thức là nhà của thức’: mục đích để chỉ ‘sự dẹp-bỏ ô-nhiễm’, bởi sự loại bỏ hoàn toàn ô-nhiễm là không chỉ đối với 4 uẩn kia, mà gồm tất cả năm uẩn] (21)

⁷ [Sự thân tình và dính líu như vậy với người tại gia được cho là không phù hợp với một Tỷ kheo; coi thêm **SN 9:07** và **SN 35:241.**] (24)

⁸ [Đoạn này cũng có trong kinh **SN 56:09**, cũng có trong kinh **DN I 8,9–16**, và một số chỗ khác.] (26)

⁹ [Một đoạn gần như giống hệt như vậy có trong kinh **MN 138** (III 227,25–229,9).] (32)

¹⁰ [Mẫu đoạn kinh này coi thêm kinh **SN 56:11.**] (38)

¹¹ ([Bậc Phúc Lành là dịch ý nghĩa chữ Pali “*sugata*”, theo một cách của thầy Tỳ Kheo Bô-Đề; nghĩa đen là “đi qua (bờ giải thoát) một cách thiện khéo”, hay “đã đi tới trạng thái thiện lành”], nên còn được dịch (HV) là bậc Thiện Thệ (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua).)

¹² [**Spk**: Gốc rễ của dục-vọng là vô-minh. Người tu búng nhổ dục-vọng cùng với gốc rễ vô-minh ở chặng thánh đạo A-la-hán.] (40)

¹³ [Ba bài kinh kế tiếp được ghi theo mẫu kinh của các kinh **SN 14:31–33**. Ngay dưới đây, các kinh **SN 22:29–30** là tương ứng với các kinh **SN 14:35–36**. **Spk** giải thích ba bài kinh trước là nói về Bốn Diệu Đế; hai kinh sau đó là nói về vòng luân hồi và sự chấm dứt luân hồi. Phiên bản song hành với kinh **SN 14:34** đã được gắn vào trong kinh **SN 22:60.**] (43)

¹⁴ [Nhu 3 loại chính: tham, sân, si, coi thêm **SN 63:03**; hoặc như 7 loại, coi thêm **SN 45:175**] (47)

¹⁵ (Sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại (đang trụ, đang có mặt) = sự biến đổi liên tục của mọi sự mọi thứ (pháp), bởi vì mọi sự mọi thứ đều ‘tồn tại’ dưới dạng “đang biến đổi”, cho nên có thể hiểu đó là sự biến đổi khi nó đang hiện hành (đang có mặt, đang tồn tại, đang trụ). Tức sự hiện hành hay tồn tại của nó là dựa trên sự biến đổi; hay nói cách khác, sự hiện hành của nó chính là sự biến đổi liên tục. Vì không có sự thể hay pháp nào tồn tại dưới dạng ‘thường trụ bất biến’.)

¹⁶ [Sự khởi-sinh, sự biến-mất, sự biến-đổi (*uppāda, vaya, thitassa aññathattam*). Trong kinh **AN I 152,6–10** chúng được gọi là ba đặc tính hữu vi (có điều kiện, do điều kiện) của những thứ hữu vi (*tṭhi saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni*). Những luận giảng đó là ba tiểu khoảng-khắc trong thời gian sống khoảng khắc của một thứ hay pháp (*dhamma*), đó là: khoảng khắc khởi-sinh (*uppāda*), khoảng khắc hiện-hành (*ṭhiti*; tồn tại, có mặt, trụ), và khoảng khắc hư-hoại hay biến-hoại (*bhaṅga*). [Để đọc thêm về chỗ này, coi

CMA 4:6.] Spk giải thích: *ṭhitassa aññathatta* là sự già đi, hư hoại, tàn hoại của một thực thể sống đang hiện hành (tồn tại) (*dharamānassa jivamānassa jarā*), tức sự tàn hoại của các căn sinh sống hay mạng căn của nó.] (50)

¹⁷ [TKBĐ: “về phương diện đó” tức là chỉ về phân đó, nghĩa là: hết-dục về phần thân-sắc. Trạng thái hết-dục này có thể gần như Niết-bàn, nhưng vẫn chưa hẳn đồng nghĩa với ‘Niết-bàn’, tức chưa thể đồng nghĩa là ‘người đó đã Niết-bàn về phương diện đó’.] (56)

¹⁸ [**Spk**: “nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng” (*sammappaññāya*) là trí-tuệ của phần thánh đạo cộng với minh-sát tuệ. Tâm trở nên chán-bỏ (*virajjati*) trong thời trong thánh đạo, và được giải-thoát (*vimuccati*) trong thời thánh quả.] (58)

¹⁹ [**Spk**: Nó ổn định (*ṭhitam*) bởi vì không còn phải làm gì nữa; và hài lòng (*santussitam*) bởi vì những gì cần chúng ngộ đã được chúng ngộ.] (18)

²⁰ [Tôi coi câu nói ngắn này là mô tả tiến trình tái-sinh xảy ra dựa trên sự tồn tại của sự si về một cái ‘ta’ cá thể. Chữ gốc-gác (*avakkanti*)—của thức, của phần danh-sắc—chỉ sự khởi đầu của một sự hiện-hữu mới [như trong kinh **SN 12:39, 58, 59**]. **Spk**: Khi còn nhóm các ô-nhiễm này thì còn sự tạo ra năm giác-quan do tác động (duyên) bởi những ô-nhiễm và nghiệp.] (62)

²¹ [**Be** và **Ee** bỏ mất mấy câu trong ngoặc [...] về cảm-giác và nhận-thức. Kinh này và kinh kế tiếp có thể so sánh với kinh **SN 12:38–40, 12:64, và 22:3.**] (70)

²² [Bị cắt bỏ bởi vì/thông qua sự thiếu-mất khả năng kết tủa nên sự tái sinh.] (71)

²³ [**Spk**: thức không phát sinh là thức không-còn tạo ra những sự tạo-tác cố-ý (hành). Nó ‘được giải thoát’ vì nó không tạo ra sự tái sinh.] (72)

²⁴ [**Spk**: năm loại mầm-giống (bīja) thực ra là năm phương tiện truyền phát, truyền bá. **Spk** dẫn ra năm loại từ **Vin IV, 35.**] (73)

²⁵ [Coi thêm ví dụ hạt giống trong kinh thi kệ **SN 05:09**; coi thêm sự so sánh thức với hạt giống ở **AN I 223-224.**] (74)

²⁶ (Coi chú thích (71) của kinh **SN 22:53** ở trên về câu này.)

²⁷ [Lời này Đức Phật thốt ra do có niềm hoan-hỷ cao độ khi đang quán chiếu lại ‘tính giải-thoát’ của Giáo Pháp. Năm gông-cùm nhẹ đô là: Tham, sân, cách nhìn có danh-tính (thân kiến), sự nghi ngờ, và sự đính chấp các nghi luật và những thệ nguyện (*sīlabbatupādāna*, giới cấm thủ, mê tín). Quan điểm tự-diệt (đoạn kiến) cũng được nói trong kinh **SN 22:81**, và cũng được xếp vào loại những cách-nhìn sai lạc (tà kiến) trong kinh **SN 22:152** và **24:04**] (75)

²⁸ [Ở đây “*sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm*” là chỉ thánh quả A-la-hán, và dường như vị Tỳ kheo đó đang hỏi ‘liệu một người tu có thể chứng ngộ thánh quả A-la-hán trực tiếp, mà không cần phải qua giai đoạn Bất-lai?’.

Spk giải thích rằng: có hai loại chứng ngộ lập-tức (*anantara*), đó là loại ‘cận’ và loại ‘xa’. Minh-sát tuệ là nguyên nhân lập-tức kế cận đối với thánh-đạo [bởi thánh đạo siêu thế khởi sinh khi tuệ minh sát đã đạt tới đỉnh điểm của nó], và thứ hai là nguyên nhân lập-tức từ xa đối với thánh-quả [bởi thánh quả trực tiếp theo sau thánh đạo]. Vì vậy Tỳ kheo đó mới hỏi theo nghĩa là: “*Theo cách nào một người biết và thấy, bằng tuệ minh-sát là nguyên nhân lập-tức, để chứng ngộ thánh quả A-la-hán được gọi là “sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm”?*”] (78)

²⁹ (Coi chú thích (71) của kinh **SN 22:53** ở trên về câu này.)

³⁰ (Coi chú thích (72) của kinh **SN 22:53** ở trên về câu này.)

³¹ [“*Catuparivaṭṭa*” nghĩa gốc là: bốn lượt, bốn phiên chuyển, bốn vòng quay; tức ứng dụng Bốn Diệu Đế cho mỗi uẩn.] (80)

³² [Coi thêm kinh **MN 115** nói về những kỹ-năng điều tra tìm hiểu theo ba cách yếu-tố (giới), giác-quan (căn), và sự khởi-sinh tùy-thuộc (lý duyên khởi).] (88)

³³ [TKBĐ: Ở đây, chữ ‘*người được giải thoát nhờ trí-tuệ*’ ở cuối câu này có lẽ là chỉ **tất cả** các A-la-hán chứ không phải để phân biệt với những A-la-hán được giải thoát bằng ‘sự giải thoát của-tâm’, hay ‘được giải thoát bằng cả hai cách’; (tức, chữ đó như một cách gọi chung cho tất cả người tu được giải thoát). Không như kinh **MN I 477–778** thì giảng giải về sự khác-biệt của ba loại giải-thoát đó. Coi thêm chú thích kinh **SN 12:58**.] (89)

³⁴ [“*Đặc tính vô-ngã*” (vô-ngã tướng) là tên bài kinh thứ hai Phật đã thuyết giảng (cho nhóm năm người bạn tu khổ hạnh với Phật trước đó, có ngài Kiền-trần-như), theo ghi chép trong luận giảng **Vin I 13–14** về sự nghiệp truyền dạy Giáo Pháp của Phật. Năm vị Tỳ kheo đó là năm người đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật, những người đó lúc đó vẫn còn là những người đang tu học, tức còn là học-nhân (sekha). Đức Phật đã giảng bài kinh này để dẫn họ đạt tới sự giác ngộ thánh quả A-la-hán.] (90)

³⁵ [Trong kinh “*Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ*” (*Sāmaññaphala Sutta*, Sa-môn Quả) thì quan-điểm “phi nhân duyên” (*ahetukavāda*, không có nguyên nhân và điều kiện) này được gán cho vị thầy của giáo phái Kỳ-na giáo là Makkhali Gosāla [**DN I 53**]. Cũng trong kinh trên, giáo lý về sự “phi nghiệp quả” (*akiriyavāda*, vô hiệu quả của hành động) được cho là của Pūraṇa Kassapa; [**DN I 52–53**], [kinh **SN 24:06** cũng có nói nhưng không nói là của ai]. Còn ở kinh **SN 46:56** thì một giáo lý “phi nhân duyên” khác cũng được cho là của Pūraṇa Kassapa.] (92)

³⁶ [Coi thêm kinh **SN 14:34**.] (93)

³⁷ [Kinh này như một phiên bản ‘rút gọn’ của bài Kinh Lửa nổi tiếng (**SN 35:28**) dùng ẩn dụ ‘bốc cháy’ đối với mười hai cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài (sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan). Có lẽ kinh **SN 22:61** này đã được soạn ra từ Kinh Lửa đó để thay vào đó bằng năm-uẩn, và rồi ‘nén’ thật ngắn lại để làm cho nó không giống hay ngang bằng bài Kinh Lửa rất nổi tiếng kia.] (36)

³⁸ [**Spk**: ở đây cả ba đều đồng nghĩa; bản thân chữ nghĩa hay ngôn ngữ là đường lối, vì nó là phương tiện để giao tiếp, biểu nghĩa.] (95)

³⁹ [**Spk**: sự dính-chấp (*upādiyamāno*): sự nắm giữ, nắm chặt, bám chặt, chấp giữ (điều gì) do dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm sai lạc (dục, ngã mạn, tà kiến). Trong hai kinh kế tiếp, sự nhìn-nhận (*mañña- māno*) và sự tìm-kiểm khoái lạc (*abhinandamāno*) cũng được giải thích theo ba lý do chính này.] (97)

⁴⁰ [**Spk**: tức, cõi chúng sinh ‘không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)] (99)

⁴¹ [Sự quấy-động = dục vọng, vì vậy “bất-động” ở đây = không còn bị quấy động bởi dục vọng.] (100)

⁴² [Bảy phẩm-hạnh, gồm: niềm tin, sự xấu hổ về mặt đạo đức, sự sợ hãi việc làm sai trái, sự học hiểu, năng lượng nỗ lực, chánh niệm, và trí tuệ. Coi thêm kinh **MN I 356,1–21**; **DN III 252,10–12**.] (101)

⁴³ [Bảy châu-báu: bảy yếu tố giác ngộ (thất giác chi); coi thêm **SN 46:42**. Ba-phần tu-tập, gồm: giới hạnh cao hơn, tâm cao hơn, và trí tuệ cao hơn.] (102)

⁴⁴ [Mười yếu-tố: gồm tám phần Bát Thánh Đạo đã hoàn thiện cộng với sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đặc biệt chúng được biết là mười của một người tu đã vượt trên sự tu tập hay học-nhân, tức đã thành bậc vô-học-nhân [*asekha*]. Coi thêm kinh **MN I 446,29–447,6**, **II 29,2–12**, vẫn

vân. Về chữ ‘con rồng’ [nāga], coi chú thích chi tiết ở kinh **SN 1:37**, thi kệ 122.] (103)

⁴⁵ [Spk: ba sự phân-biệt đối đãi: ba ý niệm này nọ về cái ‘ta’ như: “*Tôi tốt hơn*”, “*Tôi bằng*”, “*Tôi kém hơn*”.] (104)

⁴⁶ [Đoạn này cũng có ở kinh **SN 12:21**, coi thêm chú thích của nó. Spk tham chiếu theo kinh **SN 22:56** để giải thích về sự sinh và diệt của năm uẩn.]

⁴⁷ [Spk: “*hầu hết họ*” (*yebhuyyena*) là tất cả họ ngoại trừ những thiên thần là những thánh đệ tử (như Nhất-lai, Bất-lai) (?) “*Bị nằm trong cái danh-tính này*” (*sakkāyapariyāpannā*): tức nằm trong năm-uẩn này. Như vậy Đức Phật đã dạy cho họ Giáo Pháp được ấn chứng bởi ba đặc-tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra cho thấy những khuyết-điểm của vòng luân hồi hiện-hữu, sự sợ-hãi và khiếp-sợ khi biết rằng mình đang ở trong cái vòng đó.] (107)

⁴⁸ [Spk: Mặc dù chỗ này nói về sự trống-không, nhưng chưa nói tới *đặc tính trống-không* hay *tính-không* (*suññatālakkaṇa*). Đoạn kinh này được đưa vào để chỉ cái đặc tính trống-không đó. Spk-pt: Bởi vì sắc, cảm-giác... không phải là cái ‘ta’ hay ‘thuộc về cái ta’ nào cả, nó không có thực thể thực tính và chủ thể nào cả, nó là trống không, tức không có cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào cả. Bản chất của nó là sự trống không, đặc tính của nó là “luôn bị biến dạng, biến sắc, biến thể, biến đổi...”.] (109)

⁴⁹ [... Spk nói thêm rằng sự “*bị biến dạng*” là đặc tính riêng (*paccattalakkhaṇa*) của thân-sắc, khác với của cảm-giác và các uẩn còn lại; nhưng những đặc tính chung (*sāmaññalakkhaṇa*) của năm uẩn là “vô thường, khổ, vô ngã”.] (110)

⁵⁰ [Về tám vị, coi thêm kinh **SN 47:08**.] (114)

⁵¹ [Coi phần kết các kinh **SN 22:09—11**.] (115)

⁵² [Spk cho rằng sau khi bài kinh này được nói ra, có 500 Tỳ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán.] (119)

⁵³ (Lưu ý: Thích-ca [Sakya] là một xứ, một vương quốc của họ tộc Thích-Ca; họ tộc Thích-Ca gồm có nhiều dòng họ khác sống trong vương quốc hay xứ Thích-ca đó. Ví dụ: Phật thuộc họ tộc Thích-ca, họ gia đình của Phật là Cồ-đàm [Gotama]).

⁵⁴ [‘Lý do rõ ràng’: khi Phật dẫn đoàn Tỳ kheo tới thành Kapilavattu, những người họ tộc Thích-Ca đã cúng dường nhiều thứ cho đoàn Tăng, rồi các Tỳ kheo đã tranh cãi việc phân chia những vật phẩm cúng dường..., cho nên Phật đã bỏ họ đi, như muốn dạy cho họ một bài học về mục-tiêu đích-thực của sự tu-hành và sự từ-bỏ là gì...] (120)

⁵⁵ [Đoạn kinh tương tự cũng có trong kinh **MN I** 457–459, nhưng trong kinh đó thì trước tiên những người họ Thích-ca đã xin Phật tha thứ lỗi cho các Tỳ kheo đã cãi nhau, tiếp theo là vua trời Brahmā Sahampati cũng đã hiện ra thỉnh cầu Phật tha lỗi và chỉ dạy Giáo Pháp cho họ. Trong bản kinh **MN** thì thứ tự của hai ví dụ được đảo ngược lại.] (121)

⁵⁶ [Spk: nếu đi thành đoàn hay nhóm lớn thì có vẻ không kính trọng Phật hoặc không thể chú tâm nghe nhận Giáo Pháp; họ đi riêng lẻ và từng cặp là thể hiện sự kính trọng và có thể nghe nhận lời dạy Giáo Pháp]. (122)

⁵⁷ (Ví dụ như người ta hay chửi nhục người khác là “Đồ ăn mày”. [Spk người thòi đó hay chửi nhục đối thủ hay người mình khinh ghét bằng cau như “Ông chỉ còn cách kiếm cái áo cà sa mặc rồi đi lang thang mà xin ăn thôi.”]) (123)

⁵⁸ [“*sự định-tâm vô dấu hiệu*” (*animitta-samādhī*) (vô hình tướng). Spk: tức là chỉ sự định tâm-minh sát tuệ (*vipassanā-samādhī*); nó được gọi là vô dấu hiệu vì trạng thái đó đã loại bỏ những dấu hiệu của sự thường-hằng...] (124)

⁵⁹ [Có đoạn kinh song hành giống vậy, coi **MN I 511,30–512,2.**] (126)

⁶⁰ [Spk: sau khi bài kinh được nói xong, 500 Tỳ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán cùng với những sự hiểu-biết (trí) phân tích (*paṭisambhidā*).] (127)

⁶¹ [Spk cho rằng: kinh này là lúc xảy ra vụ tranh cãi của các Tỳ kheo ở Tịnh Xá Ghosita. Và sau ba lần cố hòa giải các bên tranh cãi không xong, Phật đã bỏ đi. Toàn bộ câu chuyện này, coi thêm **Vin I 337–357**; quyển ‘Cuộc Đời của Đức Phật’ của nhà sư Ñāṇamoli, trang 109–119.] (Coi thêm quyển “*Giáo Trình Phật Học*” của Chan Khoon San, chương cuối “*Cuộc Đời Đức Phật*”). (128)

⁶² [Spk: không phải là các Tỳ kheo tranh cãi đó. Đoàn Tỳ kheo này gồm tới 500 Tỳ kheo từ nhiều vùng khác nhau, sau kỳ an cư mùa mưa.] (130)

⁶³ [Spk: làm cách nào để chứng ngộ lập-tức thánh quả cao nhất A-la-hán. Coi lại kinh **SN 22:55** và chú thích chỗ này của nó.] (131)

⁶⁴ [Spk: tức, sau khi đã vượt qua bằng sự hiểu-biết có khả năng phân biệt bản chất thực của những hiện tượng (pháp) khác nhau. Và tiếp theo liệt kê các phần tu, tổng cộng là 37 phần trợ giúp giác ngộ (bồ-đề phần).] (132)

⁶⁵ [Tức như: nếu ta đã không tạo tác nghiệp, thì sẽ không có năm-uẩn này đối với ta; Nếu ta sẽ không tạo tác nghiệp tạo ra năm-uẩn, thì sẽ không còn tái sinh trong tương lai.... Coi lại kinh **SN 22:55** ở trên và chú thích (75) của nó.] (135)

⁶⁶ [Spk: Ngay cả khi *nghi-ngờ* (*vicikicchā*) không tồn tại trong các tâm (*citta*) dính với dục-vọng, thì sự tạo tác sự nghi-ngờ vẫn khởi sinh bởi vì dục-vọng chưa được dẹp bỏ. Vì nghi-ngờ vẫn còn khởi sinh trong người chưa trừ bỏ dục-vọng.] (136)

⁶⁷ [Toàn bộ lời bài kinh này cũng nằm trong kinh **MN 109**.] (138)

⁶⁸ [Theo cách nào năm uẩn bắt nguồn từ dục-vọng, coi lại kinh **SN 22:05** và chú thích của nó.] (139)

⁶⁹ Phần hỏi đáp này cũng có trong kinh **MN I** 299,33–300,3; coi thêm kinh **SN 22:121** ở dưới.

Spk: “*Sự dính-chấp không phải là một với năm uẩn bị dính chấp*”: bởi vì năm-uẩn không thể được quy gọn lại chỉ là tham-muốn và nhục-dục; “*nhưng sự dính-chấp cũng không phải khác với năm uẩn bị dính chấp*”: bởi vì không có sự dính-chấp nào nằm ngoài năm-uẩn bị dính chấp như những yếu tố đồng sinh hay là đối tượng. Khi một tâm (*citta*) dính dục-vọng xảy ra, thì thể sắc được tạo ra bởi tâm đó thuộc về uẩn sắc, và những trạng thái thuộc tâm còn lại, ngoại trừ dục-vọng, là thuộc về bốn uẩn kia: như vậy, không có sự dính-chấp nào như yếu tố đồng sinh nằm ngoài năm-uẩn cả. [Ngoại trừ dục-vọng: bởi vì dục-vọng là thứ dính chấp vào năm uẩn, và một yếu tố thuộc tâm (dục-vọng) thì không thể tự dính chấp vào chính nó]. Rồi, cũng như vậy, không có sự dính-chấp nào như một đối tượng nằm ngoài năm-uẩn cả, bởi vì khi sự dính-chấp khởi sinh thì nó lấy đối tượng là một uẩn nào đó (để khởi sinh), chẳng hạn như uẩn sắc

⁷⁰ [“*Cho sự thể-hiện của uẩn thân-sắc*” (*rūpakkhandhassa paññāpanāya*). Có lẽ nên dịch câu này là “*cho sự mô-tả về năm uẩn*”. Chữ *paññāpana* nghĩa gốc là sự “làm cho biết, làm cho thấy” và thứ “được làm cho biết, làm cho thấy” bằng cách thể hiện ra hay bằng cách được mô tả (để người ta biết hay thấy). (141)

⁷¹ [Spk thì không giải thích chỗ này; nhưng **MA** cho rằng vị Tỷ kheo này đã trượt qua tư tưởng trường tồn bất-diệt.] (142)

⁷² [Đối chiếu cho thấy, kinh **MN 109** kết luận bằng câu nói rằng trong khi bài kinh này đang được nói ra, tâm của 60 Tỷ kheo đã được giải thoát khỏi ô-nhiễm. Spk thì nói rằng: mỗi khi kết thúc một bài kinh trong **NHÓM 3** này thì có 500 Tỷ kheo đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán! Bài kệ cuối kinh này

có trong phiên bản **Be** và **Ee**, nhưng không có trong phiên bản **Se** và trong kinh **MN 109.**] (144)

⁷³ [Về thầy Phú-lâu-na, coi thêm kinh **SN 14:15.**] (144)

⁷⁴ [Spk: thầy ấy thâm nhập Bốn Diệu Đế bằng trí tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (147)

⁷⁵ [Coi kinh **SN 21:09.**] (148)

⁷⁶ [Spk: nghĩa như là “*như bị uống phải thứ nước ngọt mà độc, tôi bị mất phương hướng...*”. Chữ “*những giáo pháp*” ở đây là chữ *dhamma* (viết thường) nên có thể có nghĩa: mọi thứ, mọi sự, mọi điều, pháp, mọi giáo lý.] (149)

⁷⁷ [TKBD: Lập trường của thầy này không hẳn là giống tư tưởng tự-diệt, bởi thầy ấy không cho rằng mọi chúng sinh đều bị hủy diệt sau khi chết. Dường như thầy ấy có (i) quan điểm trường tồn bất diệt đối với những chúng sinh không giác ngộ [do họ có một bản ngã trường tồn di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác] và (ii) quan điểm tự-diệt đối với A-la-hán [do A-la-hán hoàn toàn tịch diệt sau khi chết.

Spk: nếu ý của thầy ấy là “*Những sự tạo-tác cố-ý (hành) sinh rồi diệt; đó là một tiến trình đơn giản của những sự tạo-tác đạt tới sự không-còn xảy ra*”, thì đó không phải là một quan-điểm (*ditthigata*) mà là một sự hiểu-biết đúng theo Giáo Pháp. Nhưng do thầy ấy nghĩ “*Một chúng sinh sẽ bị tiêu diệt và hủy diệt*”, ý này là một quan-điểm. Phần tiếp tục của kinh là tương tự song hành với kinh **MN I 130–31 and I 256–57.**] (151)

⁷⁸ [Spk: thầy ấy đã thâm nhập Bốn Diệu Đế bằng trí tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (155)

⁷⁹ [Spk: đoạn này được coi như giải thích thêm cho cách-ngôn của Phật: “*Ta chỉ nói về sự khổ và sự chấm dứt khổ*”.] (156)

- ⁸⁰ [Coi thêm **SN 12:15** và các chú thích của nó.] (160)
- ⁸¹ [Riêng câu cuối cùng không có trong phiên bản **Be**.] (161)
- ⁸² [Lời bài kinh này cũng có trong **SN 44:02**, nhưng ở đây các vấn-đáp được ghi đầy đủ hơn.] (162)
- ⁸³ [Coi thêm kinh **MN I 140**] (165)
- ⁸⁴ [Thầy Vakkali được Phật coilà đệ nhất về niềm-tin bất thối chuyển.] (166)
- ⁸⁵ [Cử động, cựa mình, muôn ngòì dậy là để tỏ lòng kính trọng và chào đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và lời đoạn kinh tiếp theo cũng giống lời trong kinh **SN 35:74**.] (167)
- ⁸⁶ [Chỗ đó cùng chỗ Ngài Godhika đã tự kết liễu thân mình, và sau đó Niết-bàn, như kinh **SN 4:23**.] (169)
- ⁸⁷ [Tức: giải thoát thân, bằng cách tự kết liễu thân bệnh đau đón của mình.] (170)
- ⁸⁸ [Tức: giải thoát, và lập tức chứng thánh quả A-la-hán.] (171)
- ⁸⁹ [TKBĐ: khi đã chuyển thừa với Phật bằng những lời như trên, thầy Vikkali chứng tỏ mình đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán; mặc dù Spk không khẳng định lúc đó thầy ấy đã là vậy, nhưng dựa theo lời kinh thì khó mà nói giảng luận là đúng. So sánh với các câu chuyện về các Tỳ kheo khi tự kết liễu bản thân đã nghĩ mình là một A-la-hán, như kinh **SN 35:87** này. Godhika trong kinh **SN 4:23** (và coi thêm các chú thích của nó) đã tự sát vì sự tuyệt vọng với sự bệnh đau quá sức chịu đựng của thân. Thầy ấy cũng chứng thánh quả A-la-hán ngay khi chết.] (172)
- ⁹⁰ [TKBĐ: tôi đọc câu này theo **Be**: *gelaññe passambhetvā passambhetvā kāyaṣaṅkhāre viharāmi, so 'haṃ samādhim nappaṭilabhāmi*. Ở đây, 'những sự

tạo-tác thuộc thân’ chính là sự thở-vào và thở-ra (*assāsa-passāsa*); coi thêm kinh **MN I 56,20–22** và **MN I 301,20–21** (tức = **SN 41:06**).

Spk: người đó duy trì sự lẳng lặng của sự ‘thở vào-thở ra’ khi người đó đang an trú trong tầng thiền định thứ tư, trong trạng thái đó hơi-thở đã ngưng thở [**SN 36:11**]. Do người đó bị rút ra khỏi tất cả các trạng thái tầng thiền định mà mình đã từng chứng nhập trước đó, nên người đó cứ lo nghĩ “*Ta sẽ bị không rút khỏi Giáo Pháp này.*”] (173)

⁹¹ [Spk: Như Phật đã từng nói: “*Trong Giáo Pháp của ta, đó [sự định-tâm] không phải là cốt lõi; cốt lõi là tuệ minh sát, thánh đạo, và thánh quả.*”] (174)

⁹² [Đoạn này nêu rõ sự khác-nhau thiết yếu giữa bậc học-nhân (*sekha*) và A-la-hán. Bậc học-nhân đã loại bỏ quan điểm danh-tính (thân kiến) và do vậy không còn nhìn nhận bất kỳ uẩn nào là cái ‘ta’, nhưng họ vẫn chưa loại bỏ vô-minh, vô-minh còn duy trì tàn dư hơi hướng của sự tự-ta và sự tham muốn ‘ta-là’ (*anusahagato asmi ti māno asmi ti chando*) trong liên quan với năm uẩn. Ngược lại, bậc A-la-hán thì đã nhổ sạch vô-minh, là gốc rễ của mọi quan niệm sai lầm, và do vậy không còn dung dưỡng ý tưởng nào về cái ‘ta’ hay ‘của-ta’. Những trưởng lão kia rõ ràng chưa chứng ngộ tầng giác-ngộ nào và do vậy không hiểu được sự khác-nhau này; nhưng Ngài Khemaka chắc chắn đã chứng ngộ ít nhất thánh quả Nhập-lưu [Spk-pt: một số người cho rằng ngài đã là bậc thánh Bất-lai, số khác cho rằng ngài là Nhất-lai] và do vậy ngài đã biết rõ sự loại bỏ quan điểm về danh-tính là chưa hẳn đã loại bỏ hết cái cảm-nhận về danh-tính cá nhân của mình. Ngay cả đối với bậc thánh Bất-lai thì “cái mùi chủ-thể” vẫn còn phảng phất trong khắp sự trải nghiệm của mình.] (176)

⁹³ [Spk: Tiến trình tâm của người phạm phu giống như một tấm vải dính đất bụi, dơ bẩn. Ba phần tu thiền quán [về tính vô thường, khổ, vô ngã] thì giống như ba loại chất tẩy giặt tẩy những thứ dơ bẩn ô nhiễm đó. Tiến trình tâm của bậc thánh Bất-lai thì giống như tấm vải đã được giặt tẩy bằng ba loại chất tẩy [và bậc ấy đang tu tiếp chặng thánh đạo A-la-hán để tiến tới chứng ngộ thánh

quả A-la-hán]. Toàn bộ ô-nhiễm đã được tẩy sạch bởi chặng thánh đạo A-la-hán, chỉ còn lại chút tàn dư hơi hướng giống như mùi của nước tẩy hay xà bông còn phảng phất trên tấm vải đã sạch. Còn sự hiểu-biết (trí) ở chặng thánh đạo A-la-hán thì giống như một ngăn tủ thơm tho mùi thơm, và tiến trình diệt sạch mọi ô-nhiễm bằng chặng thánh đạo này giống như sự phai biến dần dần và sạch sẽ cái mùi của các chất tẩy còn vương trên tấm vải; sau một thời gian nó được đặt vào ngăn tủ nó sẽ dần dần biến sạch luôn.”. (Sự biến sạch cái tàn dư hơi hướng của cảm-nhận về cái ‘ta’ chính là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán).] (178)

⁹⁴ [Spk nhận diện thầy Channa chính là người lái xe ngựa của Đức Phật (lúc còn là thái tử) đã đưa Phật ra khỏi kinh thành vào cái đêm thực hiện cuộc xuất-gia mãi mãi của Phật. Channa đã thụ giới thành Tỳ kheo, nhưng do ý vào mối quan hệ thân cận của mình với Phật, thầy ấy thường tư cao tự đại, thị uy và ăn nói gắt gỏng với các Tỳ kheo khác. Không lâu trước khi Phật bát-niết-bàn, Phật đã chỉ dụ cho Tăng Đoàn áp đặt hình phạt brahma-danda [một hình thức cảnh cáo im lặng; coi kinh **DN II** 154,18–23]. (Theo nhà sư W. Rahula, “brahma” là thuộc bậc Trời, cao quý; ‘-danda’ có nghĩa là cây gậy, gậy gộc, hình phạt. “*Brahma-danda*” có nghĩa là hình phạt dành cho các bậc cao quý). Giờ, khi Channa nhận ra mình bị Tăng Đoàn coi là thành phần bất-xứng, thầy ấy thấy run sợ bởi cảm-nhận cấp-bách (saṃvega) phải mau chóng tu tập mới có thể giác ngộ. Đó là hoàn cảnh của bài kinh khi thầy ấy bắt đầu đi thỉnh cầu những bậc trưởng lão chỉ giáo cho mình tu tập.] (179)

⁹⁵ [Spk: *Mọi sự tạo-tác trong ba cõi/cánh giới (sabbe tebhūmakā saṅkhārā)* là vô thường; *mọi hiện-tượng trong bốn cõi (sabbe catubhūmakā dhammā)* đều vô ngã. Vì sao các Tỳ kheo không đề cập luôn đặc tính “khổ”? Do họ nghĩ “Channa là người hay tranh cãi. Nếu nói tới “khổ” thầy ấy sẽ cãi và có thể nói ngang kiêu như: ‘Nếu sắc uẩn, thọ uẩn... đều là khổ thì đạo và quả cũng là khổ, vậy người tu chẳng chứng đắc được gì ngoài sự khổ...’ Do vậy họ chỉ nói về vô thường và vô ngã để khỏi bị bắt bẻ.

Coi thêm kinh **MN I 228**,10–14, 230,5–8, trong đó chỉ đề cập về tính “vô thường” và “vô ngã” trong bối cảnh mọi người rõ ràng đang tranh cãi. Luận giảng về đoạn kinh đó cũng đưa ra giải thích tương tự như trên về lý do không nhắc đến “khô”.] (180)

⁹⁶ [*Sự trơ-cần (khilam pabhindi)*]; có năm loại sự trơ-cần của tâm (*cetokhila*) theo kinh **MN I 101**, vấn đề của Channa có lẽ thuộc loại thứ năm, bởi trước giờ Channa thường hay ‘cao ngạo và khinh thường’ đối với các Tỷ kheo khác (do ý mình từng là người lái xe ngựa của Phật khi Phật còn là thái tử).] (182)

⁹⁷ [Spk: ‘*hiện tượng-thế giới*’ hay ‘*pháp thế gian*’ ở đây là chỉ: năm-uẩn; ‘*trong thế giới*’: là trong thế giới của những sự tạo-tác, thế giới các hành (*saṅkhāra-loka*).

Năm uẩn = hiện tượng-thế giới hay pháp thế gian. Spk: Năm uẩn được gọi như vậy vì bản chất của chúng là tan rã (*lujjanasabhāvattā*). Chữ *loka* xuất phát từ chữ *lujjati* như đã nói trong kinh **SN 35:82**. Về mặt từ nguyên thì không chấp nhận suy theo nghĩa đen như vậy, nhưng ở đây chỉ dùng cho mục đích sư phạm (để chỉ dạy)] (186)

⁹⁸ [Spk: trong bài kinh nói đến ba loại thế giới. (i) “*Ta không tranh chấp với thế gian*”: tức thế giới của chúng sinh [thế gian] (*sattaloka*). (ii) “*Hiện tượng-thế giới*” [pháp thế gian]: ở đây là thế giới của những sự tạo-tác (*saṅkhāraloka*). (iii) “*Như Lai được sinh ra trong thế gian*”: ở đây chỉ thế giới địa lý (*okāsaloka*), địa cầu này. Ví dụ này cũng có trong kinh **AN II 38**,30–39,3; coi thêm **AN V 152**,12–16.] (187)

⁹⁹ [Spk: lúc này Phật ra khỏi chỗ ẩn cư là ‘Hương Thất’ và đến ngồi bên bờ sông Hằng...] (188)

¹⁰⁰ [Ví dụ thân-cây-chuối này cũng được dùng trong kinh **MN I 233** nhưng để diễn đạt một giáo lý khác.] (193)

¹⁰¹ [Spk: thức giống như màn ảo thuật (*māyā*) theo nghĩa nó là không thực, không thực chất, và không thể nắm bắt được. Thức thậm chí còn biến đổi và biến nhanh hơn cả ảo thuật hay ảo tưởng. Vì nó tạo cảm tưởng rằng một người đến đi, đứng ngồi, với cùng một cái tâm, nhưng thực ra trong mỗi hành vi đến, đi, đứng, ngồi... mỗi tâm khác nhau. Thức đánh lừa gấp muôn vàn lần hơn cả màn ảo thuật.]

Một bài viết hiện đại giảng giải một cách song hành như vậy về bản chất đánh lừa của thức, cũng giải thích bằng ví dụ này, trong quyển “*Ảo Thuật Gia của Tâm*” của nhà sư Ñāṇananda, trang **5–7.**] (194)

¹⁰² [Lời kinh quen thuộc này giống trong các kinh **SN 15:01...** trong chương/liên-kết “Vô-Thủy”.] (203)

¹⁰³ [Về sự hủy diệt thế giới bằng lửa, coi **Vism 414–17 (Ppn 13:32–41).**] (204)

¹⁰⁴ [Ví dụ con chó bị xích này cũng có trong kinh **MN II 232,24–233,4.** Spk: Người phạm phu ngu tối giống như con chó; cách-nhìn của họ giống như sợi dây xích; danh-tính cái ‘ta’ (*sakkāya*) của họ giống như cái cột. Sự chạy quanh cái cột của con chó bởi bị xích dây cũng giống như sự chạy quanh danh-tính cái ‘ta’ của con người do bị trói buộc bởi dục-vọng và những kiến-chấp này nọ.] (205)

¹⁰⁵ [Thực sự cái nghĩa gốc của tên bức họa là không rõ ràng; cho dù vài luận giảng nói bức họa vẽ những đường ác và đường thiện và nghiệp quả của chúng...]

¹⁰⁶ [Ví dụ này cũng có ở kinh **SN 12:64.**] (209)

¹⁰⁷ [Chỗ này liệt kê lại tổng cộng 37 phần tu trợ giúp dẫn tới sự giác-ngộ, tức 37 phần bồ-đề, hay 37 phần trợ đạo trong đạo Phật.] (211)

¹⁰⁸ [Giống ví dụ trong **SN 45:158.**] (214)

¹⁰⁹ [Chữ *antā*, nghĩa gốc là “các đầu cuối, biên”; Spk giải thích ở đây nó đồng nghĩa chữ *koṭṭhāsā* (?) và cho rằng bài kinh này diễn dịch năm-uẩn theo cách Bốn Diệu Đế.] (217)

¹¹⁰ [Đề ý: trong bài kinh kể trên (**SN 22:109**) nói về bậc “*Nhập-lưu*”, Phật đã định nghĩa và gọi bằng ‘*một người đệ tử thánh thiện*’: là người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa diệt sạch những ô-nhiễm và gông-cùm trói buộc. Còn trong bài kinh (**SN 22:110**) này (và chỗ khác), thì bậc “*A-la-hán*” (cũng như các danh từ “*người đã giải thoát*”, “*người đã niết-bàn*”) thì Phật luôn định nghĩa và gọi bằng ‘*một Tỳ kheo*’.] (221)

¹¹¹ (Đề ý: trong những kinh khác Phật cũng định nghĩa vô-minh là sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế ...)

¹¹² [Coi thêm kinh **SN 12:16**.] (222)

¹¹³ [Tên kinh trong phiên bản **Ee** là *Parimucchita* (Giải Thoát), nó nên được sửa lại thành chữ *Paripucchita* (*Sự Vấn Hỏi, Sự Chặt Vắn*)] (224)

¹¹⁴ [Danh sách các tính từ này cũng được thấy trong các kinh khác của các Bộ Kinh [như trong **MN I 435,33–35**, **MN I 500,3–5**, **AN II 128,16–18**, **AN IV 422,25–423,1**]. 11 một tính từ này lại được mở rộng thành 40 trong **Paṭiṣ II 238**, và được đề cập trong **Vism 611–13 (Ppn 20:19–20)**.

Spk thì thu chúng lại thành ba nhóm quán-niệm (thiền quán): “vô thường” và “tan rã” đại diện cho sự ‘quán niệm tính vô-thường’; “trống không” và “vô ngã” đại diện cho sự ‘quán niệm tính vô-ngã’; và số còn lại là đại diện cho sự ‘quán niệm tính khổ’.

Tuy nhiên, **Vism 613** và **Ps III 146,13** thì đưa tính từ “như kẻ lạ” (*parato*) vào nhóm ‘quán niệm tính vô-ngã’, trông có vẻ đúng lý hơn.] (225)

¹¹⁵ [Spk: ‘*không còn gì để làm thêm nữa*’ tức đã làm xong bốn phần tu theo Bốn Diệu Đế, coi kinh **SN 56:11**; và ‘không cần lặp lại những gì đã làm xong’: không cần tu lại thánh đạo đã tu thành, không cần dẹp bỏ lại những ô-nhiễm đã loại bỏ.] (226)

¹¹⁶ [Giống lời trong kinh **SN 22:39**] (228)

¹¹⁷ [Ba bài kinh **SN 22:147, 148, 149** này là tương ứng với ba kinh **SN 22:40, 41, 42.**] (229)

¹¹⁸ [Đây là quan điểm bất-diệt (thường kiến), coi lại kinh **SN 22:81** và chú thích của nó.] (232)

¹¹⁹ [Đây là quan điểm tự-diệt (đoạn kiến), coi lại kinh **SN 22:81** và chú thích của nó; coi thêm **SN 22:55** và chú thích đoạn này của nó.] (233)

¹²⁰ [*Micchādiṭṭhi*: cách nhìn, quan điểm, kiến chấp sai lạc; tà kiến. Trong các bộ kinh thường có chỗ coi đây là cách nhìn của chủ nghĩa hư vô, ví dụ như trong kinh **MN I** 287,12–18. Coi thêm lời kinh như vậy trong kinh **SN 24:05.**] (234)

¹²¹ [*Sakkāyadiṭṭhi*: cách nhìn thân kiến, tức quan điểm coi thân này là cái ‘ta’ hay ‘ngã’.]

¹²² [Spk-pt giải thích những sự có-chấp (*abhinivesa*) là ba thứ dục-vọng, sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến); và những xiềng-xích (*vinibandha*) là những xiềng xích thuộc tâm do không tránh bỏ nhục-dục đối với thân-sắc, cảm-giác... [coi thêm kinh **MN I** 101,28–102,16]. Còn trong bài kinh kế tiếp có thêm sự nắm-giữ (*ajjhosāna*) được định nghĩa bởi Spk-pt là hai thứ dục-vọng và những quan điểm này nọ (tà kiến).] (237)

¹²³ [Spk: tình huống ở đây là: Thầy Ananda đã thấy các Tỷ kheo khác nhận lãnh từ Phật chủ-đề (đề mục) thiền quán về năm-uẩn và họ đã chứng đắc thánh quả A-la-hán và đã tuyên bố sự hiểu-biết cuối-cùng của mình trước mặt

Phật. Vì vậy nên thầy đã đến gặp Phật muốn nhận lãnh chủ-đề thiền quán để làm được như họ. Phật biết thầy ấy sẽ không chứng đắc ba thánh quả cao hơn (cao hơn Nhập-lưu) trong thời gian Phật còn tại thế, nhưng Phật vẫn đưa ra những hướng dẫn thiền quán để làm thỏa lòng thầy Ananda. (Mỗi ngày) thầy Ananda sẽ chú tâm (thiền quán) vào chủ-đề thiền của mình một hay hai lần trước khi đến hầu cận, và chính đó là một yếu-tố giúp thầy ấy sau này dần chín-muồi tới sự giải-thoát.] (238)

¹²⁴ [DPPN 2:730 giải thích thầy Rādha trước kia là một bà-la-môn ở thành Rājagaha (Vương-xá), trở thành một Tỳ kheo khi tuổi đã già. Phật tuyên bố thầy là đệ nhất về năng lực phát khởi tính biện-tài trong người khác (etadaggamṭaṭibhāṇakeyyāna; kinh AN I 25,15). Thầy Rādha cũng được tả trong hai kinh thi kệ Th 133–134 (= Dhp 13–14).

Spk: Hễ khi Phật nhìn thấy vị trưởng lão này thì chủ đề (giáo lý) vi tế khởi lên trong Phật. Vì vậy Phật đã chỉ dạy cho thầy ấy Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau. Trong Chương 23 này, có hai NHÓM kinh (vagga) được giảng dạy theo cách ‘đặt câu hỏi’; một NHÓM thứ ba thì theo cách ‘thỉnh cầu’, và một NHÓM thứ tư thì theo cách ‘nói chuyện thân mật’ (upanisinnakakathā: nghĩa gốc là “nói chuyện khi ngồi gần nhau”.)] (239)

¹²⁵ [Spk: ở đây Ma Vương (Māra) là chữ ẩn dụ chỉ “cái chết và năm uẩn” (māra-khandha, khandha-māra)]. (240)

¹²⁶ [Vimutti kho Rādha nibbānatthā. Spk: “sự giải-thoát của thánh quả” có mục đích là Niết-bàn không còn dính-chấp (phalavimutti nāṃ’ esā anupādānibbānatthā).] (242)

¹²⁷ [Đoạn vấn đáp này cũng có ở kinh SN 48:42 và MN I 304,20–22. Phiên bản Be luôn đọc động từ accayāsi [là thể bất định của atiyāti]; Se thì đọc là accasarā [thể bất định của atisarati). Chữ assa ở đây và chữ ajjhaparam bên dưới chắc hẳn là do lỗi chính tả. Nguyên văn Pali của câu cuối là: “Nibbānogadham hi Rādha brahmacariyaṃ vussati

nibbānaparāyanam nibbānapariyosānam”. Nhiều dịch giả đã dịch chữ nibbānogadha có nghĩa là ‘nhập Niết-bàn’, ‘nhập vào Niết-bàn’, ‘nhập thể Niết-bàn’, ‘nhập trong Niết-bàn’, hay ‘nhảy vào Niết-bàn’ do các luận giảng gợi ý kết nối chữ ogadha với ogāha: nghĩa là sự nhảy vào, nhập vào (từ động từ ogāhati: nhảy vào, nhập vào, phóng vào). Nhưng thực chất thì chữ ogadha là chữ đồng dạng biến thể của chữ ogādha, từ động từ ogādhati mà các luận giảng cho là đồng nghĩa với chữ patitṭhahati: có nghĩa là “được thiết lập”. Họ xác nhận mối liên kết này bằng cách mạnh tay giải thích ogadha = patitṭhā: có nghĩa là sự hỗ trợ; bởi vậy tôi mới diễn dịch theo nghĩa là “nền tảng, căn cứ”. Để tham khảo thêm, mời coi tự điển Pali **CPD**, các chữ ogadha, ogādhati, ogāha, và cách dùng chữ gādha, cả về nghĩa gốc và nghĩa ẩn dụ, trong Phần **I, v. 263. MW** thì định nghĩa chữ gādha (từ gốc từ gādh: đứng vững, trụ chắc) là một căn cứ hay nền tảng để đứng chắc chân dưới nước, ở chỗ nước cạn, chỗ sông cạn.] (243)

¹²⁸ [Câu trả lời này dựa trên sự chơi chữ giữa chữ satta với chữ tương đương trong tiếng Phạn là sattva có nghĩa là "chúng sinh" và phân từ quá khứ của nó là sajjati (= tương đương trong tiếng Phạn là sakta) có nghĩa là “bị ràng buộc, bị dính kẹt, mắc kẹt”.] (244)

¹²⁹ [Coi thêm, so sánh với kinh **SN 12:15.**] (247)

¹³⁰ [Đây là bốn sự phân loại tất cả các đối tượng. Theo Spk: thứ được nhìn thấy (ditṭha) là cơ sở hình-sắc được nhìn thấy; thứ được nghe thấy (suta) là cơ sở âm thanh; thứ được cảm nhận (muta) là những đối tượng được ngửi, nếm, và chạm xúc; và thứ được nhận biết (viññāta) là bảy cơ-sở khác (tức: gồm sáu cơ-sở cảm nhận bên trong (sáu giác quan, sáu nội xứ) và cơ sở hiện-tượng thuộc tâm ở bên ngoài (pháp xứ). Spk: các chữ “đạt tới, tìm kiếm, bao quát bởi cái tâm” (pattam pariyesitam anuvicaritam manasā) chỉ là lặp lại (và làm rõ hơn) nghĩa của chữ “nhận biết”, (tức là gần như những chữ đồng nghĩa)

Trong những kinh tiếp theo của **NHÓM** này, phần này được bỏ đi khi giản

lược, nhưng nên hiểu là nó luôn có trong các kinh.] (250)

¹³¹ [**Spk** không giải thích ‘sáu trường hợp’ là gì. Dường như ‘sáu’ là gồm: 5 uẩn và 1 bộ [bộ gồm: bốn đối tượng giác quan được gộp chung thành 1 bộ]. So sánh với kinh **MN I 135**, trong đó 1 bộ bốn đối tượng giác quan này thực sự thay thế “thức” (viññāṇa) làm cơ sở tạo ra những cách-nhìn sai lạc (ditṭhiṭṭhāna, tà kiến).] (251)

¹³² [Giống đoạn này trong kinh **SN 22:18**, coi thêm chú thích của nó.]

¹³³ [Giống đoạn này trong kinh **SN 22:18**, coi thêm chú thích của nó.] (253)

¹³⁴ [Từ chỗ này tiếp theo là toàn bộ thuyết ‘hư vô’(natthika-vāda), còn gọi là thuyết ‘bị hủy diệt’ (uccheda-vāda), nó được cho là do khổ sĩ Ajita Kesakambalī nói ra.] (254)

¹³⁵ [Từ đây tiếp theo là thuyết ‘không có hiệu lực của nghiệp’ hay ‘phi nghiệp quả’ (akiriya-vāda), được cho là do khổ sĩ Purana Kassapa nói ra.] (255)

¹³⁶ [Từ đây tiếp theo là triết lý ‘không có nguyên nhân’, ‘phi nhân duyên’ (ahetuka-vāda), được cho là của Makkhali Gosala (theo kinh **DN I 53, 25-33**), một phần của nó cũng được cho là của khổ sĩ Purana Kassapa; những đệ tử của Makkhali Gosala được gọi là các Ajivika, họ đều theo thuyết này.] (256)

¹³⁷ [Đó là: đen, xanh, đỏ, vàng, trắng, và cực trắng (thuyết sáu giai cấp: *chalabhijātiyo*) thể hiện sáu giai đoạn đi tới hoàn thiện của những người theo đạo Ajivaka.] (257)

¹³⁸ [Từ đây tiếp theo là học thuyết ‘bảy-thân’ được cho là của Pakudha Kaccāyana.] (258)

¹³⁹ [Đoạn kinh trong ngoặc vuông [...] này được thầy TKBD chép từ **DN** và **MN**, vì dường như trong **SN** này đã bị mất đi đoạn này khi kết tập.] (259)

¹⁴⁰ [Người tu theo niềm-tin hay người căn-tín (*saddhānusāri*) và người tu theo Giáo Pháp hay người căn-trí (*dhammānusāri*), là hai loại đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Hai loại người tu này là hàng thấp nhất trong cách phân loại chính thức về bảy hàng đệ tử, như trong kinh **MN I 477–479**. Bảy hàng đệ tử cũng được định nghĩa, hơi khác một chút, trong **Pp 14–15** (§30–36) và trong **Vism 659–60** (**Ppn 21:74–78**). Người căn-tín và người căn-trí cũng được phân biệt trong kinh **SN 55:24** và **SN 55:25**, mặc dù không được phân biệt trong kinh này. Trong các kinh **SN 48:12–17** thì hai loại người tu này đứng cuối danh sách những thánh nhân, ở hàng những đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Và trong đó người căn-tín xếp dưới người căn-trí vì lý do căn-tín là thấp hơn căn-trí. Nói gọn, người căn-tín và người căn-trí chỉ khác nhau ở chỗ trọng căn của họ: người đầu dựa vào niềm-tin làm cỗ xe tu tiến, người sau dựa vào trí-tuệ hiểu biết.

Rồi khi họ chứng ngộ Nhập-lưu, người căn-tín được gọi là “*người được giải thoát nhờ niềm-tin*” (*saddhāvimutta*; coi thêm **MN I 478,29–34**), và người căn-trí được gọi là “*người đã chứng ngộ/đạt tới tâm-nhìn*” (*ditṭhippatta*; coi thêm **MN I 478,18–23**).

Spk giải thích chữ “*lộ trình đúng đắn đã được định xong*” (*sammattaniyāma*) chính là thánh đạo (*ariyamagga*). Về câu “*người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu*”, **Spk** cho rằng một khi thánh đạo đã khởi sinh thì không còn trở ngại nào tới thánh quả. Trong **Pp 13** (§20) có ghi câu này: “Người này phải là người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và phải đến lúc một đại kiếp cháy rụi, (nhưng) một đại kiếp sẽ không cháy rụi cho đến khi người đó chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.” (ý nói là chắc chắn người này chắc chắn chứng thánh quả Nhập-lưu.)] (268)

¹⁴¹ (272)

¹⁴² [*Cittass’ eso upakkilesa: sự suy đồi của tâm*. **Spk**: Sự suy đồi của tâm nào? Đó là tâm của bốn cõi. Công nhận đó là tính chất của tâm trong ba cõi thế-tục, nhưng cách nào có sự suy đồi của tâm thuộc cõi siêu

thế? Đó là bằng cách cản trở sự khởi sinh của nó. Sở dĩ nó là một sự suy đồi bởi vì nó không cho cái tâm (siêu thể) khởi sinh. Mặc dù chủ-đề của Chương này là *kilesa* được dịch là “ô-nhiễm”, nhưng lời bài kinh này lại dùng chữ *upakkilesa* nên tôi diễn dịch là “sự suy đồi”. Kinh **MN I 36–37** liệt kê 16 “sự suy đồi của tâm”, trong khi kinh **SN 46:33** áp dụng cách chỉ định này này thành *năm chướng-ngại*.] (273)

¹⁴³ [Về cụm chữ “trong sáu trường hợp này”, coi lại chú thích ở kinh **SN 24:01** ở trên.]

¹⁴⁴ [**Spk** giải thích rằng: “Tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ” (*nekkhammaninnaṃ c’assa cittaṃ hoti*): cái tâm tĩnh lặng (định) và minh sát (tuệ) ngã hướng về chín trạng thái siêu thể. “Những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp” (*abhiññā sacchikaraṇīyesu dhammesu*): những điều thuộc sáu loại sự hiểu-biết trực tiếp (sáu trí). **Spk** không giải thích chữ *khāyati*, nhưng nghĩa gốc nó là ‘xuất hiện, hiện ra’.] (274)

¹⁴⁵ [Giống trong kinh **SN 21:03**] (275)

¹⁴⁶ [Coi lại kinh **SN 18:21** để hiểu rõ thêm.]

¹⁴⁷ [Tên của nữ du sĩ này có nghĩa là “Khuôn Mặt Tĩnh Kiết”. **Spk** giải thích rằng cô ấy tiếp cận bị trưởng lão với ý định để chế giễu thầy ấy bằng những câu hỏi của cô và để kích động một cuộc tranh luận. Mỗi câu hỏi và trả lời đều mang có nghĩa đen và nghĩa ẩn ý thâm sâu.] (278)

¹⁴⁸ [Về những loài rồng naga (*nāga*) được nói trong Chương này và những loài chúng-sinh khác (*chìm-thần*, *càn-thát-bà*, *thiên-thần-mây*) được nói trong ba Chương tiếp theo, mời đọc lại phần Giới Thiệu về Phần III trong CDB (bản dịch Pali-Anh của Bộ Kinh này bởi TKBD), trang 850-851. Bốn phương thức sinh sản hay bốn kiểu sinh (*yoni*) được nói ra ở đây là chỉ tất-cả các loài chúng sinh; coi thêm **MN I 73,3–15**. Theo **Spk**, Đức Phật nói kinh này là để giải cứu các Tỷ kheo khỏi chí hướng muốn tái sinh thành những chủng loài rồng (*nāgayonhi uddharaṇatthaṃ*, hay (Se): *ukkaṇṭhanatthaṃ*)

như vậy, để làm cho họ chán ngán với những kiểu sinh thành rỗng và kiếp rỗng như vậy.] (284)

¹⁴⁹ [Nguyên văn: *Uposatham upavasanti vossatthakāyā ca bhavanti*. Theo cổ tích Phật giáo, những loài rồng naga có thể tuân giữ giới-hạnh trong ngày rằm Bồ-tát (*Uposatha*), và thậm chí có thể nhất tâm giữ giới-hạnh đó cho dù phải chết. Câu chuyện minh họa là Chuyện Tiền Thân (Campeyya Jātaka, kinh chuyện số 506), trong đó Bồ-tát được tái sinh thành vua rồng naga long vương) đã duy trì giữ giới ngay cả khi bị hành hạ tàn khốc bởi một con rắn bùa mê.

Spk-pt còn giải thích thêm: “*Từ bỏ thân thể chúng*”: khi chúng đã quyết tâm giữ giới thì chúng từ bỏ thân thể với một cái tâm không quan tâm tới thân thể nữa, chúng chỉ nghĩ rằng: “Ai muốn da, máu, xương của ta thì cứ lấy”.] (285)

¹⁵⁰ (287)

¹⁵¹ (288)

¹⁵² [Chữ *gandhabba* liên với những chất hương thơm, rõ ràng là vậy vì chữ này dựa trên gốc từ *gandha*, có nghĩa là mùi hương. Spk: Những càn-thát-bà trong những gốc cây hương thơm được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của một cây có gốc rễ thơm, nhưng toàn bộ cây đó đều là nơi cư trú của những càn-thát-bà đó. Tương tự đối với những loại càn-thát-bà khác.] (289)

¹⁵³ [Sự tái sinh thành một càn-thát-bà được coi là tốt lành và đó là nghiệp quả trực tiếp từ những hành vi thiện (nghiệp thiện); khác với sự tái sinh của rồng *nāga* và chim thần *supanna*, đó là sự hỗn hợp (tốt và xấu) và là nghiệp quả trực tiếp của những hành vi mâu-thuẫn (tức nghiệp thiện và bất thiện lẫn lộn).] (290)

¹⁵⁴ [Spk: đây là những thiên thần sống trong không trung khởi sinh trong số những thiên thần sống-trên-mây, hay thiên thần mây.] (291)

¹⁵⁵ [Đây là một du sĩ nổi tiếng trong tạng Kinh Pali: ông xuất hiện ba lần trong các kinh dài **MN 71, 71, 73**, và lần thứ ba ông đã trở thành Tỳ kheo và chứng luôn thánh quả A-la-hán. Riêng trong bộ kinh **SN** này, ông cũng còn tái hiện trong các kinh **SN 44:07—11.**] (154)

¹⁵⁶ (295)

¹⁵⁷ [Spk cho rằng lý do “*do không nhìn-thấy*” cũng đồng nghĩa như lý do “*do không hiểu-biết*”.] (296)

¹⁵⁸ (297)

¹⁵⁹ [Spk: tức giới xác định các yếu-tố của tầng thiền định, như nhất-thiền có năm yếu-tố, nhị-thiền có ba yếu-tố...] (298)

¹⁶⁰ Spk: “*không thiện khéo về (kỹ năng) duy-trì trong tu thiền định*” (*Na samādhismim ̄thitikusalo*): là không thiện khéo trong việc uy trì hay ổn định tầng thiền định trong bảy hay tám cái bún ngón tay.

Kỹ năng này có lẽ tương ứng với kỹ năng “*làm chủ quyết định*” (*adhiṭṭhānavasi*) được mô tả trong **Paṭiṣ I 100**: “*Người tu quyết định (khoảng thời gian) nhập định (trong mỗi tầng thiền định) ở đây, khi nào, và trong bao lâu theo ý mình; người đó không khó khăn gì trong sự quyết định (khoảng thời gian nhập định) như vậy.*”] (300)

¹⁶¹ [Spk: ‘*Thoát ra*’: kỹ năng thoát ra khỏi trạng thái tầng thiền định vào thời điểm mình đã chọn trước khi nhập thiền; có lẽ ở đây gồm cả kỹ năng quán chiếu lại những gì người thiền đã nhìn thấy trong trạng thái tầng thiền định, từ đó dẫn tới trí tuệ giác ngộ...] (301)

¹⁶² [Spk: ‘*Mềm-dẻo*’: dễ uốn nắn; đây chỉ kỹ năng làm cho tâm được mềm dẻo, được thuần thực, bằng cách làm hoan hỷ nó.] (302)

¹⁶³ [‘*Đối-tượng*’: là những vật thể... làm đối-tượng chú-tâm để thiền định, tức những *kasina*. Coi thêm **Vism 113 (Pgn 3:117)**] (303)

¹⁶⁴ [Spk: ‘*Phạm-vi*’: có thể có nghĩa chỉ phạm vi các chủ-đề thiền định và thiền quán; câu cuối có thể chỉ phạm vi phân biệt hai loại thiền: thiền định và thiền quán minh sát.] (304)

¹⁶⁵ [Spk: ‘*Quyết-tâm*’: sự nhất quyết, kiên quyết để *nâng bậc* chủ-đề thiền; tức: kiên trì nâng bậc chứng thiền từ nhất-thiền lên nhị-thiền, từ nhị-thiền lên tam-thiền...] (305)

¹⁶⁶ [‘*Chu đáo*’: chỉ sự làm chu toàn kỹ càng đủ để chứng nhập vào tầng thiền định.] (306)

¹⁶⁷ [‘*Thích-hợp*’: là hoàn thiện những phẩm hạnh hữu ích và thích ứng cho việc tu thiền định.] (308)

+ Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch; email:

lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, 0908544950

+ Hoặc về bản vi tính, liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email:

huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

